

ĐẠO ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập lục niên)
Tòa Thánh Tây Ninh

Tập San

THẾ ĐẠO



The Three Venerable Saints of Cao Đài

- 1*- Thiệp chúc Xuân Tân Sửu (2021) của BTĐHN
- 2*- Thông báo số 16 ngày 25-1-2021 của BTĐHN
v/v thực hiện Chương Trình “Cầu Hiền Giúp Đạo”
- 3*- “Đạo Cao Đài chủ trương phục hoạt Nho Giáo
hay Nho Tông” (HT Nguyễn Đăng Khích)
- 4*- “. Xây Bàn - Phò Cơ - Chấp Bút” (Hiền Tài
Lê Thành Hưng)
- 5*- “Chính Trị Đạo” tt. (Khai Pháp Trần Duy Nghĩa)
- 6*- “Chú giải Di Lạc Chơn Kinh & Kinh Cứu Khổ”
tiếp theo (HT Quách Văn Hòa)

Tập Mới

Số 84

4-2021

Tạp San Thế Đạo
Issue # 84
(April - June 2021)



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
PO Box 21577
San Jose, CA 95151
Phone: 408-238-6547

TẬP SAN THẾ ĐẠO

Tập San Thế Đạo do Ban Thế Đạo Hải Ngoại chủ trương và phát hành mỗi 3 tháng 1 số phổ biến đến quý Chức Sắc, Chức Việc, đồng đạo và Thân hữu qua đường Bưu Điện và số đầu tiên (số 1) phát hành vào tháng 9 năm 1998 và đến ngày hôm nay đã được 84 số.

Tập San Thế Đạo là tiếng nói của Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhằm mục đích phổ biến tin tức đạo sự và phổ truyền giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh.

Tập San Thế Đạo rất mong được sự yểm trợ tinh thần và vật chất cũng như sự công tác, góp ý của quý Chức Sắc, Chức Việc, đồng đạo và thân hữu trên mọi phương diện về giáo lý, thi họa, văn hóa xã hội . . . nhằm mục đích phát triển Ban Thế Đạo Hải Ngoại ngày càng rộng rãi, tốt đẹp và mạnh mẽ hơn.

Trong mọi vấn đề, xin quý vị vui lòng liên lạc:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
banthedao@googlegroups.com

Thiệp Xuân



Nhân dịp Xuân Tân Sửu 2021 đến,
Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Kính chúc:

- Quý Chức Sắc, Quý Chức việc, Quý
Đồng Đạo và Quý Thân hữu cùng
Quý bửu quyến,
- Quý Mạnh Thường Quân cùng quý
bửu quyến và quý Cơ Sở Thương Mại,
Đã yểm trợ tinh thần và vật chất
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Hệ Thống
Truyền Thông BTĐHN:



**Một Mùa Xuân An Vui - Hạnh Phúc
& Tu Tiên trên Đường Đạo**

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Các Ban Đại Diện BTĐHN
Tập San Thế Đạo - Bản Tin Thế Đạo
www.banthedao.net
www.banthedaohaingoai.org
Đại Học Cao Đài Online (ĐHCĐO)**

MỤC LỤC

01	Thiệp chúc Xuân Tân Sửu (2021) của Ban Thế Đạo Hải Ngoại.	03
02	Mục Lục.	05
03	Đức Hộ Pháp Ban Huấn Từ sau bữa tiệc Đâu Xuân.	07
04	Một số Bài Thánh Giáo trong tháng 1-1927 trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.	08
05	“Tản mạn về con trâu” (Lê Tấn Tài).	13
06	“Đạo Cao Đài chủ trương phục hoạt Nho Giáo hay Nho Tông chuyển thế có còn thích hợp với thời đại không?” (HT Nguyễn Đăng Kích).	39
07	Vườn Thơ Thế Đạo.	58
08	“ Ngày Lễ Valentine” (Duy Văn).	65
09	Thông báo số 16/VP/BTĐHN ngày 25-1 năm 2021 v/v thực hiện Chương Trình “Cầu Hiền Giúp Đạo” của BTĐHN.	83
10	“Phương pháp mở Đạo đặc biệt kỳ diệu của Đấng Giáo Chủ Đạo Cao Đài : Xây Bàn Phò Cơ- Chắp Bút”(HT Lê Thành Hưng) ...	94
11	Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại.	111
12	Danh sách yểm trợ BTĐHN từ ngày 21-11-2020 đến ngày 31-12-2020.	112

- 13 Danh sách yểm trợ BTĐHN từ ngày 1-1-2021 đến ngày 24-3-2021 113
- 14 Tóm lược Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu 115
- 15 Tin buồn 118
- 16 “Con người từ đâu đến - Mục đích và Thiên chức” (HT Võ Ngọc Độ) 123
- 17 “Chính Trị Đạo” (Soạn giả: Khai Pháp Trần Duy Nghĩa) (Tiếp theo) 146
- 18 “Chú Giải Di Lạc Chơn Kinh & Kinh Cứu Khổ” (Tiếp theo) (Thiên Vân -Hiền Tài Quách Văn Hòa) 168
- 19 Những Nhà Yểm trợ thường xuyên Ban Thế Đạo Hải Ngoại (Trang 190 - 192 và mặt trong Bìa Tập San 190

Tập San Thế Đạo được Ban Thế Đạo Hải Ngoại phát hành 3 tháng một ấn bản và đến ngày hôm nay được 84 số.

Tất cả Tập San Thế Đạo từ số 1 đến số 84 đã được đăng tải đầy đủ trên Web www.banthe-daohaingoai.org

Trân trọng kính thông báo

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

ĐỨC HỘ PHÁP BAN HUẤN TỪ SAU BỮA TIỆC ĐẦU XUÂN.

(Tại Hiệp Thiên Đài, 21 giờ đêm mùng 3 tháng giêng năm
Mậu Tý (dl. 12-2-1948)

* * *



Năm mới, không có đặt diển văn chi.
Hôm nay tôi dùng những tiếng thường
để nói việc đời.

Theo thể thường người ta nói: "Thực
nhơn tài phải cứu nhơn tai" (Phàm ăn
của người phải giúp cho người). Tuy
vận tôi nghèo, nhưng tôi làm cái tiệc
này rất đặc biệt, lại nữa tôi mời quý
Ngài cũng đặc biệt, toàn là chư vị yếu
nhơn cầm quyền Chánh Trị Đạo, không
ai là ở ngoài. Tôi không nói dối rằng nhà tôi đơn chiếc, vì
nhà tôi là cả toàn cầu.

Quý Ngài hưởng lễ rồi, tôi xin nhờ quý Ngài một việc: Vì
tôi có một ông Cha Thiêng Liêng là Thiên phụ, Ông cho tôi
cái quyền bác ái là thương cả toàn cầu, và một ông Chúa là
Thiên tử. Thiên phụ tôi thì giao chèo chiếc thuyền Bát Nhã,
Thiên tử giao đầy xa thơ, từ Nam chí Bắc, từ Đông chí Tây.
Anh em rất đông, nhưng người ngồi trên thì nhiều, còn kẻ
đầy, chèo, thì ít.

Năm rồi, các Ngài hảo tâm giúp sức cũng chèo, cũng đầy
năm nay cũng vậy, xin cũng giúp đầy, giúp chèo cho đến
nơi, đến chốn. Ấy là ơn trọng lắm vậy.

Xin quý Ngài giúp tôi cho trọn đạo.

MỘT SỐ BÀI THÁNH GIÁO TRONG THÁNG 1-1927 TRONG THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN

**8-1-27: Thánh giáo dạy
khá đem hết trí lực thi thố chớ sụt sè.**

Cầu kho, le 8 Janvier 1927

THẦY, Các con.

Thầy vui thấy nhơn sanh biết hối ngộ, chẳng quản dậm dài, đến hội hiệp nhau mà để bước vào đường đạo đức.

Các con phải biết hễ là người thì phải biết Đạo; không biết Đạo không phải là người. Cái chánh cái tà rồi đây sẽ phân biệt nhau. Nếu các con còn để một vài điểm mơ hồ trong dạ thì làm sao chóng đến nơi, đến chốn đặng?

Các con phải đồng tâm hiệp lực nhau, bỏ hết các điều tệ theo thường tình, thì mới dễ thành Đạo. Vậy Thầy khuyên các con đưa nào có trí lực bao nhiêu khá đem ra mà thi thố, chớ đừng sụt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uổng cái điểm linh quang của Thầy ban cho các con lắm.

Các con hiểu à

* * *

**10-1-1927 : Thánh giáo dạy phận sự muốn được
hoàn toàn cần phải bền chí khổ tâm v.v...**

Cholon, le 10-1-1927

**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐỀ VIẾT CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG**

Chư Môn đệ và chư Nhu nghe:

Chim về cội nước tách nguồn, từ xưa kiếp con người giữa

thể, chẳng qua là khách đi đường; phận sự muốn cho hoàn toàn, cần phải có bền chí và khổ tâm; có bền chí mới đạt đăng phẩm vị thanh cao; có khổ tâm mới rõ tuồng đời âm lạnh; lãng xãng xạo xự mùi chung đỉnh, vẻ cân đai, rớt cuộc cũng chẳng khác chi một giấc huỳnh lương mộng; mỗi bậc phẩm đều đăng một vai tuồng của Đấng cầm quyền thế giải ban cho; dầu thanh cao dầu hèn hạ cũng phải gắng làm cho rồi trách nhiệm, hầu buổi chung cuộc, hôn lia cõi trần, đăng đến nơi khởi hành mà phục hồi công cán; ai giữ trọn bực phẩm, thì đăng Tòa nghiêm cảnh tương công chiết tội, để vào địa vị cao hơn chốn địa cầu 68 này; ai chẳng vẹn trách nhiệm như sanh, phải bị đọa vào nơi u minh địa, để trả cho xong tội tình căn quả cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ; bằng chẳng biết sửa mình thì luật Thiên Điều chông chập, khổ A Tỳ phải vương muôn muôn đời đời mà đền tội ác. Bậc như sanh vì đó mà phải chịu thiên niên chìm đắm vào số luân hồi; vay trả, trả vay, căn quả chẳng bao giờ tiêu đăng. Các bậc Thần, Thánh, nếu chẳng biết mỗi Đạo là phương châm tìm nguồn trong rửa bợn tục, thì biển trần khổ này cũng khó mong thoát đăng.

Trời Nam nay đăng một yển sáng của Đấng Đại Từ Đại Bi dẫn khách trần bước lên ra con đường hắc ám, để tránh khỏi bến mê; dụng nâu sòng thế cân đai, mượn khổ tâm thay chung đỉnh, lấy hạnh đức làm nấc thang bước lên tột lừng trời, vệt ngút mây xanh, trông vào cảnh thiên nhiên, biết rõ cơ màu nhiệm mà làm khách u nhân thanh nhã, núi thẳm, rừng xanh. Phải hết muôn sự ở cõi trần vô vị này, ấy là một sự khó thi hành của khách phàm tục, mấy ai nông nã tìm đến cảnh thiêng liêng, mà nhiều kẻ lại tìm vào vực thẳm.

Đạo Trời qua bến tục, đường Thánh dẫn khách trần; nếu

chẳng biết thế thời, giọt nước lành dương hết chờ khi rưới
khổ đặng.

* * *

**17-1-1927): Thánh Giáo dạy rằng Thầy đến lập Đạo
thì phải vì Đạo Đức mà đạt đến phẩm vị cao thượng**

THẦY, Các con

Thượng Trung Nhật, con là anh phải dạy lại các em một
lần này là chót, Thầy vẫn đã thường nói rằng: Thầy đến lập
cho các con một nền Chơn Đạo, tức là mỗi sự chi đối trá là
chẳng phải của Thầy. Thầy đến là chủ ý để dạy cả nhơn sanh
đặng hòa bình, chớ chẳng phải đến đặng đục thêm nghịch
lẫn nhau.

Thầy lại thường nói rằng sự sang trọng vinh hiển của các
con, chẳng phải nơi thế giới này. Thầy lại đến lập trong nước
các con, một nền chánh Đạo đủ tư cách độ rồi chúng sanh.
Các con và cả dân tộc các con, vì nơi Đạo mà đạt đến phẩm
vị cao thượng; cái phẩm vị ấy do nơi đâu mà có? Là bởi đạo
đức của các con, đạo đức thẳng hung bạo là thường tình; các
con hằng thấy sự đời thường vậy.

Thầy là đấng Chí Tôn cầm quyền thưởng phạt, há lại không
quyền hành mà làm mọi việc một mình Thầy đặng sao, lại
phải cậy tay phàm, chẳng qua là đạo đức thiếu kém của các
con đó, nó làm cho các con bị phạt. Từ đây phải tin tưởng
một Thầy và nghe lời Thầy dạy: giữ đạo đức cho bền, còn
ngoại trừ sự chi nghịch với Nhơn đạo thì là mưu chước tà
quái.

Thầy ban ơn cho các con.

**26-1-1927 (23-12 Bính Dần): Thánh Giáo dạy
phải Tu mới thoát kiếp luân hồi**

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT
CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Hỉ chư Môn đệ, chư chúng sanh; chư chúng sanh nghe:

Thuyền khơi đợi gió lướt giòng ngân,
Dẫn khách Nam qua khỏi bến trần.
Nhuộm áo nâu sông về Cự Lạc,
Trau gương trí huệ phủ đai cân.
Cơ Trời đến buổi đời thay đổi,
Đạo Thánh nhằm khi khách gọi nhuần.
Khổ hạnh dầu ai thìn một kiếp,
Rừng tòng thoát tục sớm đưa chân.

Đạo Trời khai ba lượt, khách tục lỗi muôn phần, khách trần ai vẫn lấy sự vui vẻ vô vị chôn sông mê này mà quên trọn các điều đạo đức của các Đấng Thánh trước Hiền xưa. Chung đỉnh mãng tranh giành, lợi danh thường chác buộc, kiếp phù sanh không mấy lát, đời giả dối chẳng là bao. Sanh đứng làm người, trót đã mang vào mình một vai tuồng đặc biệt, đã chẳng lo bước hành trình cho xong mà đắp bồi nợ mảnh hình hài, ngọn rau tác đất, lại chác lăm điều phiền não ưu sầu, lấy Thánh đức gọi là chơi, mượn hành tàng vô nghĩa mà làm cho vừa lòng ái mộ bất lương. Cái xuân kia chẳng đợi người mà bước đời càng gay trở; lần qua thỏ lặn ác tà, bóng thiêu quang nhắc thức, con đường hi vọng chẳng biết đâu là tốt cùng mà bước đời xem đà mòn mỏi, sự thác vô tình sẽ đến mà vẽ cuộc sanh ly, pha màu tử biệt, làm cho sự vui vẻ giàu sang danh vọng, đều thành ra một giấc huỳnh lương, rồi đây vĩnh biệt ngàn năm tội tình muôn kiếp. Đài

Nghiệt cảnh là nơi rọi sáng các việc lỗi lầm, bước luân hồi sẽ dẫn vào nơi u khổ cùng sâu mà đọa đày đời đời kiếp kiếp. Ấy là buổi chung qui của khách trần đời. Nguồn Tiên, Đạo Thánh đi bước nhơn sanh, tránh tội lỗi, lia nẻo vạy, bước đường ngay, mà lần vào nơi Cực lạc an nhàn, rừng tòng suối lặng, động thắm non xanh, để mình vào bực thanh cao, thoát khỏi chôn luân hồi ràng buộc; ai mau bước đặng nhờ thân, ai luyến trần cam chịu khổ. Đạo Trời mầu nhiệm, khá biết xét mình sau khỏi điều tự hối.

Chúng sanh khá biết cho!

* * *

**31-1-1927, Chợ Lớn: Thánh Giáo dạy
phải rán công thêm nữa để đi cho cùng bước đường**

THẦY Các con.

Ngày qua thắm thoát, nhạc thúc bóng quang âm, xuân mãn kẻ xuân về, nước non màu cũng vẫn như xưa, mà tâm hạnh nhơn tình biết bao thay đổi. Một xuân qua tắt là Đạo một lần bước chóng; ngày này năm ngoái vẫn ra sao, mà đến ngày nay màn Chánh giáo đã diềm dà xủ khuất bóng trần, gương trí huệ rạng ngấn soi khách tục. Thầy mừng cho các con đã chịu lao tâm, tiêu tứ mà vun đắp nền Đạo làm cho mỗi tương thân, tương ái càng khẩn khít vững bền, rán công thêm nữa mà đi cho cùng bước đường của các con đã chịu lắm nhọc nhằn, vạch lối chông gai, đi chơn hậu tấn. Môn đệ nơi đây mặng buộc ràng nhơn sự mà hiệp chẳng đủ nghe Thánh ý. Vì vậy mà Lý Thái Bạch định làm Đại Lễ nơi Thánh Thất Cầu kho, cho các Môn đệ đó có thể hầu Đàn đủ mặt.

T... Con cũng nên tới chúng đàn và chung cùng với mấy em; chư Môn đệ cũng vậy.

TẢN MẠN VỀ CON TRÂU (Lê Tấn Tài)

Trong văn hóa đại chúng, hình tượng con trâu khỏe mạnh, cực nhọc, gắn liền với lũy tre làng xanh ngắt, với đồng quê bình dị, thôn xóm mộc mạc, với cuộc sống nhọc nhằn của người dân quê Việt Nam. Con trâu còn gắn liền với tuổi thơ vùng đại qua hình ảnh những chú bé chăn trâu hay len trâu, vui đùa với trâu, tắm trâu, cưỡi trên lưng trâu, thả diều, bên những vựa lúa chín vàng. Trâu có vai trò quan trọng trong nông nghiệp lúa nước, cho sức kéo cày nặng nhọc. Trâu còn là con vật dùng vào việc lễ tế thần thánh, cung cấp thịt và sữa cho con người.

Công việc đồng áng vất vả, nặng nhọc nhưng người nông dân luôn có một “ người bạn cần mẫn” bên cạnh giúp đỡ, chăm chỉ làm việc chung với nhau. Dù mưa hay nắng, ngày hay đêm thì những chú trâu vẫn cày cấy cùng người nông dân đem lại sự ấm no cho cuộc sống của người dân. Sở dĩ giữa con người và con trâu có mối quan hệ thân thiết như những người bạn thủy chung, vì giữa con trâu và con người có những đức tính rất giống nhau. Trâu giống như người nông dân hiền lành, thật thà, chất phác, chăm chỉ, cần cù, hay chịu thiệt thòi, vất vả một nắng hai sương. Đã vậy, trong đám gia súc gần gũi con người, chưa có con vật nào làm việc cật lực, giúp chủ mưu sinh đắc lực bằng trâu. Cả đời, trâu chỉ biết nai lưng, gồng cổ ra làm quần quật trong vũng sình lầy, giúp gia đình chủ no cơm ấm áo, không hưởng được lạc thú nào ở đời, đến khi già yếu lại bị xẻ thịt, phơi da, cắt móng, đem bán lấy tiền về cho chủ. Sinh ra làm con thú

khác như lợn, mèo, chó, tuy có khi bị giết thịt, còn được an nhàn no cơm ấm cật lúc sống. Sinh ra làm thân trâu, rõ ràng đúng là chỉ để trả Nghiệp, trả nợ một đời dãi dầu mưa nắng, rã rời xương cốt chưa đủ, lúc chết cũng không được an nghỉ nguyên lành thân xác.



Trâu là con vật to lớn, hiền lành, có sức mạnh, nhưng lại nặng nề, chậm chạp, không lanh lợi như vượn, khỉ, mèo, chuột. Cái gì cũng chậm, nhai cỏ, vẩy đuôi, lội nước, bước đi .

Trâu như ông già đủng đỉnh, nhân hậu, từ tốn, không màng bon chen danh lợi như đám người háo danh, ngựa non háu đá. Nhưng trời sinh, người cũng như vật, hễ hiền quá thì lại hay cộc, nên đôi khi, giống như voi, trâu có thể nổi điên rượt người hay cộc chạy có cờ và dùng sừng để chém. Khi đã điên lên thì vô cùng hung dữ, sức mạnh vô song, quyết đánh kẻ thù tới chết mới thôi. Trâu ăn uống đơn sơ giản dị, chủ không phải tốn tiền mua thức ăn như heo, gà, chó, ngựa. Trời còn mưa, cỏ còn mọc thì trâu tự lo cho đầy bao tử, không chê khen, làm phiền đến chủ. Ngày thì làm lụng, lúc

nghi ngơi ung dung gặm cỏ, đêm đến thì phơi mình ngoài sân, màn trời chiếu đất, yên lặng ngủ nghỉ. Trâu là "voi của đồng cỏ", bụng to như thùng rượu vang, sừng cong nhọn bén như hai thanh đao sắt, sẵn sàng đương đầu với cọp beo.

Trâu to lớn, sức khỏe vô địch, nhưng không ăn thịt, không tranh giành thức ăn các thú khác. Nghe con còn bú sữa trâu mẹ, khi đầy năm thì bắt đầu ăn cỏ non. Cỏ thì ở đâu cũng có, con người không phải lo vấn đề lương thực, hay phải chia sẻ bớt thức ăn mình cho trâu.

Từ khi được thuần hóa, trâu là một trong những con vật rất gần gũi với con người. Ruộng lúa là ruộng lầy nên dùng trâu trong việc cày bừa có năng suất cao hơn dùng bò. Trâu là máy cày, máy kéo của nông dân. Vì lẽ đó, trước khi có máy cày, việc giết trâu để ăn thịt gần như đồng nghĩa với phá hủy phương tiện sản xuất và giết hại loài động vật giúp cho nông dân giảm bớt sự lao碌.

Đối với nông dân Việt Nam con trâu là một sản nghiệp to lớn, ba biển cổ quan trọng đối với người Việt ngày xưa là: Mua trâu - Cưới vợ - Xây nhà.

Việc thờ Ngưu Thần được tìm thấy ở Sumer, miền Nam Iraq bây giờ, qua thần Enlil và ở Ai Cập cổ vào năm 3200 trước Tây lịch với thần Apis ở Memphis.

Theo huyền thoại Hy Lạp thần Zeus, tức thần Jupiter của người La Mã, được bò cái nuôi dưỡng. Ngày xưa dân đảo Crete, Hy Lạp, cho rằng ngưu thần tượng trưng cho mặt trời và sự sinh sôi nảy nở.

Tương truyền, Lão Tử chán thế sự cưới trâu xanh đi ẩn. Ông Doãn Hỷ đang làm quan giữ ải Hàm Cốc níu lại: "Nếu ngài

quyết đi ẩn cư xin vì tôi để lại một bộ sách!". Lão Tử bèn ở lại cửa ải Hàm Cốc viết bộ Đạo đức kinh và dặn Doãn Hỷ cứ tu theo đó thì đắc đạo. Do đó, Đạo đức kinh còn được gọi là sách Lão Tử.

Đôi với đạo Phật, con trâu cũng là một trong những con thú được nhắc đến (súc sanh) trong kinh.

“Thập mục ngư đồ” là mười bức họa chặn trâu nổi tiếng trong thiền tông, vẽ con trâu và những chú mục đồng, mô tả thứ tự quá trình diễn biến trong tâm thức của người vận dụng sự hành thiền trong cuộc sống. Tu đến mức không còn thấy có người, có ta nữa thì đã khá, nhưng phải đến khi cái biết ấy cũng không còn nữa mới thực là hoàn toàn giải thoát. Người theo đạo Phật không ăn thịt trâu. Những người thờ Quan Công, học bùa ngải không ăn thịt trâu. Người theo Ấn Độ giáo không ăn thịt bò vì bò Zebu được xem là vật thiêng. Trâu khỏe hơn bò, thịt dai và không ngon như thịt bò, nhưng sức lao động làm ra của cải vật chất rất cao, nên những dân tộc thiểu số Việt nam có tục lệ nhà gái thách cưới đàn trai bằng trâu bò. Có trâu bò thì có thóc lúa, cơm gạo; thóc lúa có thể đổi lấy quần áo, nữ trang, nhiều thức ăn khác, không sợ đói.

Đôi với người Chăm ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, con trâu là con vật không thể thiếu trong nghi lễ phong tục. Trâu là lễ vật dâng cúng thần linh, ông bà, cha mẹ, thu hút sự chăm lo giúp sức của người thân và bà con láng giềng. Cứ 7 năm một lần, vào tháng 7 lịch Chăm, một con trâu trắng dùng làm lễ vật được đem dâng cúng với nghi lễ linh đình tại chân núi Đá Trắng (núi Giang Patao) thuộc làng Như Bình, Phước Thái, Ninh Phước (Ninh Thuận).

Với người Sán Chay, nhà cửa được xây theo hình tượng một con trâu thần (thủy ngư). Bốn cột chính tượng trưng cho 4 chân, rui mè như là xương sườn, nóc là sống lưng. Thùng cám được đặt ngay chân cột chính, cạnh cửa ra vào chính là dạ dày của trâu thần, người và gia súc bám vào đó mà sống. Đó là chỗ linh thiêng trong nhà, là nơi thờ thần của gia đình. Trâu mang đậm yếu tố vật linh trong tính ngưỡng của người Sán Chay.

Đối với người Thái, con trâu đóng một vai trò rất quan trọng trong sản xuất và đời sống với câu tục ngữ: Con trâu là "cái nền nhà". Khi Tết đến, họ thường cho trâu ăn bánh chưng, lá dong...

Nhiều cư dân vùng Trường Sơn, Bắc Tây Nguyên, từ xưa đã nhận con trâu làm vật tổ trong tín ngưỡng tô tem của mình. Tục đâm trâu, giết trâu tế Dàng, ngày nay vẫn còn ở một vài nơi, như miền Tây Nguyên Việt Nam. Họ đánh đồng la, thổi kèn khi con trâu bị giết. Khi giết xong, thịt được mang cúng thần, sau đó được phân chia cho bữa ăn tập thể.

Với người M'ông thì trâu là con vật quý, đứng thứ hai sau voi, nên gia đình nào có trâu trong nhà được xem là giàu có. Người M'ông thường dùng trâu để giải quyết các việc lớn trong gia đình, dòng họ và cho cả buôn làng. Mua chiêng bằng trâu, mua ché bằng trâu, dựng nhà, cưới gả, các lễ hội mừng được mùa hàng năm bằng trâu. Trong luật tục, những tội trạng vi phạm nghiêm trọng các quy định của cộng đồng như xúc phạm thân linh, làm những điều người ta kiêng cữ, loạn luân đều dùng trâu để phạt vạ hoặc cúng xóa tẩy tội lỗi.

Đối với Người Cơ Ho hay còn gọi là người Lạch thì con trâu là tài sản quý giá nhất rồi mới đến chiêng, ché. Giống trâu

Lang Biang ở xứ này có vóc dáng lớn nhất Việt Nam, được thả vào rừng để tự sinh, tự dưỡng như thú hoang. Trâu đực không dùng để kéo cày mà dành riêng cho việc tế thần. Theo họ thì mỗi con trâu đều có nét mặt, màu lông, dáng sừng và tâm tính riêng, giống như con người vậy.

Trong đời sống của người Cơ Tu, con trâu là hình ảnh thiêng liêng nối kết ước vọng của con người với thế giới thần linh. Con trâu được người Cơ Tu xem như của cải quý giá mà nhà gái thách cưới trong lễ hỏi, cưới, tương tự như đồ sính lễ nhà trai tặng cho nhà gái gồm mã não, chiêng, ché. Người dân cũng thường trao đổi, mua bán cái này với cái kia với đơn vị giá là trâu: 1 trâu, 2 trâu.

Theo phong tục cổ truyền địa phương, dù là của người kinh hay người thượng đều có những tập tục liên quan đến loài trâu.

Nguồn gốc hội chọi trâu còn được sách Đồng Khánh Dư ghi lại qua lời tương truyền rằng ngày xưa có người dân trong xã đi qua Đền Hùng Trấn Tước Đỉnh Thần thấy hai con trâu húc nhau, thấy động chúng bỏ chạy xuống biển. Sau này dân xã Đồ Sơn mở hội chọi trâu vào ngày mùng 9 tháng 8 âm lịch như truyền thống hàng năm và tin rằng trong ngày hội thế nào cũng có trận mưa to gió lớn. Đền Hùng Trấn Tước Đỉnh Thần thờ vị thủy thần Đồ Sơn trên Núi Tháp thuộc huyện Nghi Dương. Đó là vị thủy thần Đồ Sơn rất hiển linh. Trong ngày lễ chọi trâu, khi trâu giao đấu thì những thanh niên của Đồ Sơn chia thành hai hàng trình diễn những màn múa cờ nhiều màu sắc. Một tích khác truyền lại là dân biển Đồ Sơn sống bằng nghề chài lưới, vì có người trong xã nằm mơ thấy Thần Thuyền hiển linh báo mộng nên xây dựng

ngôi đền để thờ thủy thần trên núi Tháp ngó ra biển. Qua giấc mộng, ngày hôm sau người đó lên núi nhìn thấy một đàn chim sẻ bay lượn trên nền trời xong bay ra hướng biển. Từ đó dân chúng tại Đò Sơn mới dựng đền trên núi cao.

Trong khi trên vùng cao nguyên có lễ hội đâm trâu tế thần theo phong tục cổ truyền của những dân tộc miền cao nguyên, đặc biệt là ở 2 vùng Kon Tum hay Gia Lai. Tục này ngày nay bị thế giới lên án. Tục đâm trâu tượng trưng cho sự thử thách độ sức của con người với thiên nhiên. Những buổi lễ này được dân làng cử hành thường vào mùa thu hoạch cuối năm, là cơ hội để các trai và gái làng biểu diễn tài năng của mình. Nam thì múa khiên, múa giáo, hay phóng lao. Trong khi nữ thì múa hát (xoang) cổ động cho buổi lễ đâm trâu. Còn người già đảm trách nhiệm vụ cúng tế và đặc biệt là đánh ching (tức chiêng bằng không có núm).

Con trâu tế thần (gọi là Kapô) được cột dưới cột Gung. Nó có thể chạy quanh cột Gung thành vòng tròn. Sau lời tế lễ, vị trưởng lão làng ra lệnh bắt đầu hành lễ, các chàng trai khoẻ mạnh như những dũng sĩ đóng khó Ktel (khó hoa) múa khiên, múa lao. Tiếng chiêng đuổi trâu chạy chàng dũng sĩ liền bám theo con trâu phóng những mũi lao ác nghiệt vào con vật hy sinh cho buổi lễ. Theo nhịp chiêng nhún nhảy, các cô gái nắm tay nhau xoang (múa) vòng quanh. Họ múa hát vui mừng cho tới khi con trâu bị lao đâm gục ngã quy và lời cúng tế dâng lên các thần linh của vị trưởng lão làng chấm dứt rồi thì lễ được kết thúc.

Trong tín ngưỡng nông nghiệp, hình ảnh con trâu thể hiện trên nhiều lĩnh vực. Chiếc sừng trâu gọi lên hình ảnh trắng lưỡi liềm biểu tượng của nước. Lúc đón giao thừa, người ta

ra xem trâu nằm hay trâu đứng, trâu ngoảnh đầu ra cửa hay vào trong để biết năm đó làm ăn có thuận lợi hay không.

Con trâu xuất hiện trong lễ hội dân gian với vai trò là vật tế lễ linh thiêng phản ánh tín ngưỡng của nông dân. Ở Bắc Giang từ xa xưa đã có tục tế trâu, thờ trâu trong các lễ hội truyền thống. Hội làng Phú Khê (Tân Yên) có lệ tế thần thành hoàng bằng trâu sống. Việc thờ trâu trong lễ hội dân gian ở Bắc Giang còn nói lên vị trí vai trò quan trọng của con trâu trong nền văn hóa cổ truyền của người dân Bắc Giang.

Một số vùng nông thôn Việt Nam ở các vùng Hoàng Hóa, Nga Sơn (Thanh Hóa), Vĩnh Linh (Quảng Trị), có tục lệ Tết Trâu.

Trâu là một loài động vật thuộc họ Trâu bò (Bovidae). Chúng sống hoang dã ở Nam Á (Pakistan, Ấn Độ, Bangladesh, Nepal, Bhutan), Đông Nam Á, miền bắc Úc. Trâu thuần dưỡng, tức trâu nhà được nuôi, phổ biến nhất ở vùng nhiệt đới châu Á. Một số nhỏ có mặt ở Nam Mỹ và Bắc Phi Châu. Trâu trưởng thành nặng khoảng từ 250 đến 500 kg. Loài trâu rừng hoang dã lớn hơn thế rất nhiều; con cái có thể nặng 800 kg, con đực lên tới 1,2 tấn, và cao tới khoảng 1,8 m. Trâu rừng châu Á có cặp sừng dài nhất trong số các loài thú có sừng trên thế giới.

Trên thế giới có hai nhóm trâu: trâu rừng Châu Phi (Cape buffalo) và trâu Châu Á, tức trâu nước. Đây là hai loài riêng biệt thuộc họ Syncerus (trâu Phi Châu) và Bubalus (trâu châu Á). Châu Á là bản địa của loài trâu với 95% tổng số trâu trên thế giới. Khoảng phân nửa số này sống ở Ấn Độ. Tính đến năm 1992 Á châu có 141 triệu con trâu. Trâu được

nuôi lấy sức cày ruộng, lấy thịt và sữa, ngoài ra da trâu còn được sử dụng để làm trống và sừng trâu dùng làm tù và.

Người Trung Hoa gọi trâu là thủy ngưu. Người Anh cũng gọi như thế với danh từ water buffalo hay water ox, cũng còn gọi là Indian buffalo vì Ấn Độ là một trong những vùng xuất phát của loài động vật ăn cỏ và nhai lại này. Ở Việt Nam người ta phân biệt trâu qua màu sắc. Do đó ta có trâu đen và trâu cò hay trâu trắng.

Trâu lên ba tuổi thì bắt cặp. Thời kỳ mang thai kéo dài từ 300 đến 340 ngày. Trâu thường đẻ một con. Trâu con mới sinh cân nặng từ 30 – 35 ký lô. Tuổi thọ trung bình của trâu là 25 năm.

Năm 2007, các nhà khoa học Phi Luật Tân cho biết đã thành công ghép (clone) được giống trâu vô tính đầu tiên. Đầu năm 2008, họ lại bắt đầu lại tạo một giống trâu siêu chủng cho rất nhiều sữa, đặt tên là Glory, đặt theo tên của bà tổng thống Gloria Maccapagal Arroyo.

Tại Ấn Độ có giống trâu Murrah có sừng xoắn khác với trâu thường có sừng vòng cung. Ấn Độ cũng đã lai tạo được một giống trâu siêu chủng đặt tên là Nili-Ravi.

Tại Trung Quốc, kỹ nghệ chăn nuôi nông phẩm đã biến trâu cày thành trâu sữa, vì sữa trâu có giá trị dinh dưỡng rất cao. Các nhà chăn nuôi nỗ lực nghiên cứu hầu tạo đàn trâu cày khoảng 20 triệu con dư ra sau khi nước này cơ giới hóa nông nghiệp, trâu cày giờ đây được biến thành trâu sữa. Phương pháp này được thực hiện bằng cách cấy bào thai trâu sữa có phẩm chất tốt vào bụng trâu cày cái.

Trong quá khứ, trâu Murrah Ấn Độ và trâu Niri-Raphi của

Pakistan là những giống trâu sữa tốt nhất thế giới. Mỗi năm một con Murrah có thể cho đến 3000 lít sữa. Ấn độ sản xuất 30 triệu tấn sữa trâu hàng năm. Phần còn lại của thế giới chỉ bằng một nửa số lượng ấy. Ấn Độ đã dùng sữa trâu từ ngàn xưa. Tại vùng bắc Ấn là nơi có rất nhiều trâu sinh sống.

Theo ngành dinh dưỡng học, sữa trâu rất bổ dưỡng, rất thích hợp với người suy dinh dưỡng vì trong sữa trâu giàu chất béo, giàu calcium, năng lượng cao gấp đôi sữa bò. Sữa trâu có lượng mỡ béo cao nhất trong các loại sữa gia súc. Trong 100 mg sữa trâu có 110 kcalo, trong khi cũng cùng 100 mg sữa bò chỉ có 66 kcalo. Ngoài ra, sữa trâu thích hợp để chế biến thành bơ, fromage hoặc yaourt. Sữa trâu nhiều chất béo hơn sữa bò nhưng thịt trâu lại ít mỡ hơn thịt bò, lượng sắt có trong thịt trâu lại cao hơn thịt bò. Trong thịt trâu chỉ có 1,5 - 5,6% mỡ so với thịt bò là 10 - 20%.

Trong các sóc của người Thượng trên cao nguyên Trung bộ người ta thường hạ trâu làm thịt để ăn trong những ngày trọng đại. Thịt trâu cũng ngon như thịt bò. Ngày nay người ta dùng sữa trâu và thịt trâu để làm lạp xường. Sừng trâu dùng làm tù và thổi gọi công cấy ở thôn quê. Các tiệm thuốc dùng sừng trâu thay thế cho sừng tê giác mài cho trẻ em uống. Da trâu dùng để bịt trống. Sạn trong mật trâu gọi là ngư hoàng dùng để làm thuốc. Trâu còn được dùng là thực phẩm hàng ngày phục vụ nhu cầu ẩm thực của mọi người. Người Âu Mỹ không dùng trâu trong việc canh tác. Họ không nuôi trâu và cũng không ăn thịt trâu mà chỉ ăn thịt bò.

Thời kỳ Vua Hùng dựng nước, tượng Trâu bằng đất nung được giới khảo cổ học tìm thấy trong di chỉ Đồng Đậu cách đây hơn ba ngàn năm. Trên mặt trống đồng Bắc Lý (Hiệp

Hòa) còn chạm khắc hình ảnh hội đâm trâu của người Việt cổ, ở buổi đầu dựng nước có nhiều tượng trâu ở di chỉ Đình Chàng.

Thời Lý-Trần, với chính sách trọng nông, khuyến nông, triều đình rất quan tâm tới việc bảo vệ nguồn sức kéo. Năm 1123, vua Lý Nhân Tông xuống chiếu nhắc nhở: Trâu là con vật quan trọng cho việc cày cấy, lợi cho người. Từ nay cấm không được giết trâu ăn thịt. Ai làm trái thì trị tội theo pháp luật. Luật Hình thời Lý, Hình luật thời Trần, đều có những điều khoản cụ thể quy định hình phạt về tội ăn trộm và giết hại trâu bò. Vào đầu xuân, theo lệ, vua thân chinh làm lễ tế Thần nông và cày ruộng Tịch điền, trâu cày ruộng tịch điền phải là trâu đực.

Nhiều đình chùa đã chạm khắc và tạc tượng trâu, đó là tượng trâu bằng đá ở chùa Kim Ngưu (Bắc Ninh). Thời nhà Lý, chùa Phật Tích (Bắc Ninh) được xây dựng năm 1057 có cặp tượng trâu to bằng trâu thật, tạc trên đài sen ở sân chùa khá sống động.

Thời Lê Trung Hưng trâu trở thành hình chạm trang trí khá phổ biến. Chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh dựng năm 1647, tại lan can đá ở thượng điện và tháp Bảo Nghiêm đều có hình trâu chạm nổi. Ở tấm bia đá chùa Cảnh Phúc (Nam Định) dựng năm 1695 cũng có hình chạm con trâu đang nằm nghỉ.

Trâu còn hiện diện trong tranh dân gian và trong điêu khắc gỗ đình làng thế kỷ 17, 18... Di tích kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng cấp tỉnh, đình Khả Lý Hạ (Việt Yên) còn chạm khắc hình trâu trên cấu kiện gỗ. Bức chạm trâu kéo cày ở nghề Mẫ Sơn (Lục Nam) cũng là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc dân gian đẹp vào thế kỷ này.

Trong âm nhạc Việt Nam, có nhiều ca khúc về trâu. Ca khúc "Em bé quê" của Phạm Duy, có mấy câu đầu nổi tiếng: "Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ..." Phạm Duy thường dùng hình ảnh con trâu và em bé mục đồng đậm nét quê hương trong các tác phẩm của ông.

Ca khúc "Lý con trâu" của Lư Nhất Vũ, phỏng theo dân ca Nam Bộ: "Ngồi dưới áng mây trời bay ngang / Còn con trâu ghé thì lang thang..."

Bài hát "Con Đường Việt Nam", tác phẩm chung của hai nhạc sĩ Anh Bằng và Trúc Hồ nói về khung cảnh miền quê Việt Nam có bóng dáng con trâu gặm cỏ đường chiều, một vài em bé vui chơi thả diều.

Trong nghệ thuật hội họa, điêu khắc, trâu là một hình ảnh đẹp nên thơ của thiên nhiên, được nhiều họa sĩ Trung hoa và Việt nam chọn làm đối tượng, nhờ dáng dấp hiền lành giản dị mà tiềm tàng sức mạnh, thêm trẻ mục đồng ngồi trên lưng trâu thổi tiêu nói lên cái vẻ tiêu dao thoát tục của người xa lánh danh lợi vật chất tầm thường.

Tranh Đông Hồ còn ghi nhận hình ảnh con trâu đi sát với sinh hoạt làng quê, có những chú bé mục đồng để tóc chỏm thổi tiêu trên lưng trâu giữa những cánh đồng lúa chín vàng, hay bên những lũy tre xanh có những con trâu được nghỉ ngơi nhai cỏ sau những giờ làm lụng vất vả.

Trong các tranh trâu, hình ảnh con trâu sống động hơn, gần gũi hơn, từ những nét in khắc dung dị đến nét vẽ hiện thực, tượng trưng và bán trừu tượng, được thể hiện với nhiều chất liệu từ tranh lụa, tranh sơn mài và nhiều nhất là sơn dầu. Hình ảnh con trâu sau đó cũng đi vào hội họa Việt Nam với

các tác phẩm trâu của nhiều họa sĩ như Nguyễn Sáng với bức "Chọi trâu", Nguyễn Tư Nghiêm với tranh "Con nghé", Bùi Xuân Phái cũng có bóng dáng của con trâu trong tranh. Nhiều nhà văn đã sáng tác các câu chuyện về trâu.

“Lục súc tranh công” là một truyện Nôm khuyết danh dài 453 câu văn vắn ra đời vào khoảng thế kỷ 17-18 kể về sự suy bì tị nạnh lẫn nhau, kể công với chủ của 6 con gia súc là: trâu, chó, ngựa, dê, gà, lợn. Nghe xong, người chủ khéo léo vỗ về, dàn xếp để chúng thôi tranh cãi và tiếp tục phục vụ mình. “Trâu mỗi nhọc, trâu liền năn nỉ / Một mình trâu ghe nổi gian nan / Lóng canh gà vừa mới gáy tan / Chủ đã gọi thẳng chăn vôi vãi / Trâu mệt đà thở dài thở vắn / Chủ còn hàm hét, mắng ngược mắng xuôi...”

Truyện “Con trâu” của nhà văn Trần Tiêu (Tự Lục Văn Đoàn) ra đời đầu thập niên 40 nói lên nỗi ước mơ giản dị nhưng khó hiện thực của một nông dân đồng bằng Bắc bộ mong được làm chủ một con trâu cày.

Trong tác phẩm "Mùa Len Trâu" - tập truyện nổi tiếng Hương Rừng Cà Mau của nhà văn Sơn Nam, kể về cuộc sống của những người nông dân miền Nam vào đầu thế kỷ 20. Hằng năm khi mùa mưa về, nước tràn ngập mọi nơi, có những người làm nghề "len trâu" hay giữ trâu, đưa trâu đi tìm cỏ để sống qua mùa nước lũ. Ở đây nước lụt từ 1m đến 4m. Người không có chỗ ở nên phải dời chỗ, và trâu cũng không có chỗ ở cho nên phải lừa nó đến những vùng đất cao để có cỏ cho nó ăn. Muốn nuôi trâu thì phải lừa trâu đi. Đưa trâu đến vùng Bảy Núi. Trâu dẫn đi phải có người giữ. Trâu không dẫn đi thì phải mướn người ta giữ. Người nghèo thì để con cái đi giữ nó.

"Mùa Len Trâu" được đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh từ Mỹ về Việt Nam thực hiện thành phim vào năm 2003. "Mùa Len Trâu" cho thấy nét văn hóa đặc thù nông nghiệp của Việt Nam, nó rất gần gũi với chúng ta. Phim được trình chiếu tại Mỹ mang tên "Buffalo Boy" và tại Pháp mang tên "Gardien de Buffles".

Tình yêu quê hương đất nước, trong đó có hình tượng con trâu đã thấm đậm vào thi ca. Những tâm hồn đa cảm đa tình, từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, nhà thơ đã sáng tác những câu thơ giàu nhạc điệu.

Trần Mạnh Hảo đã diễn tả những tình cảm ấy bằng cả trái tim của mình:

"Đêm mơ cưỡi trâu về tuổi nhỏ,
Con đường làng mê mẩn cỏ đời tôi.
Nghe ghé gọi vạt sương chiều ghé ọ,
Tuổi thiếu niên theo chú Cuội lên trời.
Mặt trăng ấy có còn trâu gặm cỏ,
Mục đồng mây nghe sáo gió thay mùa.
Ai mơ phất cờ lau thành lịch sử,
Cưỡi trâu về con trẻ hóa thành vua."
(Cỡi trâu về niên thiếu)

Huy Cận khi nhìn lên những áng mây bay, những luống cày, chợt nhớ đến đàn trâu:

"Trời nóng đêm qua mây dậy ran,
Ngõ đàn trâu bạc phá tung ràn,
Giữa ngày ruộng vỡ mênh mông gió,
Những luống cày xô nắng chói chang."
(Mây Trắng)

Kim Long thôn thức kê lê:

"Ta thì phận gái thuyền duyên,
Mười hai bến nước nương thuyền vào đầu.
Thương mẹ chưa dám qua cầu,
Nên ta đành phải chẵn trâu kiếm tiền."
(Chẵn trâu)

Tạ Hồng Thái ngất ngưỡng trên lưng trâu tưởng tượng mình là tướng ra trận:

"Nhớ lại thừa xưa cưỡi lưng trâu,
Lá đa kết mũ đội đỉnh đầu.
Một ngọn roi tre tay múa mác,
Lau nhau lũ bạn chạy theo hầu.
Mơ như Nguyễn Huệ san Tốt Động,
Tướng Đinh Bộ Lĩnh phát cờ lau.
Lớn nự chiến xa Nam tiến gấp,
Hợp quân Đại thắng rợp sắc màu!"
(Cưỡi trâu)

Sông Trà kết nối yêu thương qua hình ảnh con trâu:

"Rồi một hôm quay về tìm sở đắc,
trâu còn đây, người chẵn dất nơi mô,
nhìn vào gương hẵn thấy một chữ vô,
che trùm khắp lộ đồ vay với trả."
(Trâu đây người đâu)

Trong “Cổ Học Tinh Hoa” có chuyện "Rửa tai" nói về đối đáp giữa Hứa Do và Sào Phủ là hai danh nhân Trung Hoa ngày xưa, có tài mà khinh chê danh lợi, lui về quê làm ruộng, chẵn trâu, an bần lạc đạo. Một anh đứng ở trên dòng nước rửa tai vì không muốn để tai dính những tiếng danh lợi dơ bẩn nhà Vua vừa hứa cho, nếu chịu ra làm quan, một anh

đang cho trâu uống nước ở dưới dòng, phải dẫn trâu đi lên trên dòng thật xa vì sợ nước rửa tai của bạn trôi xuống làm bẩn miệng trâu mình.

Có câu chuyện Trạng Quỳnh cho đấu trâu với Tàu. Sứ Tàu thả trâu họ ra, con trâu to lớn cổ quái, hai mắt long sòng sọc, đứng nghênh ngang sừng sừng khiêu khích. Lúc ấy Trạng Quỳnh mới thả một con nghé con ra. Chú ta bị nhốt riêng suốt đêm, khát sữa quá, thấy trâu Tàu tưởng trâu mẹ, liền húc đầu vào bụng trâu Tàu để tìm vú. Trâu Tàu là trâu đực nhốt lên như bị cù, lùì mấy vòng, cuối cùng không chịu được nữa liền bỏ chạy thục mạng. Chú nghé của Quỳnh cũng cong đuôi đuối theo. Thật là một cuộc rượt đuối không cân sức; phần thua thuộc về trâu Tàu to xác.

Trong sách “Quốc Văn Giáo Khoa Thư” lớp ba dưới thời Pháp thuộc có bài nói về con trâu, con cạp và trí khôn của loài người. Theo bài tập đọc này con cạp ngạc nhiên khi thấy một nông dân ốm yếu cầm roi đánh đập con trâu liên hồi trong lúc cày ruộng. Con cạp muốn biết tại sao con trâu to lớn và nặng gấp mười lần anh nông dân lại chấp nhận cho anh ta đánh đập mà không có một phản ứng chống cự nào cả. Con trâu buồn rầu đáp: “Vì nó có trí khôn”.

Văn chương bình dân hay nhắc chuyện Chú Cuội. Tương truyền, một lần đi ăn, Cuội bắt được một chú hổ con mới lọt lòng mẹ, lỡ tay đánh chết. Vừa lúc hổ mẹ về lồng lộn tìm kẻ địch để trả thù nhưng Cuội đã kịp nắp kín. Hổ mẹ liền chạy đến một cây đa rừng, nhảy lên với mấy túm lá xuống, nhai nát rồi mớm cho con. Một lát sau, hổ con tỉnh lại, rồi hổ mẹ líu ríu chuyển con đi nơi khác. Biết được tác dụng của cây đa thần, Cuội bèn bứng về trồng trong vườn và dùng lá cây

chữa bệnh, cứu được nhiều người. Khi đi vắng, Cuội thường dặn vợ: “Có đái thì đái bên Tây, chớ đái bên Đông, cây đồng lên trời”. Dặn nhiều lần quá, vợ Cuội tự ái bèn liều lĩnh tiều tiện vào hướng Đông của cây đa. Bỗng cây đa chuyển động, rùng rùng bay lên trời. Vừa chạy về đến nơi, Cuội chỉ còn kịp nắm lấy bộ rễ đa và bị kéo tuốt lên tận mặt trăng, không còn đường về. Từ đây Cuội thường ngồi ở gốc đa trên mặt trăng, mặc kệ cho trâu ăn lúa.

Theo huyền sử ngày xưa Đinh Bộ Lĩnh thuở để tóc ba chỏm chẵn trâu cho chú đã cùng đám trẻ chăn trâu trong vùng Hoa Lư bày trận Cờ lau chia phe đánh nhau, rồi làm thịt trâu của chú chiêu đãi "quân sĩ" bạn bè.

Hồ Tây nằm ở Tây Bắc Thủ đô Hà Nội, rộng khoảng 500 ha với chu vi tới 17km, nguyên là một đoạn Sông Hồng bị tách ra sau khi sông đổi dòng. Nhưng theo truyền thuyết dân gian thì Hồ Tây do Con Trâu Vàng quấy đạp mà thành hồ. Sau đó Trâu Vàng biến mất nhưng tên của nó còn lưu lại với địa danh: Sông Kim Ngưu.

Truyền thuyết có nguồn gốc Trung Hoa kể rằng một người con gái của Ngọc Hoàng Thượng Đế đã trái lệnh cha mà lấy anh chàng chăn trâu cho Nhà Trời (Ngưu Lang). Ngọc Hoàng cả giận, bèn bắt con gái mình đi dệt vải (Chức Nữ) trong chốn cấm cung. Hàng năm, hai vợ chồng chỉ được gặp nhau một lần vào đêm Thất tịch (mùng 7 tháng 7 Âm lịch). Thương tình, những đàn quạ đã chấp cánh thành cây cầu qua sông Ngân Hà để vợ chồng họ gặp nhau (Cầu Ô Thước).

Khi gần nhau, họ thường than khóc cho thân phận éo le của mình, nước mắt họ rơi xuống trần gian tạo thành những cơn mưa dầm dề vào mùa thu mà người Việt ta quen gọi là

“mưa Ngâu”, nói chệch từ chữ “ngưu” mà ra. Thực ra truyền thuyết này dựa trên sự quan sát thiên văn của người Trung Hoa xưa. Ngưu Lang là ngôi sao lớn Altair trong chòm sao Thiên Ưng (Eagle), còn Chức Nữ là ngôi sao lớn Vega trong chòm sao Thiên Cầm (Lyre). Hai ngôi sao này đối nhau qua giải Ngân Hà.

Trong dân gian có rất nhiều tục ngữ nói về trâu:

- Da trâu chắc chắn làm trống đánh rất kêu, đóng giày mang rất bền vì thế có câu "Trâu chết để da, người ta chết để tiếng"

- Thành ngữ "đầu trâu mặt ngựa" dùng để diễn tả những phường bất lương côn đồ, thảo khấu, sống bằng nghề đâm thuê chém mướn.

- "Trâu chậm uống nước đục", thật không có gì hay bằng, vừa gợi hình, vừa gợi ý, vừa nghĩa bóng, vừa nghĩa đen, ai nghe qua cũng hiểu liền.

- "Trâu già gặm cỏ non", có lẽ do dân miền Nam chế ra, ám chỉ mấy ông già răng rụng mà còn ham gái trẻ, ai nghe cũng không khỏi nín cười.

- "Đòn khảy tai trâu" ám chỉ cho kẻ ngu si dốt nát, không biết thưởng thức nghệ thuật, văn thơ, âm nhạc, mới nghe qua như tiếng mĩa mai độc ác, nhưng nghĩ lại thật vô cùng chí lý.

- Người Việt vẫn thường nói: "Con trâu là đầu sự nghiệp" hay "Trật con toán bán con trâu" như để nói lên giá trị to lớn của con trâu trong xã hội nông nghiệp.

- Tiền nhân chúng ta nhận xét rằng: "Muốn làm giàu thì nuôi trâu cái / Muốn phá sản thì nuôi bò cái".

- Nông dân mua trâu thường để ý đến màu sắc và tướng mạo

của trâu. Họ không thích trâu cò (trâu trắng) vì "Trâu trắng đến đâu thất mùa đến đó".

- "Có chữa trâu" là cụm từ chỉ những người phụ nữ mang thai quá chín tháng mười ngày (280 ngày) nhưng vẫn chưa sanh. Thông thường trâu cái mang thai từ 300 đến 340 ngày mới sinh con.

- "Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết" cho thấy sự liên lụy và thiệt hại của kẻ nhỏ khi hai kẻ mạnh và to lớn đánh nhau.

- "Trâu cột ghét trâu ăn", đó là sự đấu tranh, ganh ghét giữa người được hưởng và người không được hưởng. "Trâu cột thì ghét trâu ăn / Quan võ thì ghét quan văn dài quần".

- "Trâu chết mặc trâu, bò chết mặc bò, củ tỏi giắt lưng" nói lên sự thủ lợi của người ích kỷ trước cái chết của người khác.

- "Trâu tìm cột chớ cột không tìm trâu", người cần sự giúp đỡ của người khác phải đi tìm người giúp đỡ chớ đừng ngồi chờ người giúp đỡ đi tìm mình.

- "Trâu đồng nào ăn cỏ đồng này", quyền lợi của ai người ấy hưởng.

- "Trâu già không nệ dao phay" nói về người già không sợ chết.

- "Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã", trâu tìm trâu, ngựa tìm ngựa. Đó là đồng loại tập hợp. Người Pháp và Anh có câu: "Qui se ressemble s'assemble", "Birds of a feather flock together".

- Những thiếu nữ khôn ngoan và đẹp đẽ lại có chồng khờ dại bị người đời biếm nhẽ bằng câu: "Đứa gái khôn lấy thằng chồng dại / Như cái hoa lài cặm bãi cứt trâu".

Trong kho tàng ca dao có những bài thơ rất đẹp ca tụng công

lao của trâu và tình cảm ơn sâu nghĩa nặng giữa người với trâu. Trâu là người bạn kề vai sát cánh trong cuộc mưu sinh hàng ngày của nhà nông, cày bừa, dặm lúa, chở hàng, kéo nặng...

"Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đâu trâu đấy ai mà quản công.
Một mai cây lúa lên bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn."

Người chăn trâu tâm tình, khuyên bảo trâu ân cần về việc ăn uống, làm lụng, cả về những vấn đề triết lý nhân sinh:

"Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ăn cho béo trâu cày cho sâu.
Ở đời khôn khéo chi đâu,
Chẳng qua cũng chỉ hơn nhau chữ cần."

Trâu là con vật đóng vai trò hàng đầu của nhà nông. Tuy nhiên, việc “tậu trâu” là việc hệ trọng tương đương “lấy vợ, làm nhà” và chọn trâu tốt không phải là công việc dễ dàng:

"Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà,
Trong ba việc ấy thật là khó thay."

Con trâu với công việc cày bừa thường do người đàn ông đảm nhận. Vì vậy, biết điều khiển con trâu và cày sao cho giỏi là tiêu chuẩn để đánh giá người con trai trong công việc nhà nông:

"Trai thì cày ruộng khiến trâu,
Gái thì phải biết bở cau tằm trâu."

Tuy vất vả nhưng người nông dân luôn yêu đời, lạc quan tin tưởng vào tương lai tươi sáng. Cảnh trâu và người cùng

đồng hành trong công việc nhà nông, trâu như một thành viên trong gia đình đầm ấm hạnh phúc:

"Rủ nhau đi cấy đi cày,
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu.
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,
Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa."

Theo cách phân chia thời gian, châu Á chịu ảnh hưởng văn hóa Trung hoa thời xưa, con Trâu cũng là một biểu tượng cho một năm. Trong 12 địa chi (thập nhị chi), trâu có tên là Sửu, đứng hàng thứ hai sau Tý và đứng trước 10 con vật khác, đồng thời là con vật đứng đầu lục súc (gồm trâu, chó, ngựa, dê, gà, lợn). Về tính âm dương, 12 con vật được chia xếp thành hai cực âm và dương đứng đan xen nhau, trong đó Sửu thuộc âm. Cung Kim Ngưu cũng là một cung hoàng đạo của phương Tây.

Người phương Đông đã tìm thấy và đặt tên cho bốn chòm sao, gồm 28 ngôi sao chính gọi là nhị thập bát tú, trong đó có sao Ngưu thuộc chòm sao Huyền Vũ nằm ở phương Bắc, ứng với hành thủy, thuộc về mùa Đông. Theo quan niệm của người phương Đông thì sao Ngưu, sao Đẩu là những ngôi sao sáng và thường được gán cho những người có trí tuệ trác việt.

Trong bói toán hay trong dân gian, người sinh vào năm Sửu thì chịu khó làm việc cực nhọc, điềm đạm, kiên nhẫn, kiên định, có ý chí cao và đáng tin cậy. Đặc điểm chung của người tuổi Sửu là khỏe mạnh, không có bệnh nặng. Họ là những người thành công nhờ vào sự cần cù và chăm chỉ, sống thiên về lý trí hơn tình cảm, thường tự hào về bản thân mình và ít khi chịu thỏa hiệp. Người tuổi Sửu rất trung thực,

thích giao du rộng rãi nhưng chỉ trong mối quan hệ đứng đắn và bền chặt, tuy nhiên có nhược điểm là khó tự diễn đạt những tình cảm sâu kín, thích sống cô đơn, trọng danh dự hơn là yêu một người không tương xứng với mình, đôi khi rất bướng bỉnh, khó gần và không có khả năng biểu hiện cảm xúc của mình.

Tuổi Sửu hợp với Ty, Dậu, Tí. Không hợp Thìn, Tuất, Mùi, Ngọ.

Trong nhân tướng học, người có tướng miệng trâu, hai môi dày mà nở, là tướng phú quý, trường thọ, khôn ngoan. Người có răng trâu, dài đều thẳng hàng, thì vinh hoa bổng lộc. Người có dáng đi đủng đỉnh như trâu là tướng giàu có nhàn nhã...

Những ai sinh tuổi Sửu, tuổi Ngọ, thường than số mình vất vả như trâu, ngựa, số phải làm hoài chứ không được an nhàn, thanh thoi, mặc dù có tiền. Thật ra không phải như vậy, nhiều người tuổi Quý Sửu, Mậu Ngọ, quyền cao chức trọng, nhà cao, cửa rộng, gia nhân kẻ hầu người hạ trong ngoài. Cũng vậy, những ai sinh năm Hợi không nhất thiết đều là "ở không nằm duỗi cũng no", cũng có nhiều người lận đận, mất nhà mất việc, tay làm hàm nhai qua ngày.

Trong văn hóa phương Tây, loài Trâu tượng trưng cho sức mạnh và tài lộc. Người ta coi những chiếc tù và làm từ sừng trâu là biểu tượng cho ngành bưu chính cổ đại. Họ thổi những chiếc tù và để thông báo mỗi khi giao hay nhận thư từ các buôn lái. Cặp sừng dài to, chắc khỏe của loài trâu xuất hiện nhiều trong thần thoại Hy Lạp hay Ai Cập, biểu tượng cho các vị thần bảo trợ với sự mạnh mẽ, sức mạnh khiến bao người phải sợ hãi.

Các nhà lãnh đạo nổi tiếng trên thế giới sinh vào năm Sửu là:

*- Cự hoàng Bảo Đại (1913 - 1997); *- Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon (1913 - 1994) *- Tổng Thống Hoa Kỳ Gerald Ford (1913 - 2006); Thủ Tướng Bồ Đào Nha Antonio Salazaar (1889 -1970) *- Fulgencio Batista (1901 - 1959) Nhà độc tài xứ Cuba; *- Thủ Tướng Do Thái Benjamin Netanyahu (1949 -); Thủ Tướng Do Thái Menachem Begin (1913 - 1992) *- Thủ Tướng Tây Đức Willy Brandt (1913 -1992) *- Stafford Cripps (1889 - 1952) Chánh trị gia đảng Lao Động Anh; *- Thống Chế Đức Erich Ludendorff (1865 - 1937) *- Thủ Tướng Anh Margaret Thatcher (1925 - 2013) *- Tổng Thống Hoa Kỳ Warren Harding (1865 - 1923)

Các danh nhân tuổi Tân Sửu trong lịch sử:

- Phùng Hưng (sinh năm Tân Sửu 761) quê ở làng Đường Lâm nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Nội .Ông vốn là con nhà hào phú có sức vật trâu, đánh hổ. Chuyện kể rằng ông từng đánh chết một con hổ, có thể quặp 2 con trâu mộng và vẫn chạy như thường, trở thành người anh hùng trừ họa cho làng Đường Lâm. Ông chính là người đã phát động phong trào khởi nghĩa đập tan quân xâm lược nhà Đường xây dựng nền độc lập tự chủ. Ông mất vào năm 802 thọ 41 tuổi.

- Lê Đại Hành (sinh ngày 15/07 năm Tân Sửu tức 10/08/941 âm lịch), là vị Hoàng đế sáng lập nhà Tiền Lê nước Đại Cồ Việt, trị vì nước Đại Cồ Việt trong 24 năm. Lê Đại Hành là ông vua có tài, dẹp nội loạn, khéo bang giao, giữ thể diện Quốc gia.

- Trần Quang Khải sinh tháng 10 âm lịch năm 1241 năm Tân Sửu – 26 tháng 7 dương lịch năm 1294 hay Chiêu Minh Đại vương, là một nhà chính trị, quân sự, tôn thất hoàng gia Đại Việt thời Trần. Ông là con trai thứ ba của vua Trần Thái Tông làm đến chức Thừa tướng đời Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông, coi cả mọi việc trong nước. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai (1285) và thứ ba (1288), Trần Quang Khải là vị tướng chủ chốt thứ hai sau Trần Quốc Tuấn có nhiều công lao lớn trên chiến trường. Ông còn là một nhà thơ nổi tiếng với bài thơ "tụng giá hoàn kinh sư" được viết sau trận thắng Chương Dương Độ vào tháng 6/1285.

- Nguyễn Thái Học sinh năm Tân Sửu 1901 quê ở Vĩnh Phúc. Ông nổi tiếng là người trung kiên giàu lòng thương dân ái quốc. Ông là một trong những anh hùng dân tộc trong lịch sử cận đại là một trong những người khai sinh ra Việt Nam Quốc Dân Đảng. Người đề cao thể chế tự do dân chủ năm 1927. Ông là tấm gương sáng cho những tấm lòng yêu nước, là nền móng cho sự phát triển tinh thần khởi nghĩa dân tộc.

Những năm Sửu đáng ghi nhớ:

- Năm Ất Sửu (905): Khúc Thừa Dụ lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa chống nhà Đường, chiếm thành Tống Bình, xưng là Tiết Độ Sứ, xây dựng chính quyền tự chủ, kết thúc ách thống trị hơn 1.000 năm của Trung Quốc.
- Năm Ất Sửu (965): Khởi đầu loạn thập nhị sứ quân nhờ Đinh Bộ Lĩnh, nạn phân tranh được hợp nhất. Năm 966, người anh hùng đất Hoa Lư lên ngôi Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt.
- Năm Kỷ Sửu (1049): Nhà Lý cho xây dựng chùa Diên Hựu

(tức chùa Một Cột) một công trình kiến trúc độc đáo, biểu trưng nền nghệ thuật nước nhà và tinh thần sùng đạo Phật.

- Năm Đinh Sửu (1907): Vua Lý Nhân Tông cho biên soạn, bổ sung, cải cách các phép tắc và định chế chính trị, pháp quyền cũ làm thành một quyền mới, tạo nên những tiến bộ lớn trong phương thức tổ chức nhà nước và điều hành mọi quan hệ chính trị.

- Năm Kỷ Sửu (1289): Trần Quốc Tuấn được vua Trần Nhân Tông (1279-1293) phong Hưng Đạo Đại Vương lãnh ấn tiên phong dẹp giặc Nguyên.

- Năm Đinh Sửu (1397): Hồ Quý Ly ban hành chính sách hạn điền để điều chỉnh, phân phối ruộng đất giữa các tầng lớp xã hội, hạn chế đặc quyền, đặc lợi của giới thượng lưu. Đồng thời năm này, thủ đô nước ta được chuyển từ Thăng Long vào Thanh Hóa, gọi Tây Đô.

- Năm Kỷ Sửu (1469): Nhà Lê cho vẽ bản đồ quốc gia với từng khu vực cụ thể, đánh dấu bước tiến quan trọng trong lĩnh vực hiểu biết, xác định quy hoạch và quản lý lãnh thổ. Lê Thánh Tông (1460-1497) quy định bản đồ cả nước. Đặt ra 12 khu: Thừa Thiên - Thuận Hóa - Nghệ An - Thanh Hóa - Sơn Nam - Hải Dương - Sơn Tây - Kinh Bắc - An Bang - Tuyên Quang - Hưng Hóa - Lạng Sơn - Ninh Sóc.

- Năm Tân Sửu (1481): Lê Thánh Tông cho mở đồn điền.

- Năm Kỷ Sửu (1529): Mạc Thái Tổ (Mạc Đăng Dung) truyền ngôi cho con là Mạc Thái Tông (Đăng Doanh) sau 2 năm làm vua, nhận chức vị Thái Thượng Hoàng.

- Năm Quý Sửu (1673): Sau 45 năm nội chiến và 7 cuộc

chiến lớn gây đau khổ lầm than cho dân, Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn tạm hòa hoãn lấy sông Gianh làm giới tuyến.

- Năm Đinh Sửu (1757): Mạc Thiên Tích con Mạc Cửu gốc người Hoa chống Mãn Thanh chạy qua nước ta đã được phong chức Tổng Trấn, giữ đất Hà Tiên. Sau ngày cha qua đời (1736), có công mở mang bờ cõi nước ta làm chủ thêm hai đạo Kiên Giang và Long Xuyên.

- Năm Ất Sửu (1865): Tờ báo Quốc Ngữ Việt Nam đầu tiên (Gia Định báo) xuất bản số đầu tiên.

Chuột đi Trâu lại về, dân gian quan niệm “Con trâu là đầu cơ nghiệp”. Bên cạnh đó, hình ảnh chú trâu hiền lành, chăm chỉ còn thể hiện sự may mắn, đầy đủ, cuộc sống ấm no.

Năm Mới Tân Sửu 2021 xin được gửi gắm ước vọng, một năm tràn đầy sung túc, sức khỏe, may mắn cho mọi nhà.

(Lê Tấn Tài)

THÁNH NGÔN

“Thầy đến lập cho các con một nền chơn đạo, tức là mỗi sự chi dối trá là chẳng phải của Thầy”

* * *

Thầy đến là chủ ý để dạy cả nhơn sanh đặng hòa bình chớ chẳng phải đến đặng giục thêm nghịch lẫn nhau
(Trang 77-Q.1)

ĐẠO CAO ĐÀI CHỦ TRƯỞNG PHỤC HOẠT NHO GIÁO HAY NHO TÔNG CHUYỂN THỂ CÓ CÒN THÍCH HỢP VỚI THỜI ĐẠI KHÔNG?

Vào thập niên 1920, nước Việt Nam đang nằm trong sự cai trị của Pháp, mặc dù có vua quyền hành hạn chế do người Pháp dựng nên, nhưng triều đình vẫn còn giữ ít nhiều văn hóa truyền thống Nho giáo như Nho học và cách tổ chức guồng máy cai trị. Văn hóa Tây phương du nhập cộng với phong trào đòi duy tân cải cách đất nước và chữ quốc ngữ làm cho Nho giáo bị lu mờ, nhường chỗ cho phong trào tân học. Một đảng thì quá bảo thủ và một đảng thì quá cấp tiến, làm xã hội mất quân bình; vua thì không thực quyền, còn người Pháp thì muốn đồng hóa nước ta để dễ bề cai trị.

Giữa tình trạng xã hội như thế, Đạo Cao Đài xuất hiện lại đưa ra chủ trương lớn Phục hoạt Nho giáo hay Nho Tông Chuyển thể, để chấn hưng lại văn hóa nước nhà, đồng thời làm phương tu căn bản cho tín đồ, làm nức lòng cho các bậc trí thức Nho gia cũng như tân học. Sau đây, chúng ta thử tìm hiểu:

- Nho Tông chuyển Thể là gì?
- Vì sao Đức Chí Tôn chọn Nho Tông chuyển thể?
- Chi tiết Tinh Hoa Nho giáo được Đạo Cao Đài xiển dương và áp dụng
- Tổng Luận

I- Nho Tông Chuyển Thế là gì?

- Là thuật ngữ của Cao Đài giáo để nói lên chủ trương của nền tôn giáo này
- Nho: Nho giáo hay đạo Nho
- Tông: tôn giáo, Tông hay Tôn cũng đồng nghĩa là tôn giáo
- Chuyển: làm cho thay đổi; Thế là đời, cuộc đời
- Chuyển thế: làm cho đời hay xã hội từ xấu ra tốt, từ loạn ra trị, từ hung bạo ra hiền lương đạo đức.

Lập Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đưa chủ trương lớn Nho Tông Chuyển Thế đối với cuộc đời và áp dụng cho xã hội loài người. Xã hội hiện nay ngày càng đông đúc, cạnh tranh khốc liệt để đem lợi lạc cho cá nhân, đoàn thể, đất nước mình. Mặc dù đời sống văn minh tiến bộ vượt bậc về vật chất, nhưng về mặt tinh thần văn hóa đạo đức suy đồi, gia đình thiếu nề nếp đổ vỡ, xã hội tao loạn, tạo cơ hội cho chủ nghĩa cực đoan, chiến tranh khắp mọi nơi...

Chủ trương Nho Tông Chuyển Thế là nhằm dùng tinh hoa học thuyết Nho giáo cải tạo con người, cải tạo xã hội trở lại với nền móng đạo đức, hòa bình chung sống trong thế giới đại đồng huynh đệ.

Đức Hộ Pháp trong bài thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 1-9-Đinh Hợi (1947) giải thích hai chữ **Chuyển thế**:

“Bản đạo nhớ buổi Chí Tôn mới đến tỏ danh hiệu Người, Người hứa với các môn đệ của Người buổi đầu tiên về Cơ quan Chuyển thế, làm phân vân biết bao nhiêu nhà trí thức tìm hiểu hai chữ Chuyển thế nghĩa là gì? Theo triết lý học, định nghĩa hai chữ Chuyển thế là: xoay đổi thời đại hiển nhiên ra thời đại khác, hoặc không phù hợp, hoặc quá

khuôn khổ nề nếp nên quyết đoán thay đổi lập trường thiêng liêng vì thời đại này đã định. Chuyển nghĩa là sửa đổi cũ ra mới. Lấy nghĩa lý đã định hẳn ra, tức nhiên chúng ta nhận thấy các khuôn luật đạo đức từ trước đến giờ để lại đều bị biếm cả, bởi vì đời quá hung tàn bạo ngược, vô ơn luân, tinh thần đạo đức không qui định, tâm lý loài người không tương quan cùng nhau, mất cả luật đồng sanh làm căn bản cho loài người, luật đồng sanh gần như bị hủy bỏ, bởi thấy tấn tuồng trước mắt, nào giặc giã chiến tranh giành sống mà giết hại lẫn nhau, oán kết thâm thù, loài người do nơi ấy mà biến sanh tàn ác, cái phương sanh sống đến một giai đoạn rất khó khăn và chúng ta thử xét đoán trong các kinh điển Đạo giáo đã để lại là mưa dầu nắng lửa. Trận mưa dầu nắng lửa sẽ có hiện tượng y như trong kinh đã nói. Cũng vì sự sanh hoạt khó khăn mà loài người giết hại lẫn nhau....

Đời sống đến giai đoạn khó khăn hơn nữa, những phẩm vật nuôi sống loài người càng giảm bớt thì hơn loại còn quyết liệt chiến đấu hơn nữa.”

“Nền Đạo Cao Đài là Nho Tông Chuyển Thế thì tức nhiên của toàn xã hội hơn quần tại mặt địa cầu này, nhờ đạo Nho sửa đương chỉnh đốn thiên hạ lại. Chúng ta thấy xã hội tinh tú đạo đức của họ dường như đảo ngược lại, khủng hoảng tinh thần mà ra vậy.”

II-Vì sao Đức Chí Tôn chọn Nho Tông Chuyển Thế ?

Trong lễ khai giảng khóa Hạnh Đường Phước Thiện ngày 2 tháng 5 đinh Mão (1950) Đức Hộ Pháp đã nói:

“Tại sao Tam giáo qui nhứt Thích, Đạo, Nho, nghĩa là

Phật, Tiên, Thánh mà sao không lập Phật Tông Chuyển Thế hay Tiên Tông Chuyển Thế, lại lấy Đạo Nho lập thành Hội Thánh mà Chí Tôn đến khai Đạo kỳ này lại dùng Nho Tông Chuyển Thế”.

Thật vậy, chúng ta thấy bởi không có học thuyết nào dạy về Nhơn Đạo kỹ lưỡng, đầy đủ chi tiết như Nho giáo. Muốn cải tạo xã hội thì phải dạy về Nhơn Đạo, dạy đạo làm người trước, chứ không thể Thánh Đạo, Tiên Đạo hay Phật Đạo. Một khi Nhơn Đạo đã xong thì người tu dễ dàng tiến xa cao hơn lên, cũng như học sinh mới vào học phải học bậc sơ cấp (Tiểu học) trước khi lên Trung hay Đại học.

Tuy nhiên, chỉ lấy những điểm tinh hoa của Nho giáo làm căn bản giáo dục mà thôi, bởi vì giáo lý Nho giáo ra đời cách đây 2,500 năm có nhiều điểm không còn thích hợp với xã hội ngày nay nữa.

III.-Tinh Hoa Giáo lý Nho giáo được Cao Đài áp dụng:

Theo Cao Đài giáo, những tinh hoa của giáo lý Nho giáo được áp dụng có thể kể ra sau đây:

A.-Về Hình Thức:

- Về Thể Pháp, tổ chức Hội Thánh
- Cách Tu
- Lễ Nghi-Thờ phượng

B.-Về Học lý

- Thiên Địa vạn vật đồng nhưt thể.
- Nhơn Nghĩa
- Trung Dung.
- Đạo Nhơn Luân:

-Nam thì Tam Cang, Ngũ Thường.

- Nữ thì Tam Tùng, Tứ Đức.

C.- Phương pháp thực hành chủ trương Nho Tông Chuyên Thể, chú trọng gồm ba điểm:

- Trọng Nhơn luân.
- Sùng Nhơn Nghĩa.
- Hưng Lễ Nhạc.

Sau đây, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu về các Tinh hoa Nho giáo được Cao Đài áp dụng kể trên:

A.- Về Hình Thức:

• **Về Thể Pháp có cách tổ chức** tượng trưng cho chuyên thể Nho tông, như Hội Thánh Cửu Trùng Đài thì có Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập Nhị Hiền, Tam Thiên Đồ Đệ, Cao Đài chỉ thêm hai hàng phẩm nữa cao hơn là Nhứt Phật, Tam Tiên mà thôi.

• **Cách Tu, từ phàm đến Thánh.** Tín đồ Cao Đài nhập môn vào Đạo, đại đa số còn phải lo phần nhơn đạo, còn phải lo cơm áo gạo tiền nuôi sống bản thân và gia đình, có nghĩa là đang nhập thế như đạo Nho. Ngoài việc giữ tròn nhơn luân Nho giáo, trai thì Tam cang Ngũ thường, gái thì Tam Tùng Tứ Đức, còn phải ăn chay giữ gìn luật pháp Đạo như Ngũ giới cấm , Tứ Đại Điều Quy, các luật lệ Hội Thánh... và góp công quả nữa. Dần dần, tùy theo hoàn cảnh nhơn đạo xong mà tu tiến lên Thiên Đạo. Đây là cách hành trì tôn chỉ “Thiên Nhơn Hiệp Nhứt”, tức là tư tưởng Phối Thiên của Khổng giáo mà Phật giáo gọi là giải thoát.

• **Lễ Nghi-Thờ phượng:** đối với Nho giáo dạy dân thờ cúng Ông Bà, Tổ tiên, viên chức làng xã thờ cúng Thần Thánh đình làng và vua thì thờ cúng Trời (tể Nam Giao ngày mồng

9 tháng Giêng âm lịch hằng năm). Đối với tín đồ Cao Đài thì ngoài việc giữ phong tục thờ cúng Ông bà Tổ tiên, còn được lập vị thờ Đấng Thượng Đế tại nhà.

B.- Về Học Lý:

1• Thiên Địa Vạn vật Đồng Nhất Thể:

Vạn vật đồng nhưt thể là vạn vật đều cùng có một thể cách như nhau, bởi vì có cùng một nguồn gốc chung là do Đấng Tạo Hóa sinh ra.

Mỗi vật trong vạn vật gồm có hai phần:

- Phần vật chất hữu hình, tức thể xác
- Phần tinh thần vô hình, tức phần hồn

Tuy là vạn vật đồng nhưt thể, nhưng cũng có phân chia ra thành nhiều phần tiến hóa cao thấp khác nhau. Phần tiến hóa thấp nhất là Kim thạch , rồi thứ tự tiến lên là Thảo mộc, Thú cầm và nhân loại là cao nhất. Tất cả vạn vật đều là con của Thượng Đế mà loài người là bậc tiến hóa cao nhất, rồi tới Thú cầm...

Theo Thánh ngôn, vì vạn vật do đức Thượng Đế sanh hóa trong cả thể gian, nên gọi “vạn vật đồng nhất thể” là vậy. Đức hạo sanh của Đấng Tạo Hóa là vô tận vô biên, nên nhơn loại xung tụng Ngài là Đức Đại Từ Bi hay Đại Từ Phụ.

Mặt khác, theo Tinh Hoa Các Đạo giáo (Q.2), Giáo sư Triết học BS Nguyễn Văn Thọ viết về Tinh Hoa Nho giáo:

“Trời là thực thể cho muôn loài, muôn vật dựa nương, làm chủ chốt mọi biến hóa và là căn nguyên mọi hiện tượng.

Niềm tin tưởng này được cụ thể hóa bằng vòng dịch, trong

đó tâm điểm là Thái cực, tượng trưng cho Trời bất biến, trường tồn; các hào quái bên ngoài tượng trưng cho muôn hiện tượng luân lưu biến hóa.

Đó là quan niệm: “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể” của Nho giáo”.

2• Nhơn Nghĩa:

Đạo Trời có Âm Dương, Đạo Đất có Cương Nhu và Đạo làm người có Nhân Nghĩa. Muốn thuận với Đạo Trời thì phải thực hành Đạo Nhân Nghĩa.

•Nhân

Nhân là lòng thương yêu rộng lớn, bẩm tính tự nhiên của Trời ban cho mọi người.

Nghĩa là việc làm chánh đáng, hợp với lẽ phải, lý trí.

Đạo Nhân là Đạo làm người. Đạo Nhân tác động cho chính Nội tâm và bản thân và đối với ngoại cảnh tức là đối với người và vật chung quanh.

Đối với nội tâm, muốn thực hành Đạo Nhân phải giữ gìn Bản Tâm trong sạch, không để tư dục xen vào, để cho bản tánh phát triển theo tính thiên nhiên của nó và cứ dựa theo hướng dẫn của luân lý đó mà làm đến mức, đó là làm tròn đạo Nho vậy.

Đối với ngoại cảnh, Nhân là cái tác động của Bản Tánh thiên nhiên cho nên Nhân vốn lành, cái lành ấy đối với người và vật ở chung quanh mình thì biết thương xót, ấy vậy nên chữ Nhân luôn luôn có chữ Ái kèm theo, nên gọi là lòng Nhân Ái.

Lý thuyết thì sơ lược như thế, nhưng về sự làm Nhân thì

rộng rãi, vì Đạo Nhân là Đạo người, mà Đạo làm Người thì rất khó, cho nên Nho gia nói “*Vi nhân nan, vi nhân nan*” là vậy.

•Nghĩa

Nghĩa là hành động theo lẽ phải, theo Đạo lý.

Đối với bản thân thì Nghĩa là phương pháp bảo vệ lòng Nhân, tức là gìn giữ tâm linh được chánh trực và giúp cho lòng Nhân được tự do phát triển cái lành tự nhiên của nó. Còn đối ngoại thì Nghĩa là cử chỉ hành vi giúp cho lòng nhân ái phát triển ra ngoài.

Vậy nên nói rằng Nghĩa do lòng Nhân mà khởi động và cũng vì thế hai chữ Nhân Nghĩa phải đi đôi với nhau thì mới phát triển được Đạo Đức từ trong ra ngoài. **Tóm lại**, chữ **Nhơn** là đứng đầu hết mọi hành tàng con người ở thế. Cho nên Đạo Nho dùng hai chữ **Nhơn Nghĩa** làm căn bản cho Nho tông.

Thánh ngôn Đức Chí Tôn dạy:

*“**Nhơn** là đầu hết các hành tàng,
Cũng bởi vì **Nhơn** dân hóa quan.
Dân trí có **Nhơn** nhà nước trị;
Nước nhà **Nhơn** thiết một cơ quan”.*

•Hai chữ **Nhơn Nghĩa** cũng được đặt trước mặt tiền Đền Thánh TTTN, lầu Hiệp Thiên Đài, dưới Thiên Nhân với mục đích tiêu chuẩn nguồn cội **nhơn** sanh thuận hòa, xã hội thanh bình đều do phát huy Nhân Nghĩa mà ra cả.

3• Trung Dung.

Trung Dung là một trong 4 bộ sách Tứ Thư gồm có các bộ sách: Luận Ngữ, Đại Học, Trung Dung và Mạnh Tử. Chủ ý của bộ sách này là nói về chủ thuyết Trung Dung trong Nho

giáo.

Đạo TRUNG phát xuất từ thời tối cổ của các Thánh Vương Nghiêu, Thuấn bên Trung Hoa rồi truyền từ đời này đến đời khác chủ nghĩa chấp Trung làm chuẩn mực cho nền chính trị đất nước. Đến đời Khổng Tử, ngài mới luận giải và thêm chữ Dung thành **Trung Dung**.

Trung Dung là học thuyết lớn sâu rộng của Triết lý Nho giáo, phát huy được lẽ biến hóa của vũ trụ và nhân sinh có hệ thống.

Đức Khổng Tử thông hiểu Dịch lý, Vũ trụ quan, do đó Ngài lãnh hội đạo Trung Dung từ Tâm và rất tâm đắc với thuyết Trung Dung này. Ngài quan sát những bí ảo của Trời Đất, biết được sự vận hành của vũ trụ tức là hiểu Thiên Đạo. Từ đó, dựa vào chân lý này mà chế ra những qui tắc dùng cho con người và xã hội.

-Trong Thiên Đạo, chữ Trung là yếu điểm, vì sự vận hành của vũ trụ luôn luôn được điều hòa thì Trời Đất mới định vị, vạn vật mới sinh hóa vô cùng.

-Nho đạo cũng theo cái Trung thì hành động mới đúng và hợp với lẽ tự nhiên. Vậy Trung Dung là đạo lý làm người và cũng là chơn lý của nhân sinh.

Trung Dung trong Thiên Đạo rất cao siêu, chúng ta chỉ tìm hiểu phần nào về phần Nho đạo mà thôi.

Trình Di, tức Trình Y Xuyên hay Trình Tử viết rằng:

“**Trung** là không nghiêng lệch, **Dung** là không thay đổi; Trung là chánh Đạo trong thiên hạ, Dung là phương pháp để thiên hạ phân định phải trái”. (Dịch từ câu chữ Nho:”*Bất thiên chi vị Trung, bất dịch chi vị Dung, Trung giả dã, thiên*

hạ chi Chánh Đạo; Dung giả thiên hạ chi định lý”).

Mọi việc ở đời đều có cái mức quân bình thích hợp. Chưa đến cái mức ấy thì việc làm chưa đạt, quá cái mức ấy thì việc cũng không đúng. Mức ấy gọi là **Trung**.

Đạo Trời chủ về Âm Dương, nếu Dương thịnh thì nóng, Âm thịnh thì lạnh, Âm Dương không điều hòa thì không thể sinh dưỡng vạn vật. Còn đạo người thì chủ ở Nhân và Nghĩa. Quá Nhân thì yếu, quá Nghĩa thì khắc, không đủ Nhân thì ác, không đủ Nghĩa thì bạc. Như thế là thiên lệch, vì hoặc thái quá, hoặc bất cập, chưa hợp với mức **Trung**.

Dung là bình thường. Ở đời, từ việc nhỏ như ăn uống hằng ngày, việc lớn như kinh luân thiên hạ, ở trong đó đều có cái lý bình thường chi phối cả. Lý ấy thiết thực, không xa lạ, mà cũng không thay đổi được.

Vậy Trung Dung là không thiên lệch về một bên nào, luôn luôn giữ ở mức quân bình, không thái quá mà cũng không bất cập, thích đáng trong tất cả quan hệ đối với người hay xử lý các việc.

Nguyên lý Trung Dung chi phối đời sống cá nhân bằng sự điều hòa các tình cảm, hành vi, chi phối đời sống xã hội bằng sự điều hòa những liên lạc giữa người với người, sao cho giữ được thế quân bình thích đáng cần thiết cho sự sinh tồn và tiến hóa. Vì sao cần có sự điều hòa ấy?

Vạn vật biến chuyển không ngừng, khi sự biến chuyển đến một giai đoạn nào đó thì những yếu tố có tính cách đối lập mà người ta thường biểu thị bằng hai danh từ: Âm Dương tạo thành sự vật ấy, bày ra một tình trạng tương khắc, tức có sự mâu thuẫn, nên cần phải tiêu trừ ngay để tránh sự lệch

lạc, có tác động rối loạn, làm mất thế quân bình, làm tổn hại đến sự sinh tồn của các vật khác. Mâu thuẫn ấy được tiêu trừ là tạo được một thế quân bình mới, thuận tiện cho công cuộc tiến hóa.

Để tiêu trừ những mâu thuẫn ấy, học thuyết Duy Vật chủ trương tranh đấu; học thuyết Duy Tâm của Đức Khổng Tử chủ trương điều hòa hai yếu tố cực đoan bằng lẽ Trung Dung. Ở thế quân bình mới tạo này, mọi vật sinh sôi nảy nở điều hòa và tác động của chúng không hại lẫn nhau. Nhưng thế quân bình ấy cũng chỉ là tạm thời, vì vạn vật luôn luôn biến hóa, chẳng bao lâu sau lại tạo ra những mâu thuẫn mới nữa, rồi cần phải điều hòa trở lại để tiến hóa,... và cứ tiếp tục xoay chuyển như vậy trên con đường tiến hóa vô tận của vạn vật.

Vậy, Trung Dung là một thái độ không có vị trí nhứt định, nó phải thay đổi luôn luôn theo đà tiến hóa của vạn vật. Cho nên, đối với một việc, hôm nay, trong hoàn cảnh này, ta phải đối xử thế này mới đúng, nhưng hôm khác và trong trường hợp khác cũng việc ấy nhưng cách đối xử phải khác thì mới thích hợp.

4.-Đạo Nhơn Luân:

***Tam Cang-Ngũ Thường theo Nho giáo:**

Dành cho Nam phái trưởng thành

.-**Tam cang:** ba giềng mối. người nam trưởng thành phải giữ 3 giềng mối đạo trọng: Quân thần cang, Phụ tử cang, Phu thê cang.

.- **Quân thần cang:** *Giềng mối vua tôi.*

Phải trung với vua. Vua hay Quốc Trưởng, Tổng Thống tượng trưng cho quốc gia dân tộc. Phải trung với quốc gia

dân tộc, chớ không phải trung thành mù quáng theo một ông vua hay dòng họ nhà vua.

Xã hội chỉ có một số ít ông vua là minh chánh, còn phần lớn là hôn quân vô đạo. Nếu trung thành với hôn quân thì đó là ngu trung.

Mạnh Tử dạy rằng: *Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*. Nghĩa là: Dân là quý, nước nhà là thứ nhì, vua là nhẹ. Cách đây hơn hai ngàn năm mà Thánh nhân quan niệm dân chủ như thế mà ngày nay nhiều nước trên thế giới, dân trí vẫn còn kém cỏi bị các chế độ độc tài tước đoạt quyền làm người.

. **Phụ tử cương:** *Giềng mối cha con*

Làm cha phải hiền, làm con phải hiếu thảo

Cha mẹ phải hiền từ đức hạnh, phải hết lòng thương yêu, chăm sóc dạy dỗ con cái cho nên người và làm gương cho con cái

Phận làm con phải hiếu thảo với cha mẹ. Phải biết nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ mà lo đền đáp. Thuở nhỏ phải nghe lời dạy bảo của cha mẹ, khi lớn lên, cha mẹ đã già yếu thì phải lo bảo dưỡng cha mẹ.

Sự bảo dưỡng cha mẹ lúc về già là nghĩa vụ của con cái với tất cả sự kính trọng, nếu nuôi mà bất kính thì không khác chi nuôi thú vật trong nhà, đó là trọng tội bất hiếu.

Ngược lại, nếu cha mẹ không làm tròn bổn phận mình mà cứ sai mắng con, bắt con phục vụ mình thì cũng không công bằng và là thất phận cha mẹ vậy. Người xa nói: *"Nhơn sanh bá hạnh, hiếu vi tiên"* (Người đời trăm nét, lấy hiếu làm đầu)

. Phu thê cang: *Giềng mối chồng vợ.*

Đạo vợ chồng trọng yếu nhất phải là thuận hòa trong tình thương yêu chơn thật, dù gặp hoàn cảnh khó khăn cũng phải giữ gìn trọn vẹn như vậy. Vợ chồng sống với nhau, ngoài tình thương yêu, còn phải giữ nghĩa với nhau.

Chồng là rường cột của gia đình, phải đảm đương mọi việc để tạo hạnh phúc gia đình, nghĩa là phải tạo ra của cải vật chất lo cho gia đình no ấm. Người chồng phải làm gương đạo đức, tức phải tu thân thành người có đạo đức mới giáo hóa vợ con được.

Người vợ là bạn trăm năm của mình, là người yếu đuối nương dựa nơi mình gởi thân cho mình để chung sống, là người đầu ấp tay gối với nhau, vui buồn chia sẻ, giàu nghèo chung hưởng, đùm bọc lẫn nhau. Không vì giận mà có thái độ hung dữ đánh đập vợ, đó là hạng vũ phu, hạ tiện, vô học. Người vợ phải có tính thuận tòng, trung trinh với chồng, phải biết dung hòa với chồng để tạo hạnh phúc gia đình. Vợ chồng ăn ở nhau cả đời, làm sao tránh khỏi bất đồng ý kiến, dùng tình cảm ngọt bùi hóa giải nhau.

Ca dao VN ta có câu:

*“Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe”.*

*Hoặc: “Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”*

Tề gia nội trợ là bổn phận của người vợ. Nói chung là phải đảm đương mọi việc ăn uống chi tiêu trong nhà. Của chồng công vợ chung lo hạnh phúc gia đình.

Tóm lại: Đạo vợ chồng cần nhứt là thuận hòa, chồng chẳng nên ỷ quyền hiếp đáp vợ, vợ không nên cậy thế hỗn ầu với chồng. Đồng vợ, đồng chồng tát biển đông cũng cạn.

Tân Luật Đại Đạo nói: *“Hôn nhone là việc trọng trong đời người. Phải chọn hôn trong người đồng Đạo, trừ ra, khi nào người ngoài ưng thuận nhập môn thì mới được kết làm giai ngẫu.”*

Đó là có ý ngừa sự bất đồng tâm lý về sau.

Tân Luật lại cấm người đàn ông không đặng cưới hầu thiếp như thời xưa.

.-Ngũ thường: người đời phải giữ 5 đức tính: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí và Tín.

+Nhân: thương người mền vật

+Nghĩa: cư xử theo lẽ phải

+Lễ: giữ phép tắc tốt đẹp trong xử thế

+Trí: phải có hiểu biết, luôn cầu tiến học hỏi để có kiến thức

+Tín: tin tưởng, tin cậy. Làm người phải chân thật, không giả dối. “nhon vô tín bất lập”, người không đáng tin chẳng lập được thân danh sự nghiệp.

***Tam tòng - Tứ đức theo Nho giáo:**

Dành cho Nữ phái (Trích từ CĐTĐ-Q.3)

- **Tam tòng:** Ba điều phải theo của người phụ nữ.

- **Tại gia tòng phụ:** tại nhà thì tòng theo cha mẹ.

Làm con phải nghe lời cha mẹ dạy bảo. Dù con cái đã trưởng thành nhưng kinh nghiệm đường đời đâu bằng cha mẹ, nên cần phải nghe lời khuyên răn và hướng dẫn của cha mẹ trong các công việc khó khăn thì mới mong thành công tốt đẹp.

-Xuất giá tòng phu: có chồng thì tòng theo chồng.

Người chồng thường giữ vai tuồng trọng yếu trong gia đình, làm việc sanh lợi để nuôi sống vợ con. Do đó, vợ phải nhường chồng quyền sắp đặt và quyết định các công việc của gia đình. Vợ có nhiệm vụ giúp ý kiến cho chồng và giúp chồng làm nên sự nghiệp.

-Phu tử tòng tử: chồng chết thì theo con.

Nếu chẳng may người chồng mất sớm, người vợ nên giữ tiết, ở vậy thờ chồng, nuôi dạy con cái và gầy dựng cho con.

Đạo Nho không đặt ra trường hợp người phụ nữ đã có con với chồng mà chồng chết, lại đi tái giá, vì muốn ràng buộc để nuôi dạy con cái được nên người và cho người phụ nữ được cao thượng, đáng kính.

.- Tứ đức: Bốn đức tốt của phụ nữ.

-Công: là chăm làm việc nhà, khâu thùa may vá, nấu ăn trong bếp, sắp đặt nhà cửa khang trang, nuôi dạy con cái.

-Dung: là chăm sóc dung nhan cho tươi tắn dễ thương, tướng đi dịu dàng, cử chỉ đoan trang, sạch sẽ, tươm tất.

-Ngôn: là lời nói phải thành thật, ngay thẳng, dịu dàng, gây được tình cảm tốt đẹp trong mọi người, tránh lời thị phi đâm thọc, mách lẻo.

-Hạnh: tánh nết hòa nhã, khiêm cung, ngay thật.

Tứ đức là bốn đức tánh hết sức cần thiết của người phụ nữ. Nhờ Tứ đức mà giá trị của phụ nữ được nâng cao. Không cần phải giàu sang hay có học thức cao mới có đủ Tứ đức. Người nghèo, kẻ dốt nát quê mùa, cũng vẫn có đủ Tứ đức, nếu được dạy dỗ rèn luyện từ thuở nhỏ.

Chính Tứ đức mới định giá trị thực sự của phụ nữ chứ không do sắc đẹp phần son bẻ ngoài dễ tàn phai theo thời gian.

Tóm lại: Làm người, mặc dầu phái Nam hay phái Nữ, đều phải lấy Đạo Tu Thân làm căn bản Nhơn Đạo, nghĩa là trước nên trau dồi Tâm Thân của mình trở nên Chơn Thiện Mỹ, rồi sau mới biết sửa đưng việc nhà, làm việc nước và góp công vào việc hòa bình Thiên hạ (*Tu Thân, Tề gia, Trị Quốc, Bình Thiên hạ*).

Người xưa rất trọng Đạo Tu Thân; họ thường khuyên nhủ: Từ vì Thiên Tử đến kẻ thứ dân, hạng người nào cũng phải Tu Thân làm gốc. (*“Tự Thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị gia dĩ tu thân vi bản”* - *Sách Đại Học*)

C.-Phương Pháp Thực Hành:

Phần trên, chúng ta đã bàn đến các nguyên tắc căn bản về Đạo làm người: bốn phận làm vua (hoặc Quốc Trưởng, Tổng Thống), quan, dân, cha con, vợ chồng, anh em, bằng hữu... Muốn thực hành bốn phận các vai trò mỗi con người trên, Đức Khổng Tử đã chủ trương xem trọng đạo Nhơn luân, thực hành Nhơn nghĩa và phục hồi Lễ nhạc.

Tuy nhiên, về hoàn cảnh thực tế phải tùy nghi mà quyền biến cho hợp với hoàn cảnh cá nhân xã hội mà thay đổi miễn sao cho vẹn đôi đàng là được, đạo Trung Dung của Nho giáo và Tân Luật của Đạo Cao Đài cũng cho phép thay đổi tùy theo trình độ tiến hóa của nhân sanh. Ví dụ như góa phụ có con nhỏ còn quá trẻ mà chồng mất sớm , nếu có chỗ tin tưởng dựa nương bảo toàn tương lai cho con cái nên người thì cũng có thể bước kế tiếp, còn hơn là ở vậy mà không khả năng nuôi con khôn lớn. Xã hội hiện đại, người ta có

thể nhận con nuôi, thì con riêng của vợ hoặc chồng vẫn bảo đảm tình yêu thương đùm bọc của người phối ngẫu hiện tại. Tuy nhiên đây là vấn đề thuộc về luật Đạo cần phải được Hội Thánh cho phép sửa đổi theo luật lệ hôn nhân.

IV.- Kết luận

Lập Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn dựng Tinh Hoa Tam Giáo làm tôn chỉ và nền tảng giáo lý, kết hợp với tân pháp đặc thù Cao Đài thành giáo pháp đại đồng phù hợp với đà tiến bộ văn minh của nhân loại ngày nay. Trong đó, phần tinh hoa Nho giáo giữ vai trò căn bản cho đời sống của tín đồ, đó là phần Nhơn Đạo mà mọi người dù có tôn giáo nào hay không cũng cần hiểu biết để làm người tốt trong xã hội.

Nho giáo chủ trương Nhơn Đạo và Thiên Đạo, nhưng phần Thiên Đạo, tức tư tưởng Phối Thiên (phần tu giải thoát) chưa được khai triển, còn phần Nhơn Đạo được Đức Khổng dạy kỹ lưỡng rất đầy đủ và Đạo Cao Đài phục hoạt và xiển dương tư tưởng này, gọi là Nho tông chuyên thể.

Nhơn Đạo là đạo làm người, đạo ở đời, đối xử tiếp vật, cũng được gọi là Thế Đạo. Nhờ Nhơn đạo mà con người mới xứng đáng phẩm người, mới xứng đáng là thượng đẳng chúng sanh.

Có điều cần nêu ra ở đây là, Nho giáo chủ trương hoàn toàn nhập thế, lập lại trật tự xã hội từ bốn phạm của cá nhân trong gia đình, bà con thân tộc đến bạn bè xã hội, bốn phạm làm quan cũng như ngay cả vị vua hoặc Quốc trưởng đứng đầu trong nước...

Nhưng rất tiếc, ở Trung Hoa, cái nôi nơi phát sinh Nho giáo lại do ảnh hưởng xã hội từ đời nhà Tần đốt sách giết học

trò...đến chế độ vô thần Công sản ngày nay tàn phá dai dẳng...khiến cho Nho giáo ngày càng lụn bại!

May mắn thay, Nho giáo được khôi phục lại ngay tại cửa Đạo Cao Đài và không nơi đâu Nhơn Đạo, học thuyết Trung Dung của Nho giáo được xiển dương, tư tưởng Phối Thiên, phân Hình Nhi Thượng của Đạo Nho được khai triển và Đức Khổng Tử được tôn vinh thờ ngang hàng với Đức Lão Tử, Đức Thích Ca của Tiên và Phật Đạo trong Tam giáo.

Tín đồ Cao Đài, ngoài việc thực hành như Nho giáo chỉ dạy tức là phải sống như một công dân gương mẫu mà còn phải giữ gìn luật Đạo, ăn chay, cúng kiếng, làm phải làm lành... nói khác hơn là tu tại thế về Nhơn Đạo trước khi tiến lên phân Thánh, Tiên hay Phật Đạo.

Đạo Cao Đài cũng như Khổng giáo cho rằng mọi người ai ai cũng sống ở thế (đời) nên cũng phải nhập thế một thời gian nào đó, trước khi muốn xuất thế (xuất gia). Một học giả, giáo sư nghiên cứu nổi tiếng về tôn giáo, Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, đã có nhiều tâm huyết phục hồi Nho giáo, đã viết trong Tinh Hoa Các Tôn Giáo:

“Có một điều lạ là muốn tìm con đường nội tâm, trước hết phải băng qua ngoại cảnh, trần hoàn, xác thân. Nói thế có nghĩa là phải hướng ngoại trước rồi mới hướng nội sau, phải đi ra đời trước, rồi mới đi vào Đạo sau. Những con người muốn dứt giai đoạn, muốn tránh sự đời từ thuở còn thơ, rất là khó mà tìm được con đường nội tâm, vì lòng họ ngày càng luyến tiếc thế sự, luyến tiếc những thú vui trần hoàn, bị vắn vặt vì những khao khát không được thỏa mãn...

Một căn do làm cho nhân loại khổ đau, chính là vì đã lãng quên mất giá trị vô biên của mình, dòng đời sang cả của

mình, tưởng rằng Trời Phật xa cách mình, Có biết đâu rằng Trời Phật hiện tiền trong đáy thẳm lòng sâu của mình. Trời Phật chính là Bản Thể của mình, nhưng đã bị bụi bặm trần hoàn che phủ mất... ”

Nho giáo có nói:” *Dục tu Thiên Đạo, tiên tu Nhơn Đạo. Nhơn Đạo bất tu, Thiên Đạo viễn hỷ*”. Nghĩa là muốn tu đạo Trời, trước hết phải tu theo đạo làm người. Đạo làm người mà không tu thì đạo Trời xa vời lắm vậy.

Thánh Ngôn có dạy:

*“Buông trôi ví chẳng tròn **Nhơn Đạo**,
Còn có mong chi đến **Đạo Trời**”*

Và:

*“Rằng ở đời thì **Nhơn Đạo** tròn,
Tròn rồi **Thiên Đạo** mới hoàn toàn”*

Tóm lại, Đức Chí Tôn là Thầy chúng ta, Ngài đã sanh hóa ta, ban cho chúng ta một điểm Linh để làm bản Tánh của mình. Nho giáo gọi Tánh là Mạng Trời và tuân theo Mạng Trời mà hành động thì đúng lẽ Đạo”*Thiên Mạng chi vị Tánh, suất Tánh chi vị Đạo*”(Theo Trung Dung).

Như vậy, về Nhơn Đạo là nghĩa vụ làm người, nằm trong câu”*Căn cứ theo mạng Trời để thực hiện Đạo người*” để mong cầu trở thành một con người đạo đức và chuẩn bị vào cửa Thiên Đạo./.

HT Nguyễn Đăng Khích

***Tài Liệu tham khảo:**

- 1.- Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm 1947
- 2.- Giáo Lý của Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng
- 3.- Cao Đài Từ Điển của HT Nguyễn Văn Hồng

VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO



I.-MỪNG XUÂN TÂN SỬU-2021

*Hoa Đào sớm nở báo tin lành,
Tân Sửu Xuân về vẻ phục sanh.
Khổ tận “hai mươi”do nghiệp tác¹
Cam lai “hăm mốt”cây tâm thành²
Hương về Bản Thế xua lòng tục;
Nhìn lại nhân thân giữ tánh thanh.
Đời Đạo lọc lừa trong đục gạn;
Nguyện Trên trợ lực bậc tinh anh.*

Hoàn Nguyên

HỌA 1

TÂN SỬU NIỀM HY VỌNG

Tân Sửu con Trâu báo mộng lành,
Xuân về cảnh sắc vẻ hồi sanh.
Trăm hoa đua nở tranh khoe sắc,
Báo hiệu tương lai đạt nghĩa thành.
Nghiệp báo tà ma như trốn chạy,
Bình yên trở lại bởi tâm thanh.
Trần gian cõi tạm trường công quả,
Đại xá Thầy ban thật chí-anh...

Yên Hà (Atlanta, 10/1/2021)

1- Năm 2020

2- Năm 2021

HỌA 2

TÂN SỬU MINH XUÂN - 2021

Mỗi độ Xuân về nguyện tốt lành
Bình an sức khỏe chúc nhơn sanh
Đỡ đần cha mẹ lòng chân thật
Hiếu thảo song thân dạ chí thành
Tu học Thánh Hiền trong gió mát
Trau dồi Giáo Lý dưới Trời thanh
Đạo - Đồi tương đắc vui bè bạn
Thế giới Đại Đồng rộn yến anh...!

Mai Xuân Thanh (Ngày 11/01/2021)

HỌA 3

NGÀY XUÂN NGUYỆN CẦU

Cầu nguyện Ôn Trên bố điển lành,
Tân niên hạnh phúc thủy nhơn sanh,
Tiêu mòn chướng nghiệp thân an lạc,
Bồi đắp quả công, vị đoạt thành.
Thánh Đức xây nền, dân hữu hạnh,
Thuần Nghiêu trị thế, cõi đời thanh.
Quốc gia Thiên định Thầy đà dạy,
Ắt hẳn nên hình đáng bậc anh.

Quang Thông (Xuân Tân Sửu-2021)

HỌA 4

MỪNG XUÂN TÂN SỬU

Mai Đào rộ nở báo điềm lành,
Cúc thắm xinh tươi cảnh phục sanh.
Canh Tý tiễn người ta vội bước,
Sửu về vội vã với tâm thành,
Cùng Chư Huynh Tử lo Cơ Đạo,
Tận lực dìu nhau để tiếng thanh.
Nguyện cầu Các Đấng ban Ân Phước,
Tốt Đồi đẹp Đạo, vẹn tinh anh.

Huỳnh văn Bót (TN, 17/01/2020)

HỌA 5

KHÔNG KHÍ XUÂN VỀ

Không khí Xuân về báo mộng lành,
Rộn ràng khắp chốn vẻ hồi sanh.
Dân ta truyền thống vui ngày lễ,
Hăm hở mâm bàn tỏ kính thành.
May mắn, cầu xin điều thánh thiện,
Tu thân, công quả luyện tâm thanh.
Năm qua gian khó trong ngoài nước,
Nguyện Đấng Cha lành, ban chí anh...

Yên Hà (Atlanta, 24/1/2021)

II- LỄ THƯỢNG NGUYÊN

Lịch Đạo có ghi Lễ Thượng Nguyên,³
Hằng năm vào giữa tháng Âm Giêng.
Chúng sanh, bốn đạo lo tươm tất,
Đảnh lễ Chí Tôn, Phật Mẫu Thiên.
Tạo hoá tuần hoàn từ khởi thủy,
Công Thần định vị Phật chư Tiên.
Tân dân hạnh Đức vui an hưởng,
Di Lạc Phật Vương, tuyền ứng viên.

Yên Hà (Atlanta, 21/2/2021)

HỌA 1

Hằng năm Đại Lễ có ba Nguyên
Tháng Bảy, tháng Mười tới tháng Giêng
Nhạc khí đờn cò, kinh Phật Mẫu
Đại đàn, Lễ Sĩ, tấu Quân Thiên
Đồng Nhi, kinh sách Cao Đài Giáo
Thánh Thất, mõ chuông Phật Thánh Tiên
Tín nữ, thiện nam tu dưỡng tánh
Cửu Huyền Thất Tổ vãng sanh viên⁴

Mai Xuân Thanh (Ngày 21/02/2021)

HỌA 2

Xoay vần niên lịch có Tam Nguyên
Mãn Hạ bước sang Thượng tháng Giêng.
Điểm Đạo Long Hoa Di Lạc Phật;
Dù Đời Thánh Đức Hạo Nhiên Thiên.

3- Nguyên cũng là Nguyên

4- Viên là viên mãn, trọn vẹn, là tròn chữ hiếu

Cầu xin xá tội chur tiền vãng,
Nguyện lập dâng công hướng cảnh Tiên.
Tứ Phước Thiên Quan, cơ xá tội,
Chỉ Tu mới được buổi đoàn viên.

Hoàn Nguyên
San Jose 21-02-21

HỌA 3

Trọn năm Âm lịch có ba Nguyên
Đại lễ Thượng Ngươn giữa tháng giêng
Mọi nơi người đạo lo chu tất
Chuẩn bị đèn hoa đánh Phật-Thiên
“Tứ Phước Thiên Ân” đêm nguyệt thủy
Phật Vương đại hội trụ thần tiên
Ngọc Hoàng xá tội dân vui hưởng
Người biết tu thân thụ đức viên

Duy Văn

III- ĐẠI LỄ **ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN**

Thái Thượng Lão Quân chường Đạo Tiên,
Bao lần giáng thế mở chơn truyền.
“Tru Tiên” Thần bảng Tam Thanh hóa;
Đại Đạo Thánh phong đạt cảnh Thiên.
Huyền diệu Tiên gia cơ phổ độ,
Pháp môn tịnh luyện phản hồi nguyên.
Vô vi triết thuyết năng suy nghiệm,
Dưỡng Tánh Tu chơn giữ thế nguyên.

Hoàn Nguyên (San Jose, 7/3/2021)

HỌA 1

Thái Thượng Lão Quân chủ Đạo Tiên
Nhứt Kỳ Phổ Độ mở kỳ truyền
Tam Thanh ứng hoá cơ mầu nhiệm
Chuyển kiếp lâm phạm đến cảnh Thiên
Diệu võ dương oai linh phép tủa
Vô vi diệu lý vĩnh tồn nguyên
Kỳ Ba Phổ Độ hưng chơn pháp
Trưởng Lý Đại Tiên ản ước nguyên
Yên Hà (Atlanta, 7/3/2021)

HỌA 2

Lão Tử Thiên Tôn, Giáo Chủ Tiên
Đạo Quân Thái Thượng gốc chơn truyền
Tam Thanh ứng hóa trên trần thế
Ba sắc vàng xanh đỏ khí Thiên
Huyền diệu cơ đời Kinh Đạo Đức
Nhiệm mầu nguyên thi thuyết nhân duyên
Hóa thân phép tắc tu Tiên đắc
Phổ Độ Tam Kỳ mới phỉ nguyên...
Mai Xuân Thanh (Ngày 7/3/2021)

IV- ĐẠI LỄ ĐỨC QUAN THẾ ÂM

Mừng ngày Đại Lễ Đức Quan Âm,
Mười chín tháng hai khẩn nguyện thăm:
Nhị Trấn đưa người về bến giác;
Tam kỳ thay Phật diệt mê lầm.
Hàm oan Thị Kính⁵ gương Hòa Nhẫn,

5- Ni cô Thị Kính, kiếp sanh ở Việt Nam

Vinh hiển Tông Đường⁶ rạng Thánh Tâm.
Bát Nhã Thuyền từ diu khách tục;
May duyên gặp Đạo gắng công tâm.

Hoàn Nguyên (Tân Sửu 05-3/2021)

HỌA 1: Ngày Vía Đức Ngài

Ngài Vía Đức Ngài Quan Thế Âm
Tháng Hai mười chín khẩn âm thầm
Phật Oai Nhị Trấn Huyền Linh đến
Cứu nạn chúng sanh giải lỗi lầm
Bến Giác cơ may thuyền đến kịp
Duyên phần Bát Nhã kẻ từ tâm
Lực Nguyện Quan Âm cầu sanh chúng
Cứu khổ, an vui, có chí tâm

Yên Hà (Atlanta, 6/3/2021)

HỌA 2- Đức Quan Thế Âm Bồ Tát

Nam Hải thường cư Quan Thế Âm
Phổ Đà Bồ Tát, nguyện âm thầm⁷
Cao Đài Đại Đạo cho tha thứ
Nhị Trấn ban ơn, sửa lỗi lầm⁸
Luyện phép ngàn năm lo cứu khổ
Hóa thân vạn kiếp đắc nhân tâm
Linh hồn tiến đến nơi hằng sống
Bát Nhã thuyền đưa chôn viên tâm,,,

Mai Xuân Thanh (Ngày 5/3/2021)

6- Tông Đường Ngài vinh hiển nhất nơi Thiên cung

7- Phổ Đà là Phổ Đà Sơn, Quan Thế Âm Bồ Tát

8- Nhị Trấn Oai Nghiêm (Quan Âm Như Lai

Ngày lễ Valentine (Duy Văn)

Hiện nay ai cũng biết ngày Lễ Tình Nhân được tổ chức vào mỗi năm, như là một dịp để con người thể hiện tinh thần yêu thương và tôn vinh đặc biệt là tình yêu đôi lứa, nhưng ít có người am hiểu về ngày Lễ này. Rất có nhiều người thắc mắc tại sao ngày Lễ không rơi vào ngày khác mà phải là ngày 14 tháng 02 mỗi năm? Tại sao nhân loại có ngày Lễ Tình Nhân?

Để giải tỏa một phần nào chuỗi vấn đề trên. Chúng ta hãy tìm hiểu nguyên nhân, nguồn gốc và ý nghĩa của ngày Lễ này ngõ hầu cùng nhau rút ra một chân lý về sự thương yêu đặc biệt này của nhân loại

I. NGUỒN GỐC VÀ TRUYỀN THUYẾT.

Theo Tự điển Anh Việt, ngày lễ Valentine: tiếng Anh là Valentine's Day, Saint Valentine's Day, còn gọi là Ngày lễ tình yêu hay là Ngày lễ Tình Nhân. Nó được đặt tên theo thánh Valentine, một trong số những vị thánh tử vì đạo Kitô giáo đầu tiên - và cũng là ngày mà cả thế giới tôn vinh tình yêu đôi lứa, tình cảm giữa các đôi tình nhân, và bạn bè khác giới, họ bày tỏ tình cảm của mình bằng cách gửi cho nhau thiệp Valentine, hoa hồng, sô-cô-la và một số loại quà tặng đặc biệt khác.

Trước đây ngày Valentine (hiện nay là ngày 14 tháng 2 hàng năm) là ngày lễ chỉ ở Bắc Mỹ và Châu Âu, nhưng ngày nay nó được phổ biến ở hầu hết các quốc gia. Theo văn

hóa phương Đông (Trung Quốc, Nhật Bản và các nước lân cận) là ngày lễ tình yêu được tổ chức vào ngày Thất tịch (7 tháng 7 Âm lịch).

A*- NGUỒN GỐC

Đã có nhiều vị thánh tử vì đạo của Kitô giáo tên là Valentine. Valentines có vinh danh vào ngày 14 Tháng hai là Valentine thành Roma (Valentinus presb. M. Romae) và Valentine của Terni (Valentinus ep. Interamnensis m. Romae). Valentine của Rome¹ là một linh mục ở Rome, người đã chịu tử đạo khoảng năm 269 và được chôn cất trên con đường Via Flaminia. Di hài của ông hiện nay đặt tại nhà thờ của thánh Praxed tại Rome và nhà thờ Whitefriar dòng Cát Minh, ở Dublin, Ireland.

Valentine thành Terni đã trở thành giám mục của Interamna (hiện nay là Terni) khoảng năm 197 và được cho là đã tử vì đạo trong cuộc đàn áp dưới thời hoàng đế Aurelianus. Ông cũng được chôn cất trên đường Via Flaminia, nhưng ở một vị trí khác so với Valentine của Rome. Di hài của ông hiện nay đặt tại Vương cung Thánh đường Thánh Valentine ở Terni (Basilica di San Valentino)

Bách khoa toàn thư Công giáo cũng nói về một vị thánh thứ ba có tên là Valentine đã được đề cập trong danh sách những người tử vì đạo trong ngày 14 tháng hai. Ông đã chịu tử đạo ở châu Phi với một số đồng đạo, nhưng không có thông tin nào khác.

Không có yếu tố lãng mạn nào có mặt trong tiểu sử của các vị thánh tử đạo này vào đầu thời trung cổ. Vào thời điểm

một vị thánh Valentine liên quan đến chuyện tình lãng mạn vào thế kỷ XIV, thì sự phân biệt giữa Valentine thành Rome và Valentine thành Terni đã hoàn toàn bị mất.

Vào năm 1969, trong việc sửa đổi Lịch các thánh, ngày lễ Thánh Valentine vào ngày 14 tháng 2 đã được đưa ra khỏi Lịch chung và được đưa vào hạng đặc biệt (lịch địa phương hoặc thậm chí quốc gia).

B*- TRUYỀN THUYẾT

Có rất nhiều thông tin về nguồn gốc của ngày lễ này, giả thuyết mà nhiều người chấp nhận nhất là:

a) Valentine là một linh mục dưới thời Hoàng đế La Mã Claudius II. Lúc bấy giờ là thế kỷ thứ III, Đế quốc La Mã phải tham gia nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu và không được dân ủng hộ. Do gặp phải khó khăn khi kêu gọi các chàng trai trẻ gia nhập vào quân đội, Claudius II cho rằng nguyên nhân chính là đàn ông La Mã không muốn rời xa gia đình hay người yêu của họ và hôn nhân chỉ làm người đàn ông yếu mềm; do đó, Claudius II ra lệnh cấm tổ chức các đám cưới hoặc lễ đính hôn để tập trung cho các cuộc chiến.

Linh mục Valentine ở thành La Mã, cùng Thánh Marius đã chống lại sắc lệnh của vị hoàng đế hùng mạnh và tiếp tục cử hành lễ cưới cho các đôi vợ chồng trẻ trong bí mật. Khi bị phát hiện, linh mục Valentine đã bị bắt và kết án tử hình bằng hình thức kéo lê và bị ném đá cho đến chết. Buổi chiều trước khi ra pháp trường, ông gửi tấm «thiệp Valentine» đầu tiên cho cô con gái của viên cai tù Asterius, người thiếu nữ mù lòa bẩm sinh đã được ông chữa lành bằng phép lạ trước

đó, và ký tên “*dal vostro Valentino*” - from your Valentine (“*Từ Valentine của em*”). Cho đến nay, các cặp tình nhân vẫn có truyền thống ký tên bằng cụm từ “*From your Valentine*” của ngày xưa thay vì tên mình trong các tấm thiệp Valentine. Dần dần, ngày 14 tháng 2 hàng năm đã trở thành ngày trao đổi các bức thông điệp của tình yêu và Thánh Valentine đã trở thành vị Thánh bổn mạng của những lứa đôi. Người ta kỷ niệm ngày này bằng cách gửi cho nhau những bài thơ và tặng cho nhau những món quà truyền thống là hoa hồng và sô cô la.

b) Một truyền thuyết khác lại cho rằng, vào thế kỷ thứ II sau Công Nguyên, một thầy thuốc đã bị xử chém vì tội dám tin vào Chúa Giêsu. Trong thời gian bị giam ở ngục tù, chờ bị xử chém, vị thầy thuốc đã chữa khỏi bệnh cho cô con gái mù của người cai ngục. Cô gái tìm thấy ánh sáng và giữa họ nảy sinh tình yêu. Ngày 14/2, người thầy thuốc bị đưa đi hành hình. Trước khi chết, chàng đã gửi cho cô gái bức thư tình với chữ ký “Valentine của em”. Câu chuyện này sau đó đã trở thành huyền thoại và trên khắp thế giới người ta đã coi ngày này là ngày hội của những người yêu nhau. Đến nay, các cặp tình nhân vẫn có truyền thống ký tên bằng cụm từ “*From your Valentine*” của ngày xưa thay vì tên mình trong các tấm thiệp Valentine. Ngoài ra, còn có nhiều truyền thuyết khác liên quan đến lịch sử ngày Lễ Thánh Valentine. Dù có khác nhau, song các truyền thuyết này đều thấm đậm chất trữ tình, lãng mạn, nhằm tôn vinh tình yêu lứa đôi.

C*- Ý NGHĨA

Ngày Valentine có ý nghĩa gì? Chắc hẳn đến đây nhiều bạn đã phần nào đoán được ý nghĩa của ngày này. Valentine chính

là dịp để cả thế giới tôn vinh tình yêu đôi lứa, tình cảm giữa các đôi tình nhân và rộng hơn là tình cảm bạn bè khác phái. Mỗi khi đến Valentine, người ta thường gửi gắm những cử chỉ yêu thương đến 1 nửa còn lại của mình, người ta lại bày tỏ tình cảm cho nhau thông qua những lời chúc ngọt ngào hay những món quà ý nghĩa như thiệp, hoa hồng, socola và một số loại quà tặng đặc biệt khác (chẳng hạn đồng hồ, áo đôi, bữa tối lãng mạn...). mang những ý nghĩa tình yêu đậm sâu.



* Ý nghĩa Hoa Hồng và Thiệp trong ngày lễ Tình nhân

- Hoa hồng là biểu tượng của tình yêu bắt đầu từ những năm 1.700, khi vị hoàng đế Charles II của Thụy Điển đưa nghệ thuật thi ca của Ba Tư, được biết đến như một thứ ngôn ngữ của những loài hoa về châu Âu. Trong suốt thế kỷ XVIII, những người phụ nữ yêu ngôn từ hoa mỹ đã vẽ lên vẻ đẹp rực rỡ của muôn hoa khoe sắc. Mỗi loài hoa đều mang theo thật nhiều thông điệp, nhiều ý nghĩa khác nhau về cuộc sống muôn màu.



Trong muôn loài hoa, những bông hồng đỏ thắm đã làm say đắm trái tim của nữ thần tình yêu Venus của thành Rome. Từ đó, loài hoa hồng là hiện thân của tình yêu đôi lứa.

- Từ một câu chuyện của chính vị thánh tình yêu Valentine được truyền lại rằng: Sau khi Valentine bị đẩy vào tù ngục, ông đã gửi một bức thư trong đó, Valentine gửi gắm những dòng tình cảm dạt dào đến người vợ trẻ của mình. Bức thư có câu: “Anh yêu em”. Cuối bức thư là dòng chữ “From

your Valentine”. Có lẽ vì thế nên người ta nghĩ rằng đây chính là lời chúc mừng đầu tiên chưa bao giờ có trong ngày lễ tình nhân trước đó.

*** Các Loại Valentine và ý nghĩa của nó.**

-Valentine Đỏ

Valentine Đỏ là ngày lễ tình nhân truyền thống, được tổ chức vào ngày 14/2 theo “truyền thuyết” về Thánh Valentine. Đây là dịp để người ta bày tỏ tình cảm của mình với một nửa còn lại thông qua những món quà, những lời chúc thật ngọt ngào.

-Valentine Trắng

Valentine Trắng là ngày nào? Valentine Trắng bắt nguồn từ nước nào? Trên thực tế, Valentine Trắng (hay White Day, White Valentine) được tổ chức vào ngày 14/3 hằng năm, đúng một tháng sau ngày Valentine Đỏ. Valentine Trắng bắt nguồn từ Nhật Bản - đất nước mặt trời mọc. Chuyện kể rằng, vào năm 1965 tại Nhật Bản, một chàng trai bán kẹo dẻo đã tặng cô gái thầm thương trộm nhớ mình một hộp kẹo thật lớn, trắng như tuyết để đáp lại tình cảm của cô vào ngày Valentine Đỏ.

Ngày Valentine Trắng nhanh chóng được các bạn trẻ đón nhận. Vào ngày này, các chàng trai sẽ đáp lại tình cảm của người con gái yêu mến mình trong suốt thời gian qua bằng một món quà ý nghĩa hoặc lời nói thật cảm động. Còn với các cô gái, Valentine Trắng có lẽ là một ngày “đầy hồi hộp và mong chờ” vì họ đều mong nhận được món quà khẳng định tình cảm từ chàng trai mà mình yêu mến.

-Valentine Đen

Valentine Đen - nghe có vẻ “hoi buồn” và “không may mắn” đúng không các bạn? Liệu đây có phải là ngày dành cho những chuyện tình tan vỡ? Sự thật thì không phải vậy! Valentine Đen có nguồn gốc từ Hàn Quốc, diễn ra vào ngày 14/4. Khác với Valentine Đỏ và Valentine Trắng, Valentine Đen là ngày dành riêng cho những thành viên của hội độc thân (FA). Đến dịp này, các bạn trẻ vẫn còn cô đơn lẻ bóng ở xứ sở kim chi sẽ rủ nhau đi ăn mì đen (Jajangmyun) như một cách để khẳng định rằng “FA thì sao chứ? FA không hẳn là chán!”

D*-NGÀY VALENTINE BẮT ĐẦU KHI NÀO VÀ VÌ SAO LẤY NGÀY 14-2 ?

Theo trang tin về lịch sử có tên History.com, *ngày lễ tình nhân* bắt nguồn từ một nghi thức truyền thống Lupercalia - ngày hội tế thần chăn nuôi, được tổ chức từ 13 - 15/02, thời La Mã cổ đại. Trong suốt những ngày diễn ra lễ hội, các chàng trai viết tên các cô gái mình yêu lên những chiếc hộp và họ trở thành một nửa thế giới của nhau trong cả mùa lễ hội. Một kết thúc có hậu cho những đôi lứa này là họ được sống bên nhau trọn đời. Tuy vậy, không có một tài liệu nào ghi chép chính xác lịch sử của ngày lễ tình yêu trước khi bài thơ của Chaucer năm 1375. Trong bài thơ này, nhà thơ đã nói đến ngày 14/2, ngày mà những loài chim từ khắp phương trời riu rít tìm về bên nhau, có đôi, có cặp. Khi đã tìm đến với nhau, chúng cũng cùng nhau xây tổ. Người ta tin rằng, nguồn gốc của *ngày Lễ tình nhân 14/2* là để tưởng nhớ đến cái chết của Vị thánh xuất hiện trong câu chuyện truyền thuyết thứ 2. Và vì vậy ngày lễ Valentine truyền thống này được duy trì từ năm 270 sau Công nguyên_ tưởng nhớ đến

Cái chết của linh mục Valentine. Cũng có người lại cho rằng, ngày xưa người ta chọn ngày này cùng với thời điểm diễn ra nghi lễ về sinh sản để tế thần chăn nuôi hay còn được gọi là Lễ Lupercalia.

E. THÁNH VALENTINE LÀ AI?



Có khá nhiều thông tin cho chúng ta biết, rằng ngày lễ tình nhân gắn liền với tên Thánh Valentine. Song, thực tế có tận tới 3 người có tên là Valentine hay Valentinus được phong thánh, nên đến tận ngày nay người ta vẫn còn bàn cãi việc vị thánh nào trong 3 người đó đã

tạo nên cái ngày đặc biệt của Tình yêu đôi lứa này, khiến hàng triệu con tim trên Thế giới phải hồi hộp, đợi chờ ngày yêu thương đặc biệt. Dù có nhiều quan điểm khác biệt, song có 1 điểm chung giữa các câu chuyện về những vị thánh này, đó chính là họ đều chết vì tình yêu chân chính, tình yêu cao cả và sự chính nghĩa. Ngày nay, nhân loại chỉ biết đến Valentine là tên của một ngày lễ lớn trong năm của cả thế giới chứ không nhiều người biết đó là tên một vị thánh của thành Rome.

Đây là một vị thánh do giáo hội công giáo La Mã công nhận, thánh Valentine đã qua đời khoảng năm 270 SCN

F. CÁC TRUYỀN THỐNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN

a) Lễ Lupercalia

Tuy các nguồn tài liệu thời hiện đại nói không rõ về ngày lễ về và tình yêu của Greco-Roman nằm vào tháng hai, giáo sư Jack Oruch của viện khoa học của Kansas cho là không có sự liên kết nào của vị thánh tên Valentinus và tình yêu lãng mạn. Những nguồn liên kết trước đó nhắm vào sự *hy sinh* thay vì tình yêu lãng mạn. Trong lịch Attic, thời kỳ giữa tháng giêng đến giữa tháng hai trong lịch của lịch Hy Lạp, là thời gian tưởng niệm về đám cưới linh thiêng của Zeus và Hera.

Trong thời kỳ La Mã cổ đại, ngày lễ Lupercalia được tổ chức vào ngày 13-15 tháng hai, là một nghi thức cổ xưa về sinh sản. Lupercalia là ngày lễ của riêng về thành phố của Rome. Ngày lễ được tổ chức với quy mô quốc gia là lễ Juno Februa, nghĩa là “Juno, đáng trong sạch” or “Juno, đáng đồng trinh” được tổ chức vào ngày 13–14 tháng hai. Đức giáo hoàng Gelasius I (492–496) đã xóa bỏ ngày lễ lupercalia. Một số nhà sử học đoán rằng ngày lễ Candlemas (nhằm vào ngày 14 tháng hai, nhưng sau này chuyển thành ngày 2 tháng hai) được đưa ra thay thế cho lễ Lupercalia, nhưng lễ Candlemas đã được bắt đầu từ thành phố Jerusalem vào năm 381 trước công nguyên. Vào năm 500 của Công Nguyên, đức Giáo hoàng chuyển ngày lễ Valentine vào ngày 15 tháng hai.

b) Những cánh chim tình của Chaucer

Năm 1382, nhà thơ Geoffrey Chaucer viết một bài thơ *Nghị hội của đám đông (Parlement of Foules)*, trong đó có những câu sau:

For this was on saint Valentine's day

*When every birds came there to chose his make...
Vì thế,
Vào ngày Thánh Valentine,
Những cánh chim bay về đây
Để chọn những bạn đời...*

Bài thơ này được viết để tôn vinh kỷ niệm một năm lễ đính hôn của Vua Richard II của Anh với Anne của Bohemia. Một hiệp ước hôn nhân đã được ký kết vào ngày 02 tháng 5 năm 1381, và hôn lễ được cử hành 8 tháng sau đó.

Người đọc cho rằng Chaucer đã đề cập đến ngày 14 tháng 2 là ngày Thánh Valentine, tuy nhiên, giữa tháng hai không phải là thời điểm thích hợp cho các loài chim bắt cặp và làm tổ ở Anh. Henry Ansgar Kelly đã chỉ ra rằng Chaucer có thể đã đề cập đến ngày 3 tháng năm, trong lịch phụng vụ là lễ kỷ niệm của Valentine của Genova, một giám mục đầu tiên của Genova, người đã qua đời khoảng năm 307. Jack B. Oruch cho rằng ngày đó là bắt đầu của mùa xuân và đã bị thay đổi từ khi áp dụng lịch Gregory vào năm 1582. Thời tiết sẽ tương ứng với ngày 23 tháng 2 hiện đại, thời điểm một số loài chim đã bắt đầu cặp đôi để giao phối và làm tổ ở Anh.

Dường như những vần thơ của Chaucer trong «Nghị hội của đám đông» nhắc đến một truyền thống cổ, nhưng trong thực tế, không có dấu hiệu nào cho thấy có truyền thống như vậy trước đó. Lời giải thích những phong tục cổ như là sự kiện lịch sử, có nguồn gốc trong ngành khảo cổ học thế kỷ XVIII, đặc biệt là Alban Butler, tác giả của sách «Đời sống các Thánh của Butler», và đã được cả các học giả đáng

kính hiện đại truyền lại. Đáng chú ý nhất “ý tưởng là ngày Valentine bắt nguồn từ ngày lễ Lupercalia của La Mã đã được chấp nhận không phê phán và lặp đi lặp lại, trong các hình thức khác nhau, cho đến ngày nay”.

Có ba tác giả khác cũng đã làm bài thơ về các loài chim cặp đôi trong ngày Thánh Valentine trong cùng một năm: Otton de Grandson từ Savoy, John Gower từ Anh, và một hiệp sĩ được gọi là Pardo từ Valencia. Chaucer có lẽ là nổi bật hơn cả, nhưng do thiếu dữ liệu để xác minh với các tác phẩm thời trung cổ, chúng ta không thể biết chắc chắn trong bốn người đó, ai là người có ý tưởng đầu tiên và ảnh hưởng đến những người khác.

G. VALENTINE THỜI HIỆN ĐẠI

Vào năm 1797, một nhà báo Anh ra một cuốn sách *The Young Man's Valentine Writer*, bao gồm một số câu mẫu tình cảm dành cho những người trẻ tuổi không thể tự sáng tác. Các máy in bắt đầu sản xuất một số các thiệp với lời và hình ảnh tình cảm, còn gọi là “máy valentine,” và sự hạ giá của giá tem bưu chính và các mặt hàng thơ từ trong thế kỷ sau đó đã làm phong trào gửi thư, thiệp trong ngày lễ tình nhân tăng cao. Điều đó cũng tạo ra những cơ hội gửi thiệp ẩn danh, và sự phát triển mạnh mẽ của thiệp Valentine cũng bất ngờ làm xuất hiện những vần thơ tình ái đặc sắc trong thời đại hoàng kim của nữ hoàng Victoria.

Giấy trang trí Valentine trở thành rất phổ biến ở Anh từ đầu thế kỷ XIX, tới mức đã có một số xưởng in được ra đời để phục vụ nhu cầu. Các thiệp Valentine nghệ thuật được làm từ ren thật và ruy băng, với sự ra đời đầu tiên của ren giấy

vào giữa thế kỷ XIX. Sự sống lại ngày lễ của thánh Valatine từ năm 1840 được phát động bởi Leigh Eric Schmidt. Là một nhà báo trong *Graham's American Monthly* viết trong năm 1849, “Ngày Thánh Valentine”... đã dần dần trở thành, ngày lễ quốc gia.” Ở Hoa Kỳ, đợt bán thiệp Valentine với số lượng lớn vào năm 1847 sau khi được phát động bởi cô Esther Howland (1828–1904) người xứ Worcester, Massachusetts.

Cha của cô là chủ của một tiệm sách lớn, nhưng cô lấy nguồn cảm hứng từ một người bạn thương gia buôn bán thiệp valentine bên nước Anh của ba cô. Cô lên kế hoạch để tổ chức ngày lễ Valentine giống như vậy, Howland bắt đầu cơ nghiệp của mình với việc mua các mặt hàng làm thiệp valentine từ Anh. Thói quen gửi thiệp Valentine bên nước Anh trở thành quen thuộc tới nỗi nó là nội dung cho tác phẩm của nhà viết văn tiểu thuyết Elizabeth Gaskell, cuốn tiểu thuyết *Mr. Harrison's Confessions* (1851). Từ năm 2001, Hội Thiệp Chào Đón bắt đầu trao tặng giải “Esther Howland Award” mỗi năm cho người có chí sáng tạo hay.

Từ thế kỷ XIX, thiệp viết bằng tay được phổ biến với sự sản xuất hàng loạt của các loại thiệp. Vào giữa thế kỷ XIX ngày lễ Valentine được nhiều nhà kinh doanh dùng để kiếm lợi nhuận, và làm cầu nối cho nhiều thị trường thương mại của các lễ hội khác ở Hoa Kỳ.

Trong nửa thập kỷ sau của thế kỷ XX, thói quen gửi thiệp đã trở thành quà lịch sự trong Hoa Kỳ. Những món quà như vậy bao gồm hoa hồng và sô cô la được gói bằng giấy satin đỏ, hộp trái tim. Vào những năm của thập niên 1980, những tập đoàn bán kim cương đã dùng ngày lễ Valentine để đẩy

mạnh thương mại kim cương, bằng cách khuyến khích tặng đồ nữ trang thay vì thiệp.

Trong Hoa Kỳ, Hội Thiệp Mừng (U.S. Greeting Card Association) ước tính khoảng 190 triệu thiệp valentine được gửi tặng mỗi năm trong Hoa Kỳ. Một nửa trong số ấy được tặng cho những người thân ngoài vợ với chồng, thường thì cho các đứa con. Nếu tính luôn những thiệp làm trong trường thì có thể lên tới 1 tỉ thiệp, và các thầy cô là người nhận được thiệp nhiều nhất. Trong một số nước trên thế giới, các học sinh tiểu học làm thiệp và gửi cho nhau và thầy cô. Trong thiệp của các em cũng bày tỏ cảm xúc yêu mến đến các bạn khác giới.

Vào thiên niên kỷ mới, mới sự ra đời và lớn mạnh của Internet đã dần dần tạo thành những truyền thống tặng thiệp mới. Hàng triệu người trên thế giới bắt đầu sử dụng thiệp in ra được trên mạng hoặc gửi thiệp bằng mạng như thiệp điện tử. Ước tính khoảng 15 triệu thiệp điện tử được gửi vào năm 2010.

H*- VALENTINE TRONG THỜI CHIẾN TRANH.

Valentine là ngày lễ của tình yêu trong sáng và thật thà của tuổi trẻ thơ mộng mới biết yêu. Nó còn có ý nghĩa quan trọng đối với những người thân trong gia đình. Những người đã trải qua ngày này khi còn trẻ này đã thành vợ chồng. Nhưng tiếc thay chiến tranh đã làm tan tác những ý niệm đẹp trong ngày valentine.

K*- NGÀY LỄ VALENTINE TRỞ THÀNH NGÀY LỄ TOÀN THẾ GIỚI.

Không phải đến tận thế kỷ XVIII thì *ngày lễ tình nhân* mới hiện diện ở Anh. Thực tế, trước đó, cứ vào ngày 14/2, những người yêu nhau đã trao nhau những món đồ nữ trang, những tấm thiệp, những nhánh hoa tươi và đem theo tình yêu cao quý mà họ muốn trao gửi đến nhau. Đã có một lượng lớn những tấm thiệp chúc mừng được in ra. Sau đó, đến năm 1913, những tấm thiệp dành riêng cho *ngày lễ tình yêu* của thương hiệu Hallmark Cards ở thành phố Kansas đã ra đời. Giờ đây, hàng năm cứ vào *ngày lễ tình nhân 14/2* có đến 1 tỷ tấm thiệp yêu thương được bán ra trên toàn thế giới. Có thể nói, 14/2 là *ngày lễ tình nhân* ở khắp mọi nơi trên toàn thế giới, ngày để nhân loại cùng tôn vinh tình yêu đôi lứa, tình cảm giữa các đôi tình nhân và bạn bè khác phái.

Ngày lễ Valentine bắt đầu ở châu Âu nhưng ngày nay được tổ chức ở nhiều nơi khác, từ châu Á đến châu Mỹ và châu Phi. Theo hiệp hội U.S. Greeting Card Association Mỹ, mỗi năm có hơn 1 tỷ thiệp Valentine được trao tay trong ngày lễ này trên thế giới, chỉ xếp hạng sau ngày Lễ Giáng Sinh. Tổ chức này ước lượng khoảng 85% khách hàng mua thiệp Valentine là phụ nữ.

Tại các trường tiểu học tại Bắc Mỹ, các giáo viên thường cho các em học sinh tự làm thủ công thiệp Valentine cho bạn bè trong lớp, các tấm thiệp đơn sơ do các em tự cắt vẽ và tô màu này phản ánh những điều mà các em cảm kích về mỗi người bạn khác phái của mình trong lớp học.

Người Anh và Pháp đã tổ chức lễ này từ thời Trung cổ, nhưng đến thế kỷ XVII, tập tục tặng thiệp làm bằng tay cho người yêu mới phổ biến. Hình ảnh thường thấy là hình trái tim, hoa hồng, mũi tên và vị thần tình yêu Cupid.

Tại Nhật Bản, nhiều nữ nhân viên có bồn phận phải tặng chocolate, bánh kẹo, hoa quả cho các nam đồng nghiệp. Tục lệ này mang tên *giri-choko*; *giri* có nghĩa là “bồn phận”, *choko* là *chocolate*. Đúng một tháng sau đó, trong ngày 14 tháng 3, tức ngày *White Day*, phía nam có bồn phận phải tặng quà lại cho các nữ đồng nghiệp đã chiếu cố đến mình trong ngày Valentine, những món quà này thông thường phải mang màu trắng.

Tại Iran, Ả Rập Xê Út, Malaysia và vài quốc gia theo Hồi giáo, cấm tổ chức các hoạt động kỷ niệm, mừng và bán những món quà ngày lễ tình nhân, kể cả hoa hồng đỏ vì họ cho rằng ngày Valentine là khuyến khích các quan hệ ngoài hôn nhân, nên bị cấm «nhằm ngăn chặn sự lây lan của văn hóa phương Tây».

Tại Việt Nam, lễ tình nhân mới du nhập vào thời gian gần đây. Ngày 14 tháng 2 của năm 2008, nhiều cặp tình nhân đã tổ chức cưới tập thể dưới nước tại Hòn Mun, Nha Trang. Một hội thi hôn tập thể tại Đà Lạt cũng được tổ chức vào ngày này. Tại Brasil, ngày *Dia dos Namorados* (Ngày của các tình nhân) được tổ chức vào ngày 12 tháng 6.

Trong khi đó, tại Trung Quốc và vài quốc gia châu Á, ngày truyền thống tình yêu là ngày 7 tháng 7 âm lịch, còn gọi là «Thất tịch».

*- KẾT LUẬN.

Qua trên ít nhiều tư liệu cho biết được một phần nào nguồn gốc, ý nghĩa cũng như truyền thuyết về ngày lễ Tình Nhân vốn đã trở thành truyền thống này.

Mong rằng bài biên soạn này của chúng tôi đã giúp bạn hiểu

hơn Valentine là ngày gì cũng như ý nghĩa và nguồn gốc của Valentine. Một mùa Valentine nữa sắp đến rồi, hy vọng bạn luôn hạnh phúc bất kể đang thân lẻ hay đã có đôi có cặp nhé! Chúng tôi mạo muội gợi ý một vài mẹo vặt để giúp các bạn còn lẻ thân có thể và nếu không thể cũng góp phần cho sự kết luận với niềm tin vui trong đề tài có vẻ kinh điển này.

***Gợi ý cho những người độc thân ngày Valentine**

Nhiều bạn trẻ còn lẻ bóng chọn cách “bói tình yêu»” để đoán biết về nửa kia của mình trong tương lai. Có một mẹo họ truyền tai nhau rằng, hãy lấy cuống 1 trái táo, vừa xoắn cái cuống đó, vừa lần lượt gọi thầm tên các đối tượng “thầm thương trộm nhớ”. Khi cuống táo bị đứt, ý trung nhân tương lai sẽ chính là cái tên mà vừa được gọi đến.

Vào thời Trung cổ, các cô gái đến tuổi cập kê cũng thường nhìn chim trời để dự đoán về người chồng tương lai của mình, ví dụ chim sẻ sẽ ứng với 1 người chồng nghèo khó, chim cú ứng với việc tiếp tục độc thân, chim sơn ca - một người đàn ông hạnh phúc, chim két - một giáo sĩ, chim mỏ chéo - một người đàn ông hay gây lộn...

Một cách khác thường được các nam thanh nữ tú thời Trung cổ sử dụng là ghi ra tất tậ những cái tên mình từng biết và để vào một cái bát, sau đó chọn «giờ lành» để bốc thăm. Cái tên mà họ tìm được được tin rằng sẽ trùng với tên của ý trung nhân tương lai. Cuối cùng, họ sẽ gài mảnh giấy ghi tên này vào ống tay áo và... chờ linh ứng! Ngoài ra, người ta cũng tin vào quan niệm rằng vào đúng Lễ Tình nhân, cái tên đàn ông đầu tiên bạn đọc được trên báo hoặc nghe thấy trên đài phát thanh - truyền hình sẽ là tên của đấng phu quân của

bạn sau này. Nếu bạn được đánh thức bằng một nụ hôn vào đúng ngày Valentine đồng nghĩa với việc bạn sẽ có cả năm may mắn.

(Duy Văn)

Tài liệu tham khảo:

1. *BHM News*

2. *Tự điển Wikipedia (Anh Việt)*

3. *Việt Nam Super*

GIỚI THIỆU

Trân trọng giới thiệu quý Huynh Tỷ Đệ Muội:

1*-Đại Học Cao Đài Online (ĐHCĐO):

Hiện có 20 Bài Giáo Lý Cấp 1 “Bước Đầu Học Đạo”

2*- Ẩm Thực Chay:

Hiện có 18 món ăn chay (có hướng dẫn cách nấu nướng)

Xin quý HTĐM vui lòng vào trang Web

www.banthedaohaingoi.org

Mọi sự cộng tác, góp ý xin vui lòng liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại qua email **banthedao@googlegroups.com**

Thành thật cảm ơn quý HTĐM

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
Cửu thập lục niên
Tòa Thánh Tây Ninh

Số: 16 /VP/BTĐHN

THÔNG BÁO
V/v Thực Hiện Chương Trình “Cầu Hiền Giúp Đạo”
của Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Kính gửi :

- *- Quý Chức Sắc, Chức việc Bàn Trị Sự và chức việc Bàn Cai Quản các cơ sở Đạo tại Hải Ngoại,
- *- Quý đồng đạo, Quý nhân sĩ tại hải ngoại.

Kính thưa quý Vị,

Nhằm thực hiện chủ trương tạo lập Hệ Kế Thừa (THKT) Ban Thế Đạo, nay Ban Quản Nhiệm BTĐHN trân trọng kính thông báo cùng quý Chức sắc, Hiền Tài BTĐ, quý vị lãnh đạo các Cơ sở Hành chánh Đạo, Điện Thờ Phật Mẫu, các tổ chức Đạo cùng toàn thể Đồng Đạo tại hải ngoại được rõ.

I.-Về Mục đích - Ý nghĩa thành lập THKT:

Việc thành lập THKT Ban Thế Đạo (BTĐ) có Mục đích - Ý nghĩa như sau:

1.- Nhằm thực thi đường lối Hội Thánh trước đây khi thành lập Ban Thế Đạo.

Trong nội dung Thánh lệnh số 01/TL ngày 08/3 Ất Tỵ (ngày 09/4/1965) của Ngài Bảo Thế Qu. Chương Quân Hiệp Thiên Đài gửi các cơ quan Hành chánh và Phước Thiện có ghi rõ: *“Đây là phương sách mở rộng cửa Từ Bi tiếp rước nhân tài có thiện tâm giúp Hội Thánh điem tô đại nghiệp Đạo và cũng là phương tiện điều độ nguyên nhân nhập trường công quả”*.

Trong huấn từ nhân lễ tấn phong Hiền Tài BTĐ năm 1970, Đức Thượng Sanh đã chỉ rõ: *“Mở rộng cửa BTĐ, Hội Thánh HTĐ do theo nhĩ ý của Đức Hộ Pháp, ban phẩm Hiền Tài cho những bậc hữu học để khích lệ trí thức nhập vào trường công quả, hầu tiến đức Tu thân theo chí hướng của mình”*.

2.- Căn cứ vào tình hình cơ Đạo và hoàn cảnh đặc thù của Ban Thế Đạo ở quê nhà cũng như ở Hải ngoại hiện nay, thể hệ Hiền Tài được Hội Thánh tấn phong từ khóa 1 đến khóa 5 ở hải ngoại còn quá ít ỏi, phần lớn niên cao kỳ trường và một số đảm trách nhiệm vụ bên Hành

chánh Đạo. Do đó, việc tạo lập một THKT là nhu cầu cấp bách nhằm thu hút, huy động sự trợ lực của trí thức thuộc gia đình Đại Đạo và Ban Thế Đạo, là một trong những phương sách hữu hiệu để BTĐ hỗ trợ cho các cơ sở Hành chánh Đạo, các tổ chức Đạo Hải Ngoại thực hiện nhiệm vụ bảo thủ chơn truyền và phát triển đại nghiệp Đạo hiện nay và trong tương lai.

3.- Nhận định rằng, chương trình THKT này được sự khuyến khích của các vị chức sắc cao cấp trung kiên của Hội Thánh trong cũng như ngoài nước và đã mời gọi được hàng trăm con em nhà Đạo tham gia với tên gọi Hiền Tài Dự Phong. Tuy nhiên, rất tiếc danh xưng này không có trong tổ chức Ban Thế Đạo và thiếu sự ủng hộ của các cơ sở Đạo bạn, nên các HTDP này chỉ có một số ít tham gia làm việc trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại. Do vậy, Đại Hội BTĐHN kỳ 8 tại Houston Texas đã chính thức chuyển đổi danh xưng HTDP thành Hiền Tài chính thức sau 15 năm.

4.- Mặc dù, việc BTĐHN mời gọi nhân tài có học thức vào BTĐ có trình độ học vấn cao hơn theo đà tiến bộ văn minh như Hội Thánh quy định trước đây, nhưng BTĐHN vẫn sẽ tuân theo quyền quyết định **phẩm vị Hiền Tài này do Hội Thánh định đoạt một khi Hội Thánh tái lập quyền đúng theo chơn pháp.**

5.- Nhận định rằng, căn cứ vào tình hình của Đạo nếu không thay đổi hoặc giữ nguyên trạng lâu dài như hiện nay thì tương lai Đạo sẽ đi về đâu một khi không có thế hệ nối tiếp gánh vác việc Đạo. Giới trẻ, con em nhà Đạo không có con đường nào linh hoạt để phục vụ Đạo hay nép mình vào khuôn khổ Đạo Đức để thừa kế Đạo nghiệp sau này? Hay là các em có thể xa lìa cội Đạo và có thể đi hướng khác, uống kiếp sanh may duyên gặp Đạo như lời Đức Chí Tôn hằng nhắc nhở...

6.- Phải thú nhận rằng BTĐHN là tổ chức Đạo Cao Đài TTTN tại Hải Ngoại ra đời 25 năm nay, tuy chưa được hoàn hảo vì không tránh khỏi cơ khảo đảo trong nội bộ cũng như các tác động bên ngoài nhằm phá hủy một tổ chức chính danh của Đạo. Tuy nhiên, nhờ tâm thành, nhịn nhục và nhất là sự hộ trì của Ôn Trên, BTĐHN đã tồn tại đến ngày hôm nay và tiếp tục làm ngọn nến trong đêm tăm tối của cơ khảo Đạo.

Do các suy tư kể trên, Ban Quản Nhiệm BTĐHN tiếp tục con đường phục vụ Đạo, kính mời gọi nhân tài tham gia vào Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhằm giúp Đạo trợ Đồi với sự trợ giúp của lãnh đạo các cơ sở Đạo cùng đồng Đạo các nơi.

II.- Kế Hoạch Thực Hiện:

Căn cứ vào Quy Điều và Nội Luật của Hội Thánh và các Biên Bản họp viễn liên thứ 41 ngày 27-11-2020 và 42 ngày 11-12-2020 về Quy Định để vào hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại với phẩm Hiền Tài, Quốc Sĩ thể phong như sau:

1.- Phẩm Hiền Tài:

1.1-Điều kiện Văn hóa-Chuyên môn:

- Về học lực: tốt nghiệp Đại học Cộng đồng, bằng AA, AS hoặc tương đương trở lên (BA, BS, MA, MS và Ph.D)

- Những vị có học lực khá và có khả năng mở mang kinh tế làm nên sự nghiệp như Nghiệp Chủ, Điền Chủ, nhà Thầu Khoán có giúp ích cho Đạo có đủ bằng chứng (Quy Điều BTĐ Hội Thánh)

- Riêng HTDP muốn tiếp tục hoạt động trong BTĐHN, chỉ cần làm Phiếu Gia nhập BTĐHN (Phẩm Hiền Tài)

Ngoài các điều kiện trên, các trường hợp đặc biệt sẽ do BQN/BTĐHN quyết định.

1.2- Tiến cử:

Sự xác nhận hạnh kiểm và tiến cử của vị lãnh đạo Hành chánh Đạo địa phương rất quan trọng trong việc đánh giá tư cách của ứng viên chức sắc BTĐ. Do đó, việc tiến cử qui định như sau:

- Một vị Q. Đầu Tộc Đạo hay CTS Đầu Hương Đạo và một vị chức sắc BTĐ, hoặc:

- 2 vị Chức sắc BTĐ (HT hay QS), hoặc:

- Nếu không có đủ người tiến cử như trên thì hồ sơ sẽ gọi thẳng về BQN/BTĐHN, Nhiệm Thanh sát sẽ minh tra và toàn thể BQN/BTĐHN họp quyết định.

GHI CHÚ: Nơi nào chưa có Hành chánh Đạo, kính đề nghị kịp thời thông báo về Ban Quản Nhiệm BTĐHN để tìm cách giải quyết.

1.3-Hồ sơ gia nhập:

Muốn gia nhập hoạt động trong BTĐ, ứng viên phải là *tín đồ Cao Đài TTTN* và *từ 21 tuổi trở lên*. Hồ sơ gia nhập gồm có:

#1.- Phiếu Gia nhập (Mẫu 1) hoặc Phiếu Gia Nhập dành cho HTDP (Mẫu 2)(1)

#2.- Sớ Cầu Đạo

#3.- Lý lịch Tóm Lược (Mẫu 3)

#4.- Bàn sao (copy) văn bằng tốt nghiệp Đại học Cộng Đồng AA, AS trở lên hoặc Giấy chứng nhận công nghiệp dành cho những vị công kỹ nghệ gia hữu công giúp Đạo.

#5.- Hai Tờ tiến cử (Mẫu 4 và Mẫu 5 hoặc 2 Mẫu 5)

(1) HTDP chỉ làm Một Phiếu Gia Nhập mà thôi.

2.-Phẩm Quốc Sĩ:

Phẩm Quốc Sĩ (QS) là phẩm vị cao trọng, đối phẩm với hàng Thánh CTĐ. Năm 1975 về trước, Hội Thánh đã từng đề cử một số tướng lãnh vào phẩm QS, nhưng Đức Hộ Pháp chưa chuẩn thuận, Chỉ có một trường hợp đặc biệt, Cố Trung tướng Trình Minh Thế lãnh tụ Liên minh Quân Đội Cao Đài đã quốc gia hóa và tử nạn, được Đức Hộ Pháp dùng quyền Chí Tôn tại thế truy phong Quốc sĩ.

Đại Hội Cao Đài HN và Ban Thế Đạo HN kỳ 8 năm 2016 đã bầu một số HT đã hoạt động Đạo sự lâu năm và vài vị có học vị vào phẩm QS. Tuy nhiên, một số vị có học vị được trực tiếp vào phẩm QS này chưa đủ sức thuyết phục được đồng Đạo và sự mong muốn cầu hiền giúp Đạo của BTĐHN và do đó đã tạo ra sự phân hóa BTĐHN.

Nhận định rằng theo luật tiến hóa, việc Đạo phải theo đà văn minh của nhân loại không thể nằm yên tại chỗ và phải quyền biến như Tân Luật đã gợi ý trong lúc thiếu vắng sự lãnh đạo của Hội Thánh, ngõ hầu tìm phương phổ độ chúng sanh. Do nhận định trên và theo chính sách cầu hiền giúp Đạo của Hội Thánh, BTĐHN cũng vẫn **duy trì việc bầu chọn phẩm QS và nguyên tắc chọn QS** như sau:

#1.- Là Hiền Tài đã dày công giúp Đạo trợ Đồi, hoặc Hiền Tài trực tiếp tham gia BTĐHN phát triển cơ Đạo tại HN có kết quả sau thời gian hoạt động trong BTĐHN từ 5 năm trở lên.

#2.- Do BTĐHN đề nghị và Đại Hội BTĐHN quyết định công nhận

III.-Thế Thức Nộp Hồ Sơ-Liên Lạc:

1.- Nơi nộp đơn Hồ sơ gia nhập:

Đối với ứng viên xin gia nhập, khi có đủ Hồ sơ gia nhập (nơi Mục II, số 1.-Phẩm Hiền Tài, nơi khoản 1.3.-Hồ sơ gia nhập), xin gửi về hộp thư :

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
P.O Box 21577
San Jose CA 95151

Hoặc Email về Ban Thế Đạo Hải Ngoại:
banthedaogoogle@gmail.com

2.- **Đối với Hiền Tài Dự Phong** muốn gia nhập lại BTĐHN, chỉ cần gửi Email hoặc Thư Xác nhận (theo Mẫu đính kèm) và gửi về Địa chỉ Hộp thư hoặc Email Ban Thế Đạo Hải Ngoại như trên (mục III, khoản 1)

3.-**Liên Lạc-Hướng dẫn:** Mọi thắc mắc về chương trình này về Hồ sơ, Tiến cử... xin gửi thơ về địa chỉ và điện thư (Email) nói trên .

4

IV.-Ban Xét Duyệt-Công nhận:


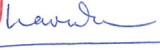
Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ thành lập Ban Chuyên Trách cứu xét sơ khởi Hồ sơ gia nhập và trình Ban Quản Nhiệm BTDHN họp quyết định Công nhận.

Kính thưa Quý Vị,

Trên đây là những nội dung chính của Chủ Trương và Kế hoạch thực hiện Thế Hệ Kế Thừa Ban Thế Đạo. *Vì Đại Nghiệp Bảo Thủ Chơn Truyền, vì Tiền Đổ của nền Đại Đạo và Sự Nghiệp Phổ Độ Chúng Sanh*, một lần nữa, Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại tha thiết kính mong Quý Vị hết lòng góp tay tiếp sức, yểm trợ Ban Quản Nhiệm/BTDHN thực hiện thành công nhiệm vụ *"Điêu độ Nhơn Sanh nhập Trường Công quả"*, trong đó có chính con em của chúng ta. Chủ Trương này, không những là *"Công nghiệp gây thành cho Sanh chúng"* mà còn chính là nhiệm vụ vô cùng cao cả của tất cả môn đệ Cao Đài TTTN.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng chan rưới Hồng ân cho con cái của Người luôn luôn được kang an, tinh tấn trên con đường Lập vị.

Trân trọng kính thông báo.

San Jose, ngày 25 tháng 1 năm 2021
TM. Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Tổng Quản Nhiệm


QS Nguyễn Ngọc Dù

MẪU 1

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Cửu thập niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

..***..

PHIẾU GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO

(Phẩm Hiền Tài)(1)

(Căn cứ vào Chủ Trương “**Câu Hiền giúp Đạo**” của Ban Thế Đạo Tòa Thánh Tây Ninh)

1- Tôi là Năm sinh Nơi sinh
.....
2-Quốc Tịch :.....
3-Địa chỉ :.....
Điện thoại E-Mail (nếu có).....
Số Fax (nếu có).....

Tôi đề nghị Ban Thế Đạo cứu xét chấp thuận cho tôi được gia nhập vào Ban Thế Đạo với phẩm vị Hiền Tài để có cơ hội lập công bồi đức trong cửa Đạo.

Tôi cam đoan tuân hành“Quy Điều & Nội Luật Ban Thế Đạo” áp dụng cho Hải Ngoại và cam kết tuân lệnh của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh khi Hội Thánh tái lập quyền (Theo đúng Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, các Đạo Nghị Định v.v.) quyết định phẩm vị (phẩm trật và chức vụ) của tôi về sau này.

Ngày tháng năm
(2)

(3)

Hồ sơ đính kèm:

- 1- Phiếu lý lịch tóm lược (Mẫu 3)
- 2- Bản sao Sổ cầu Đạo
- 3- Hai Tờ tiền cử (Mẫu 4 và Mẫu 5 hoặc 2 Mẫu 5)
- 4- Bản sao Văn Bằng hoặc Giấy tờ chứng minh công nghiệp.

(1):Xin gửi phiếu này và hồ sơ đính kèm về Ban Thế Đạo Hải Ngoại qua email:

banthedaodao@googlegroups.com hoặc qua mail:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại,
PO.Box 21577
San Jose CA 95151

(2) Ký tên.

(3): Ghi rõ Họ Tên và chữ lót.

Mẫu đính kèmThông báo số 16/VP/BTĐHN

MẪU 2

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

._***._

PHIẾU GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO
(Phẩm Hiền Tài dành cho HTDP) (1)



(Căn cứ vào Chủ Trương “ **Cầu Hiền giúp Đạo**” của Ban Thế Đạo Tòa Thánh Tây Ninh)

1-Họ và Tên : HTDP Năm sinh Nơi sinh
.....
2-Quốc Tịch :.....
3-Địa chỉ :
Điện thoại E-Mail (nếu có)
Số Fax (nếu có)

Tôi đề nghị Ban Thế Đạo chấp thuận cho tôi được gia nhập vào Ban Thế Đạo (phẩm vị Hiền Tài) để có cơ hội lập công bồi đức trong cửa Đạo.

Tôi cam đoan tuân hành “Quy Điều và Nội Luật Ban Thế Đạo” áp dụng cho Hải Ngoại và cam kết tuân lệnh của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh khi Hội Thánh tái lập quyền (Theo đúng Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, các Đạo Nghị Định v.v.) quyết định phẩm vị (phẩm trật và chức vụ) của tôi về sau này.

..... ngày tháng năm
(2)

(3)

(1): Xin gửi phiếu này về Ban Thế Đạo Hải Ngoại qua email: banthedao@googlegroups.com hoặc qua mail: Ban Thế Đạo Hải Ngoại, PO.Box 21577, San Jose, CA 95151

(2) Ký tên.

(3): Ghi rõ họ tên và chữ lót.

Mẫu đính kèm Thông báo số 16/VP/BTĐHN

MẪU 3

PHIẾU LÝ LỊCH TÓM LƯỢC (Phẩm Hiền Tài)

I- Lý lịch cá nhân:

1- Lý lịch

Họ và Tên

Sinh ngày ... tháng ... năm¹

Địa chỉ hiện tại

Phone Fax (nếu có)

Email

Nhập môn ngày tháng năm tại

Con của Ông (optional) Chức vị Đồi / Đạo

.....

và Bà (optional) Chức vị Đồi / Đạo

2- Học vị

Bảng cấp - tên trường .

3- Ngoại ngữ:

II- Hoạt động ngoài xã hội ²

III- Hoạt động trong Đạo ³ (nếu có)

1- Cơ sở Đạo - Chức vụ

2- Các sinh hoạt tôn giáo quốc tế đã tham dự (nếu có)

1- Nếu không nhớ thì chỉ ghi năm sanh.

2- Mục này optional. Nếu ghi thì ghi tóm lược chức vụ ngoài xã hội , cơ quan

3- Ghi theo thứ tự chức vụ trong cơ sở Đạo

Các Đại hội Tôn giáo Thế giới đã tham dự

IV- Các tác phẩm đã in - hoặc chưa in ⁴ (nếu có)

Các trang web đã thực hiện (nếu có)

V- Những điều cần ghi thêm:

Làm tại , ngày . . . tháng . . năm

5

6

4- Các tác phẩm đã in ấn phát hành theo thời gian.

Các tác phẩm chưa in.

5- Ký tên

6- Viết nguyên chữ Họ và Tên

Mẫu đính kèm Thông báo số 16/VP/BTĐHN

MẪU 4

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

._**_.

TỜ TIẾN CỬ
(Hiện Tài)

1-Họ và Tên người tiến cử :

2-Ngày và năm sinh :Nơi sinh

3-Địa chỉ :

E-Mail (nếu có) Số Fax (Nếu có)

4-Hiện là :

- *- Qu. Khâm Châu : Đang hành Đạo tại hoặc
- *- Qu. Đầu Tộc : Đang hành Đạo tại hoặc
- *- CTS : Đang hành Đạo tại

Nay tôi đứng ra tiến cử HH / HTỷ sinh ngày tháng năm
tại là người có đủ tư cách về Hạnh kiểm và Đạo đức gia nhập vào Ban
Thế Đạo (phẩm Hiện Tài).

Tờ Tiến cử này dùng cho đương sự bổ túc Hồ sơ xin gia nhập Ban Thế Đạo (phẩm Hiện Tài)

..... ngày tháng năm
(ký tên)

Ghi Chú:

*- Ký tên dưới chỗ ngày tháng năm.

Mẫu đính kèm Thông báo số 16/VP/BTĐHN

MẪU 5

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

-***-

TỜ TIẾN CỬ
(Hiển Tài)

1-Họ và Tên người tiến cử :

2-Ngày và năm sinh : Nơi sinh

3-Địa chỉ :

E-Mail (nếu có) Số Fax (Nếu có)

4-Hiện là :

*- Hiển Tài: Đang hành Đạo tại hoặc

*- Quốc sĩ : Đang hành Đạo tại

Nay tôi đứng ra tiến cử HH / HTY sinh ngày ... tháng ... năm ...
tại là người có đủ tư cách về Hạnh kiểm và Đạo đức gia nhập vào Ban
Thế Đạo (phẩm Hiển Tài).

Tờ Tiến cử nầy dùng cho đường sự bổ túc Hồ sơ xin gia nhập Ban Thế Đạo (phẩm Hiển Tài)

....., ngày tháng ... năm

(ký tên)

Ghi Chú:

*- Ký tên dưới chỗ ngày tháng năm.

Mẫu đính kèm Thông báo số 16/VP/BTĐHN

**PHƯƠNG PHÁP MỞ ĐẠO ĐẶC BIỆT KỶ DIỆU
CỦA ĐẢNG GIÁO CHỦ ĐẠO CAO ĐÀI:
“Xây Bàn - Phò Cơ - Chấp Bút”**

(Hiền Tài Lê Thành Hưng)

Từ ngàn xưa, các Đảng Giáo Chủ khai mở một môi Đạo thường giáng linh xuống thế gian làm người, sau nhiều khổ công tu luyện trở nên bực Thánh nhân huệ giác và khai Đạo cứu đời.

Khác với thông lệ trên, Đức Thượng Đế - Giáo Chủ Đạo Cao Đài - lại dùng phương pháp mới ‘huyền diệu Cơ Bút’ để mở Đạo. Đảng ấy vô hình vô ảnh nhưng ta cảm nhận Ngài hiện hữu, không nói nhưng ta nghe được và đặc biệt có sức thu hút đệ tử cảm nhận Ngài là Đảng hồng oai, hồng từ, vô cực, vô thượng... Phương pháp đó chính là dùng huyền diệu Tiên gia “Xây Bàn - Phò Cơ - Chấp Bút”

Giải nghĩa Phò Cơ, Phò Loan, Đồng Tử

Phò: là giúp đỡ.

Cơ: cây Ngọc Cơ dùng để thỉnh Tiên.

Loan: con chim loan.

Đồng tử: nghĩa đen là đứa trẻ nhỏ, nghĩa bóng là người làm trung gian giao tiếp giữa người phàm và các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi Thần Tiên.

Phò cơ là hai người ngồi hai bên cây ngọc cơ, trong một đàn cầu cơ thỉnh Tiên, mỗi người dùng hai tay cầm miệng giỏ cơ nâng lên, sẵn sàng để các Đấng thiêng liêng giáng điển

vào cơ, làm cho cơ chuyển động, cây cọ nơi đầu cần cơ thì nhẹ trên mặt bàn để viết ra chữ bóng, tạo thành một bài văn dạy Đạo.

Phò cơ thường được gọi là Phò loan, vì nơi đầu cần cơ có chạm hình đầu chim loan. Cho nên, hai vị Phò cơ cũng được gọi là hai vị Phò loan.

Khi xưa, việc cầu cơ thỉnh Tiên phải dùng hai đứa trẻ nhỏ làm đồng tử phò cơ, vì tư tưởng của trẻ nhỏ còn hồn nhiên trong sạch, nên có được thanh điển, mới dễ tiếp điển của các Đấng thiêng liêng. Do đó, hai vị Phò cơ được gọi là Đồng tử.

Ngày nay, người ta không dùng Đồng tử là những trẻ nhỏ phò cơ nữa, mà dùng người lớn tuổi, nhưng phải trường chay, tâm thanh tịnh, tinh thần tinh tấn, thì mới có thể tiếp điển của các Đấng thiêng liêng mà diễn ra trung thực. Trong Đạo Cao Đài, nhiệm vụ Phò cơ hay Phò loan dành riêng cho Thập nhị Thời Quân của Hiệp Thiên Đài.

Cách giáng điển vào Đồng tử:

Tư tưởng của các Đấng thiêng liêng ở cõi Hư linh phát ra, theo lần điển quang truyền đến các đồng tử, giống như tiếng nói của xướng ngôn viên đài phát thanh truyền đi theo lần sóng điện đến các máy thu thanh (Radio).

Tùy theo đặc khiếu của đồng tử phò loan mà các Đấng sẽ giáng vào tâm hay giáng vào tay của đồng tử. Nếu giáng vào tâm thì gọi là Giáng tâm, nếu giáng vào tay thì gọi là Giáng thủ.

Nếu giáng vào tâm của đồng tử, thì người phò loan chưa viết

ra nhưng thần trí dường như biết trước những điều sắp viết ra, tựa hồ như mình đặt đề ra vậy.

Nếu giáng thủ thì người phò loan như một cái máy, tay cứ chiều theo điện lực của các Đấng mà viết ra, chớ không hay biết điều gì hết. Mỗi đàn cầu cơ phải có đủ 2 vị phò loan: một Âm một Dương, Âm Dương hiệp nhứt mới thấu đáo Càn Khôn. Người phò loan bên hữu thuộc Âm, tiếp điện tư tưởng của các Đấng, rồi truyền qua người phò loan bên tả thuộc Dương mà viết ra.

Điều kiện để trở thành một người phò loan:

Thánh ngôn của Đức Chí Tôn có dạy như sau:

TNHT: “Trước khi thủ cơ hay chấp bút thì phải thay y phục cho sạch sẽ, trang hoàng, tắm gội cho tinh khiết, rồi mới đăng đến trước bửu điện mà hành sự, chớ nên thiếu sót mà thất lễ.

Nếu chấp cơ thì phải để ý thanh bạch, không đăng tư tưởng đến việc phàm. Tay chấp cơ phải xông hương khử trừ, tịnh tâm một lát, rồi phải để tinh thần tinh tấn mà xuất ngoại xác đến hầu dạy việc. Phải có một chơn linh tinh tấn màu nhiệm, huyền diệu, phải trường trai mới đăng linh hồn tinh tấn, phải tập tành chí Thánh, Tiên, Phật mới phò cơ dạy đạo cả chúng sanh.

Kẻ phò cơ chấp bút cũng như tướng soái của Thầy, để truyền đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường.

Còn việc truyền thần lấy điện quang thì ai ai cũng có điện trong mình, nó tiếp điện ngoài rồi thần của nó viết ra, có khi trúng có khi trật. Vậy khi nào chấp cơ thì phải đợi lệnh Thầy

rồi sẽ thi hành.”

“Cơ bút là việc tối quan trọng. Nếu không có chơn linh quý trọng thủ cơ thì Tà quái xen vào khuấy rối các con, làm cho phải thất nhơn tâm.”

“Thầy nói cho các con biết, bực Chơn Thánh mà phải đọa trần, nếu không đủ tánh chất diu dẫn nhơn sanh, cũng chưa đáng cầm bút cho Thầy truyền đạo.”

Người phò loan hay đồng tử, cũng như cái máy Radio, muốn thu được điện của các Đấng thiêng liêng thì phải đồng điện cùng các Đấng, tức là thuận điện.

Theo lời dạy của Đức Chí Tôn ở trên, người đồng tử hay phò loan phải có các điều kiện sau đây:

1 - Thể xác và chơn thần phải thanh khiết.

Muốn cho thể xác thanh khiết thì phải tắm rửa sạch sẽ, quần áo sạch sẽ, phải xông hương khử trừ hai tay trước khi phò loan.

Muốn cho chơn thần thanh khiết và tinh tấn thì phải ăn chay trường, giữ tư tưởng cho trong sạch, tinh thần cao thượng, không mơ tưởng hay suy nghĩ bậy bạ.

2 - Tâm thanh tịnh.

Muốn cho tâm được thanh tịnh thì phải: giữ tâm cho yên ổn, không không, dứt hết dục vọng, diệt hết tư tưởng thấp hèn. Nếu tâm còn dục vọng, thì dục vọng ấy vì chưa thỏa mãn nên nó vẫn chất chứa trong chơn thần, đến khi người đó phò cơ, mặc dầu ráng kèm giữ cái tâm cho thanh tịnh, nhưng cái dục vọng ấy chất chứa trong chơn thần, sẽ phát tiết ra, mạnh hơn điện lực của các Đấng, cũng tạo thành một bài cơ,

nhưng đó là Nhơn cơ chứ không phải Tiên cơ. Trong trường hợp này người phò loan bị tư tưởng mình ám thị mình, nên gọi là tự ký ám thị. Ngoài ra, những người hầu đàn cơ, nếu họ tập trung được tư tưởng mạnh thì tư tưởng này cũng sẽ chuyển dịch đến chơn thần của người phò cơ, ảnh hưởng lên tư tưởng của người phò cơ, làm phò cơ viết ra cũng là Nhơn cơ.

3 - Hai vị phò loan phải hạp điển với nhau, và thuận điển với các Đấng thiêng liêng.

Đây là khả năng đặc biệt Thiên phú của người phò loan, không phải ai cũng có được, và cũng không phải do luyện tập mà có được.

Nếu hai người phò cơ mà không hạp điển nhau thì đương nhiên không thể tiếp thu tư tưởng của nhau được.

Hai vị phò loan này còn phải thuận điển với điển quang của các Đấng thiêng liêng thì mới tiếp nhận được tư tưởng của các Đấng thiêng liêng.

Trường hợp đặc biệt: Phò loan tiên định.

Đó là những chơn linh rất cao trọng, lãnh lịnh Đức Chí Tôn giáng trần để phò cơ cho Đức Chí Tôn khai đạo. Đó là 15 Chức sắc cao cấp nhất của Hiệp Thiên Đài gồm: Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh và 12 vị Thời Quân. Ngày nay, 15 vị ấy đã làm xong phận sự nên đã quy Thiên tất cả.

Nhưng vấn đề cơ bút trong Đạo Cao Đài không thể thiếu được, bởi vì Giáo chủ của Đạo Cao Đài là Đức Chí Tôn vô hình, Giáo Tông là Đức Lý Thái Bạch vô hình, Đức Hộ

Pháp cũng vô hình, nếu không cơ bút thì làm sao các Đấng ấy điều đình nền Đạo. Theo Pháp Chánh Truyền thì cơ bút là phần nhiệm đặc biệt của Hiệp Thiên Đài (HTĐ), cho nên chúng ta nghĩ rằng trong tương lai, Đức Chí Tôn sẽ lập một số Chức sắc mới, tiếp nối nhiệm vụ làm phận sự cơ bút HTĐ để làm trung gian thông công giữa Cửu Trùng Đài (CTĐ) và Bát Quái Đài (BQĐ)

Tiên Cơ, Tà Cơ, Nhơn Cơ

Cơ bút rất huyền diệu, nhưng không phải lúc nào cũng do Tiên Phật giáng, mà đôi khi cũng có Quỷ Ma giáng, hoặc do nhơn điển của đồng tử tạo ra. Do đó, cần phải phân biệt ba trường hợp:

- Tiên cơ là cơ bút do Tiên Phật giáng dạy.
- Tà cơ là cơ bút do Quỷ Ma mạo danh Tiên Phật giáng dạy.
- Nhơn cơ là cơ bút do Nhơn điển của đồng tử tạo ra.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn dạy:

“Giờ này, Thầy biện phân về cơ quan đồng tử cho công việc hân tâng tự sự.

Cơ là gì? Cơ nghĩa là cái máy.

Quan là gì? Quan là một trong các bộ phận của cái máy ‘Thiên cơ’, là mỗi phần cốt yếu của luật tuần hoàn xây chuyển đó.

Vậy hai chữ Cơ Quan ứng hiện chia ra làm ba cách:

- Thứ nhất: Tiên cơ dùng huyền vi chơn lý.
- Thứ hai: Tà cơ dùng mê tín dị đoan.
- Thứ ba: Nhơn cơ dùng hữu hình thể cách.

Thầy sẽ luận giải rõ ràng, kéo các con còn nghi ngại.

Tiên cơ: dùng luật huyền vi chơn lý, là lấy sự chánh đáng để diu dắt các con bước lần theo đường sáng suốt tấn hóa mãi lên.

Tà cơ: dùng mê tín dị đoan, là lấy sự chằng đặng chơn thật, kiểm thế cho các con quá mê theo những sự dị đoan mà phải sai lầm.

Nhơn cơ: dùng hữu hình thể cách, là sự cho có hình dạng. Đây là do các con làm ra.

Các con khá nhớ, trong ba cách đều phải thọ điển cả, chớ chẳng phải không đâu. Các con nghe Thầy giải lý:

Tiên cơ: Luật tiếp điển như vậy: Hễ đồng tử định chơn thân rồi thì tâm tịnh, mà hễ tâm tịnh thì minh khiêu sẽ phát lộ ra, kế tiếp chơn thân xuất hiện lên trên, rồi nối với Tiên Thiên điển, mới rọi ra thành Thánh giáo. Nên khi lập đàn, các con cần nhứt trước hết phải cho thanh tịnh, đừng khuê động. Nếu động thì tâm của đồng tử động, cái minh khiêu liên tiếp với Tiên Thiên điển bỗng rời ra thành thử phải dứt điển đó.

Tà cơ: là vậy: Cũng phải tiếp điển nữa, nhưng vì điển Hậu Thiên quá nhiều, có một tí điển Tiên Thiên thôi. Tiên Thiên điển là Dương điển, còn Hậu Thiên điển là Âm điển. Tà thuộc Âm, nên hễ Âm điển nhiều thành ra Tà cơ đó.

Nhơn cơ: cũng có điển, lúc mới tạo nên vật kiện là vậy: Khi các con muốn làm ra một món chi, thì ý muốn ấy tự trong tâm các con phát hiện ra, óc của các con nó khiến các con cử động tứ chi mà tạo thành vật ấy. Đó cũng gọi là điển, song thật là Nhơn điển, phạm điển.

Vậy Thầy đã minh giải tận tường, các con lấy đó mà suy

nghiệm, chớ đừng để lòng nghi ngại như từ bấy lâu nay.”

Phán đoán Chơn Giả của cơ bút:

Như phần trên, Thánh giáo của Đức Chí Tôn có dạy về ba cách ứng hiện của cơ bút. Nay muốn phán đoán để phân biệt sự giả hay thiệt của cơ bút, chúng ta lấy bài Thánh giáo sau đây của Đức Chí Tôn dạy làm tiêu chuẩn cho chơn lý.

“Đồng tử có nhiều hạng, song trong nhiều hạng đó, nên phân biệt trước hết là cái Giả và cái Thiệt.

Lấy về phương diện vô hình, thì các con không thể rõ đâu là Ma hay là Phật, nhưng theo phương diện hữu hình thì các con có thể rõ đặng, vì nhờ cái lý tự nhiên ở trong sự giao thiệp Thần Tiên này.

Đạo phải hồi rời rã là vì người học Đạo chưa biết dụng đồng tử, cứ tưởng huyền diệu là Tiên Phật, còn không huyền diệu là Ma Quỷ. Điều đó rất mê tín, các con nên tránh xa.

Cái huyền diệu nơi cõi vô hình là: “Trả lời theo số, đáp đúng lời nguyện thầm”. Việc ấy, chẳng những Tiên Phật có mà thôi, Quỷ Ma còn huyền diệu hơn nữa. Nhiều huyền diệu để mà chi? Để mà hoặc chúng mê hơn, lợi dụng. Phần nhiều các con lại tưởng lầm rằng: Cơ huyền diệu là Tiên là Phật, nên chi các đứa ấy hễ nghe cơ bút nào huyền diệu như đã nói trên thì nó cứ tin mà làm lũi thực hành, đó là điều mê tín. Thầy bảo các con chẳng nên bắt chước. Các con hãy tìm cái chơn lý ở trong mỗi sự hành động của Thần linh thì các con mới biết chắc Thiệt hay Giả.

Trong sự tập cơ, luyện bút, thì Tiên Phật không hơn Ma Quỷ cái huyền diệu mà chỉ hơn chúng nó cái chơn lý tự nhiên mà thôi. Bởi vậy cho nên Thầy thường nhắc các con nhớ rằng:

Sau khi học hỏi nơi đàn Tiên, các con cần trình diện với Lương tâm và Trí phán xét cho kỹ.

Chẳng phải nghe nói lời Tiên Phật mà sợ, không phán xét, vì càng có danh hiệu cao chừng nào thì cái Giả danh càng cao chừng nấy. Mọi việc đều có Chánh, có Tà. Các con là Thầy mà Thầy là các con, nhưng chỉ khác với chúng con là ngôi chánh trị của Thầy ở nơi cõi Hư Vô mà thôi.

Mất phàm, nếu các con có thấy huyền diệu là thấy Giả mà thôi, cũng như vật án trước mắt, vật ấy dời đổi tùy cơ thể, tùy theo ngày giờ, nên tu phải gỡ vật ấy rồi mới được đắc huệ tâm, huệ nhãn. Cái đó mới là thiết.”

Phân biệt Tà Chánh trong cơ bút.

“Một chơn linh giáng xưng Đại Tiên. Chúng ta nên tin chăng? Tai phàm mắt tục dễ gì phân biệt giả chơn, nhưng biết chắc chánh danh không mấy cần yếu, là vì chúng ta chỉ căn cứ ở bài giáng cơ mà định giá trị chơn linh ấy. Nếu chơn linh chỉ dạy những việc tầm thường hoặc trái chơn lý, tất nhiên chúng ta đâu tin là bực Đại Tiên.

Trái lại, nếu giáng cho Đạo lý cao siêu, có tính cách Tiên gia, tuy không bằng chứng cụ thể, song chúng ta có thể thừa nhận chơn linh ấy không phải giả danh.

Giả danh chăng là các chơn linh hạ đẳng (Tà Thần Tinh Quái) giáng cơ, mượn danh hiệu lớn lao đặng dễ gạt kẻ hầu đàn nhẹ tánh. Sự này thường xảy ra, đến đổi cơ bút dạy những việc hoang đường nhắm nhí mà vẫn có người tin, mặc dầu Đức Chí Tôn có để lời ngừa trước:

“Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ

Độ, Qui vương đã phá khuấy chơn đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi. Nó lại biết Ta đến với cơ mầu nhiệm này, nên mượn Tam thập lục Động giả làm Tam thập lục Thiên. Các tên Thần, Thánh, Tiên, Phật đều bị mạo nhận mà lập nên Tả đạo.”

Những nguyên tắc sau đây, ai thành thật do theo thì có thể khỏi sai lầm, hay ít ra cũng đỡ:

1. Cần phải đủ trí thông minh phán đoán và không nên có thành kiến mới có thể nhận rõ chơn giá trị của bài giảng cơ.
2. Thần Tiên bao giờ cũng dạy những việc chánh lý, đạo đức, từ bi, tuyệt nhiên không dạy việc mơ hồ, huyền hoặc.
3. Thần Tiên chẳng khi nào khoe khoang và miệt thị ai. Lời giảng dạy bao giờ cũng thấm đằm bác ái và khí vị thanh cao. Trái lại, bài cơ bút nào có vẻ sân si, khoát nạt, có giọng bông lơn cao ngạo, bài ấy dầu phủ một lớp văn chương tuyệt diệu đi nữa, quyết không phải của Thần Tiên.
4. Chẳng nên chú trọng ở văn chương mà nên chú trọng ở lý và ý. Về văn chương, một bài của Thần Tiên giảng cơ có khi khuyết điểm là tại chỗ sơ sót của chơn thần đồng tử, vì Thần Tiên chỉ truyền tư tưởng cho chơn thần đồng tử diễn ra văn chương, chớ không dùng ngôn ngữ như người phàm.
5. Thần Tiên không thích khen ai, tặng ai. Nếu cần khuyên lệ người có công hành đạo, Thần Tiên vẫn dè dặt từng chút, thế nào cho người được khuyên lệ khỏi áy náy nếu có tính khiêm cung, hoặc không tăng vẻ tự đắc nếu có tính kiêu căng.
6. Thần Tiên dạy bảo chúng ta điều chi không bao giờ tỏ vẻ hăm he sai khiến, chỉ để chúng ta tự do suy liệu, nghe không tùy ý. Nếu thấy chúng ta chẳng biết phục thiện và chẳng

nghe lời khuyên bảo thì Thần Tiên không giáng nữa. Chừng đó, tha hồ cho Tà Quái xen vào, mạo danh giả vị, dối gạt đủ điều.

7. Thần Tiên chỉ diu dẫn chúng ta trên đường đạo đức chớ không giúp về tư danh tư lợi.

8. Khi Thần Tiên cho biết trước việc chi, thì việc ấy sớm muộn gì cũng phải xảy ra, vì Thần Tiên không bao giờ hý ngôn.

9. Thần Tiên không phải giáng để thỏa mãn tánh háo kỳ của người phạm tục, hoặc yêu cầu ai tin. Cầu hỏi những điều vô vị, hoặc muốn Thần Tiên làm việc chi linh nghiệm cho mình thấy chắc mới chịu tin, đó là không biết mảy may gì về diệu tánh bút cơ

Sự lợi hại của cơ bút

Cơ bút rất quan trọng, vì cơ bút là khí cụ chủ yếu để các Đấng thiêng liêng dạy Đạo, xây dựng đức tin cho nhơn sanh, mà nó cũng có thể bị Quỷ Ma lợi dụng để phá Đạo, làm cho nhơn sanh mất tín ngưỡng.

Cho nên, Cơ bút lợi thì cũng rất lợi, mà hại thì cũng hại không lường được, tùy theo cách thức phán đoán Chánh Tà của người học Đạo.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn dạy về sự lợi hại của Cơ bút như sau:

“Các con đừng thàm tính rằng nên cầu Thầy cùng chư Phật, Thánh, Tiên mà nghe Thánh giáo dạy bảo cho rõ Thiên cơ. Ấy là ở trong đó có một cái lẽ đại hại ẩn vi, nó diu dắt các con đi sai đường lạc ngõ. Có phải vậy không các con?”

Vì cơ bút là cơ quan rất tối cao tối trọng, vả lại cơ bút là cơ

vận chuyển theo thời thế mà tấn hóa, diu dắt các con chung hòa như một sợi dây để buộc đàng liên ái, đúng với luật thiên nhiên đó thôi.

Nền Đạo sáng khai, Thầy tạm dùng cơ bút làm khuôn mẫu. Các con phải lãnh ảnh hưởng bên Hiệp Thiên Đài mà hành đạo.

Những sự lợi hại của Cơ bút có hai đàng là:

1. Chánh đại quang minh giáo đạo, ấy là: Thầy là các con, Tiên cơ đó.
2. Là chỗ mê muội hữu vi hữu tướng, để cho ác quỷ hung thần truyền thính giáo đạo cho những đứa không đủ đạo đức, tức là Tà cơ và Nhon cơ vậy.”

“(Các bài Thánh giáo của Đức Chí Tôn trích ở trên rút ra từ quyển sách Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu và ông Phan Trường Mạnh)”

Tài liệu tham khảo:

1. *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (trọn bộ, 1964-1966)*
2. *Cao Đài Tự Điển (Đức Nguyễn)*

* * *

Bài Đọc Thêm: Gieo Giống

Việc Xây Bàn, Phò Cơ, Chấp Bút thông công với cõi vô hình, mà Đạo Cao Đài đang xử dụng.

- Do Chức sắc Tiên Bồi của Đạo Cao Đài bày ra?

- Hay do Thiêng Liêng hướng dẫn từ xa xưa?

Tìm hiểu vấn đề này qua sách báo xưa cũ, chúng ta bắt gặp

những sự việc đáng ghi nhận sau đây:

1*- Ở Trung Hoa: Từ đời Ngũ Đế, các bậc chơn tu đã biết phò cơ, chấp bút thông công với cõi vô hình.

2*- Ở Việt Nam: Từ năm 1284 vua Trần Nhân Tôn đã nhờ các bậc chơn tu phò cơ, chấp bút thỉnh giáo cõi vô hình về việc trị nước, nên nước mới được thịnh trị.

Năm 1542 Ông Phùng Khắc Khoa (tức Trạng Bùng) nhờ phò cơ, chấp bút thông công với cõi vô hình, nên đã trở thành nhà tiên tri nổi danh.

3*- Ở Hoa Kỳ: Năm 1848 tại tiểu bang New York, nơi nhà của Weckman đêm đêm xảy ra hiện tượng có tiếng gõ cửa, nhưng ra xem thì chẳng thấy ai.

o Gõ 10 tiếng xem

o Có đủ 10 tiếng gõ cửa đáp lại.

o Nếu linh hiển, hãy gõ đúng tuổi của bé Mess Kate!

Một hôm cô bé Mess Kate vỗ tay chơi bồng nghe tiếng gõ cửa đáp lại, động tính hiếu kỳ, cô vỗ tay ba tiếng, thì có đúng ba tiếng gõ cửa đáp lại.

Mẹ cô Mess Kate bảo:

Bà kinh ngạc bảo tiếp:

Có tiếng gõ cửa đúng với số tuổi của bé Mess Kate đáp lại. Hiện tượng này được loan truyền ra giới tu sĩ, giới trí thức, giới bình dân tấp nập đến thử để tìm hiểu. Kết quả: họ ngạc nhiên lẫn kinh sợ chớ không giải thích được hiện tượng này.

Hội đồng thành phố Rochester thành lập hội đồng điều tra hiện tượng kỳ bí này, sau mấy năm điều tra, nghiên cứu, ba lần họp, có đến hàng trăm diễn giả thuyết trình, tranh luận sôi nổi, nhưng cũng không đưa đến một kết luận nào. Kinh

sợ trước những hiện tượng huyền bí mà họ đã chứng kiến, sự hồ đồ cho rằng gia đình bé Mess Kate là phù thủy, là hiện thân của ma quái, kết quả: cha mẹ của bé Mess Kate bị đập chết bằng gậy, chị em bé Mess Kate bị xé xác chết thê thảm. Sau khi gia đình bé Mess Kate bị thảm sát, hiện tượng gõ cửa lại xảy ra nhiều nơi ở Hoa Kỳ.

Ông Lears Post đề nghị với cỡi vô hình căn cứ vào thứ tự của các chữ vần trong bảng mẫu tự mà gõ (gõ 1 tiếng là chữ A, gõ 2 tiếng là chữ B...) rồi ông ráp lại thành chữ thành câu. Thế là ông đã tìm được phương pháp thông công với cỡi vô hình.

Nhờ những phương pháp này, phong trào tìm hiểu cỡi vô hình lan rộng khắp Hoa Kỳ.

Luật sư J. Edmonds, giáo sư E. Mapes (Hàn Lâm Viện Hoa Kỳ), giáo sư Robert Hare (Đại học Pennsylvania) sau nhiều năm nghiên cứu việc thông công với cỡi vô hình, đã nhiều lần thuyết trình và viết nhiều sách trình bày kết quả cuộc nghiên cứu, xác nhận có cỡi vô hình, và loài người thông công được với cỡi vô hình.

4. Ở Pháp: Năm 1853, tại Jersey Văn Hào Victor Hugo và bạn hữu tổ chức “Xây Bàn” chơi để đỡ buồn.

o Các vị giáo chủ Socrate, Luther, Mohamet, Jesus Christ, Moise

o Các danh nhân: Andre Chenier, Shakespeare, Moliere, Chateaubriand, Dante, Racine, Lion d’ Androcles.

o Các vong linh ả danh: Sứ giả Thượng giới, người trong cỡi mộng, Bóng hư linh, Bóng

dưới mồ, Thần chết.v.v...

Đêm 11 tháng 9 năm 1853 việc xây bàn được tổ chức, có mặt: Ông Bà văn hào Victor Hugo, cậu Chaler Hugo, cậu Francois Hugo, cô Madelene Hugo, Đại tá Le Flo, Bà De Girardin, Ông De Treveneue, Ông Auguste Vacquerie đêm ấy vong linh Bà Charle Vacquerie (Con gái của văn hào Victor Hugo) giáng bàn thăm hỏi cha mẹ, và tiết lộ nhiều điều huyền bí ở cõi vô hình.

Đêm 13-9-1853, tiếp tục việc xây bàn có vong linh xưng là “Bóng Hư Linh” giáng bàn bảo văn hào Victor Hugo hãy đặt trọn đức tin vào Thượng Đế.

Tiếp tục việc xây bàn nhóm của văn hào Victor Hugo đã thông công được với:

Đêm 11 - 10 - 1853, nhận thấy những điều tiết lộ, những điều khuyên bảo, những giáo lý, những triết lý nhận được từ cõi vô hình nhờ việc xây bàn rất ích lợi cho loài người, nên văn hào Victor Hugo hỏi vong linh đang giáng bàn:

o Những lời vàng tiếng ngọc mà chúng tôi hân hạnh đón nhận từ bấy lâu nay, thật đáng xem là một bản chọn truyền vô giá, chúng tôi có nên in thành sách để phổ biến cho mọi người cùng học hay chăng?

Không! Vì chưa đến ngày giờ!

o Đến bao giờ? Chúng tôi có còn sống đến ngày đó không?

o Nếu không thấy nơi này, thì sẽ được thấy ở nơi khác. Chừng đến ngày giờ sẽ có lệnh. Hiện tại có thể phổ biến hạn chế cho những người có đức tin. Vong linh đáp

Văn hào Victor Hugo hỏi tiếp: Vong linh đáp: Nhóm của văn hào Victor Hugo càng ngày càng đông, âm thầm tiếp tục thông công với cõi vô hình. Những thánh giáo nhận được trong những cuộc xây bàn này, về sau được Ông Gustave Simon in thành sách với tựa: “LES TABLES TOURNANTES DE JERSEY CHEZ VICTOR HUGO” Quyển “Thánh Ngôn” này được tái bản mấy mươi lần, làm chấn động dư luận nước Pháp và thế giới.

Giáo sư Charle Richets (Đại học Sorbonne Ba Lê) sau nhiều năm nghiên cứu việc xây bàn, phò cơ, chấp bút đã xuất bản quyển: “TRAITE DE METAPHYSIQUE” trình bày những kết quả cuộc nghiên cứu của ông, khẳng định: Có cõi vô hình, và loài người thông công được với cõi vô hình.

Năm 1914 Thánh nữ Jeanne d’ Arc giảng bút tại Algerie dạy rằng gần đến ngày thế gian có đại biến (tức trận đại chiến 1914 – 1918) sẽ có Ba ngôi của Đức Chúa Trời truyền thần cho con người mà cứu thế (chỉ thần điển, cơ bút) “Thánh Giáo” này được đăng liên tục trong các số báo tháng 3, tháng 5, tháng 7 năm 1914 của hai tạp chí La Vie Nouvelle và La Revue Sprite ở Ba Lê. 5 .

Ở Anh Quốc: Nhà bác Học William Crookes sau gần 20 năm nghiên cứu của Ông đã viết sách trình bày kết quả cuộc nghiên cứu của Ông, Ông đã trình trọng kết luận bài thuyết trình trước Đại Hội Thần Linh Học Thế Giới tại Luân Đôn bằng câu: “Tôi không nói là những điều tôi đã nghe, những việc tôi đã thấy, có lẽ có được, mà tôi dám nói chắc rằng có hiển linh như vậy”.Lời khẳng định này làm chấn động giới tu sĩ và giới trí thức khắp thế giới.

Qua những sự việc vừa trình bày đã cho thấy: Việc xây

bàn, phò cơ, chấp bút, thông công với cõi vô hình mà Đạo Cao Đài đang sử dụng không phải do quý vị Chức Sắc tiền bối của Đạo Cao Đài bày ra mà do các Đấng Thiêng Liêng hướng dẫn loài người từ xa xưa.

Lê Ngọc Minh

(Sưu khảo TT số 93 trang 47)

THÁNH GIÁO

“Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế giới nên gọi là Pháp. Pháp có mới sanh ra Càn Khôn vạn vật, rồi mới có người nên gọi là Tạng. Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tạng lập thành các Đạo, mà phục hồi các con hiệp cùng Thầy” (ĐCT, TNHT 1-2, Tr 43)

* * *

“Than ôi! Đường Thánh ít kẻ tìm, mà nẻo tà nhiều người đến, trò đời lãng xãng, cõi thế biết bao người chìm đắm vào biển khổ, mang nặng xác phàm, miếng đỉnh chung, mỗi danh lợi, giành giựt phân chia mà chẳng kể đạo lý luân thường”. (ĐCT, TNHT 1-2, Tr 132)



Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

I- Ban Thế Đạo Hải Ngoại

PO Box 21577, San Jose, CA 95151

QS Nguyễn Ngọc Dũ

ĐT: (408) 238-6547 (Xin nhấn máy)

Email: banthedao@googlegroups.com

II- Ban Đại Diện BTĐHN @ Bắc CA - Hoa Kỳ

*- **Trưởng Ban:** HT Nguyễn Đăng Kích

ĐT: (408)823-6044 Email: tnndk4@gmail.com

III- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Ohio - Hoa Kỳ

*- HT Nguyễn Ân Hồng **ĐT:** (937) 416-6519

Email: zthienan@yahoo.com

IV- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Tennessee - Hoa Kỳ

*- HT Huỳnh Văn Bớt **ĐT:** (270) 725-7373

Email: bothuynhusa@yahoo.com

V- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Alabama - Hoa Kỳ

*- HT Lê Thành Hưng **ĐT:** (256) 617-2595

Email: lethanhhung1942@yahoo.com

VI- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Georgia - Hoa Kỳ

*- HT Võ Ngọc Độ **ĐT:** (770)377-9264

Email: usv_markdovo@yahoo.com

VII- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Úc Châu

*- HT Nguyễn Bán: **ĐT:** **ĐT:** +61 4 0679 7993

Email: banthuy@icloud.com

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Danh sách yểm trợ Ban Thể Đạo Hải Ngoại
từ ngày 21-11-2020 đến ngày 31-12-2020

STT Đồng đạo - Cơ Sở - Thân hữu US\$

I- Yểm Trợ TSTĐ

01	CTS Nguyễn Văn Bé, San Jose CA	40.00
02	CTS Phan Thị Sáu, Houston TX	50.00
03	Đặng Hữu Khuyên, San Jose CA	30.00
04	Đào Thị Ánh, San Jose CA	50.00
05	Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow CA	100.00
06	Nguyễn Long, San Jose CA	20.00
07	Th/Tướng Văn Thành Cao, Sugarland TX	200.00
08	Tường Nguyễn DDS & Huệ Tô DDS San Jose CA	200.00

Cộng (1): 690.00

II- Yểm trợ TSTĐ + In Kinh Sách

01	Nguyễn Vạn Năng, San Jose CA	30.00
----	--	-------

Cộng (2): 30.00

Tổng thu tiền yểm trợ Ban Thể Đạo Hải Ngoại (1+2) từ ngày 21-11-2020 đến ngày 31-12-2020 là Bảy trăm hai mươi đôla (US\$ 720.00)

Ban Thể Đạo Hải Ngoại

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Danh sách yểm trợ Ban Thể Đạo Hải Ngoại
từ ngày 1-1-2021 đến ngày 24-3-2021

STT Đồng đạo - Cơ Sở - Thân hữu US\$

I- Yểm Trợ TSTD

01	CTS Mai Văn Liêm, Arlington TX	20.00
02	DLT Collision & Service Center San Jose CA	100.00
03	Hồ Văn Thôi, San Lorenzo CA	30.00
04	HT Trần Văn Lào, Huntington Beach CA . . .	30.00
05	HT Lê Ngọc Thọ, Montreal Canada	50.00
06	HT Võ Ngọc Độ, Doraville GA	50.00
07	Huỳnh Thiện Ngôn, Seattle WA.	50.00
08	Khiết Trần DDS, Sandy Dental P.C San Jose CA	200.00
09	Lê Quan Hên, Houston TX	100.00
10	Lê Văn Bé, Arlington TX.	30.00
11	Lisa Nguyễn, San Jose CA.	30.00
12	Đặng Kim Sơn, San Jose CA	100.00
13	Đặng Thị The, Harvey LA	100.00
14	Đặng Văn Lo, San Jose CA	15.00
15	Mai Thị Cearley, Mc Kinney TX.	100.00
16	Ngô Văn Huệ, Sunnyvale CA	50.00
17	Nguyễn Ngọc Dao, San Jose CA	100.00
18	Nguyễn Như Hương, San Diego CA	50.00
19	Nguyễn Đức Anh Thư, Biloxi MS	20.00

20	Nguyễn Phước Chạc, Sacramento CA	30.00
21	Nguyễn Thị Nữ, Norcross GA	20.00
22	Nguyễn Thị Thương (Lễ Sanh), San Jose CA	40.00
23	Nguyễn Xuân Thu, San Jose CA	20.00
24	T/Sự Lê Thị Sang (Huệ), Saint Louis MO	100.00
25	Trần Kim Anh, Chamblee GA	50.00
26	Trần Thị Duyên, Lê Thị Huyền, Nguyễn Thị Thu Trang, Canada (150 đôla Canada)	114.53

Cộng (1): 1599.53

II- Yểm trợ In Kinh Sách

01	Hồ Văn Thôi, San Lorenzo CA	20.00
02	Hoàng Văn Viên, Honolulu HI.	100.00
03	Võ Văn Thạnh, La Mesa CA	50.00

Cộng (2): 170.00

III- Niên Liễm

01	HT Lê Ngọc Thọ, Montreal Canada	60.00
02	HT Thanh Mai, San Jose CA	60.00
03	QS. Nguyễn Ngọc Dũ, San Jose	60.00

Cộng (3): 180.00

Tổng thu tiền yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại (1+2+3) từ ngày 1-1-2021 đến ngày 24-3-2021 là ***Một ngàn chín trăm bốn mươi chín đôla năm mươi ba xu (US\$ 1,949.53).***

San Jose, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

TÓM LƯỢC

Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu (Tham chiếu Thông báo số 02/HĐQT ngày 25-12-2002 và các Tu chính kế tiếp)

A-Mục đích việc thành lập:

*-**Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu** là một tổ chức xã hội bất vụ lợi (Non-Profit Organisation) được thành lập nhằm mục đích thể hiện tình tương thân tương ái giữa những người Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội, tạo điều kiện cho các thành viên trong Hội đóng góp nghĩa vụ vật chất lẫn tinh thần để giúp đỡ về “Hậu sự” khi có thành viên trong Hội qua đời (Chương I- Mục đích Hội)

B- Nét đặc trưng của Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu:

- *- Không phân biệt sức khỏe đối với người xin gia nhập.
- *- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (công quả) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.
- *-Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.
- *-Đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập Hội:

*- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 đến 80 tuổi hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của cha mẹ hoặc của người giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.

*- Đóng một lần 40 đôla vào Quỹ Dự Trữ Phúng điếu.

*- Đóng Niên liễm 20 đôla một năm, nếu gia nhập từ đầu tháng 7 trở về sau chỉ đóng 10 đôla.

*- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung.

Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là (20) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức) và (10) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

*- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liễm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên.

D- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị).

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu trong điều kiện cho phép

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị).

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng
điều trong điều kiện cho phép.

E- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về:

Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu
PO.Box 3114, San Jose, CA 95156

G- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên lạc:

1*- Nguyễn Sam - Phone : (408) 759-9339

E-mail: duyvan2011@gmail.com

2*- Nguyễn Thành Hưng - Phone: 1(408) 621-4468

E-mail: henrynguyen07@hotmail.com

3*- Nguyễn Đăng Khích: Phone: 408-823-6044

E-mail: tnndk4@gmail.com

HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI VÀ THÂN HỮU



TIN BUỒN

Từ ngày 10-11-2020 đến ngày 20-3-2021 Ban Thế Đạo Hải Ngoại có nhận được nhiều Tin Buồn và những phân ưu của các Cơ sở Đạo.

Chúng tôi đã đăng các Phân Ưu trên Bản Tin Thế Đạo từ số 162 ngày 1-12-2020 đến số 169 trên trang web www.banthedao.org và trên Mục Phân ưu của trang Web www.banthedao.net

Để xem đầy đủ các Phân Ưu trên xin quý HTĐM vào 2 links sau: <http://banthedao.net/phanuu/phanuu.html>
https://www.banthedao.org/CategoryInfo_TSBT.aspx

Trân trọng kính thông báo
Tập San Thế Đạo

1*- **Hiền Huynh**

Phó Trị Sự LÊ THIỆN THÀNH

Đang tòng sự tại Hương Đạo Florida USA

Sinh năm 1942 tại Xã Tân Long, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp

*- Là Thân Phụ của cháu LÊ KIM XUYẾN cựu Đồng Nhi Trưởng Hương Đạo Atlanta, Thánh Thất Cao Đài GA

*- Là Nhạc gia của cháu VÕ THÀNH TÂM Cựu Hội Trưởng Đại Đạo Thanh Niên Hội Hương Đạo Atlanta, Tiểu Bang Georgia 2 nhiệm kỳ 2007-2011.

Đã quy vị lúc 12 giờ 30 phút trưa ngày 13 – 11 - 2020 (nhằm ngày 28 tháng 9 năm Canh Tý) tại Tư gia: 441 Sparkman Rd. Plant City, Tiểu Bang Florida - USA

Hưởng trung thọ 79 tuổi

2*- Tiến Sĩ Lê Văn Huệ

Bào Huynh của Hiền Huynh CTS Lê Tấn Tài Qu. Đầu Tộc Thánh Thất Cao Đài Houston TX (đường Synott)- Hoa Kỳ
Đã quy vị vào ngày 21-11-2020 (nhằm ngày 7 tháng 10 Âm Lịch Năm Canh Tý) tại Thành Phố Birmingham, Tiểu Bang Alabama - Hoa Kỳ.

Hưởng Thọ 85 tuổi

* * *

3*- Hiền Huynh Từ Hiếu Côn

Bào huynh của quý Hiền Huynh Từ Bửu Long,
Từ Hiếu Bình và Hiền Muội Từ Bích Vân
Đã quy vị lúc 1.30 AM ngày 15-12-2020 tại Thành Phố San Jose, Tiểu Bang California - Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 70 tuổi

* * *

4*- Hiền Tài BÙI NGỌC YẾN

Khóa 4 (năm 1972)
Nguyên Cựu Giáo Chức Tỉnh Tây Ninh
Đã quy vị tại Tây Ninh ngày Mùng 4 tháng 11 Canh Tý
(DL:17-12-2020)

Hưởng thọ 83 tuổi

* * *

5*- Hiền Tài Hồ Kim Quang

Khóa 5 (1973)
Đã quy vị vào ngày Mùng 05 tháng 11 Canh Tý
(DL ngày 18 tháng 12-2020) tại Vương Quốc Bỉ (Âu Châu)

Hưởng Thượng Thọ: 91 tuổi.

6*- Hiền Huynh
HT Phạm Văn Khảm

*- Cựu Qu. Khâm Châu Châu Đạo CA

*- Cựu Qu. Chủ Trưởng Cơ Quan

Đại Diện Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại

Đã quy vị lúc 6.30 AM ngày 25-12-2020 (nhằm ngày 11 tháng 11 năm Canh Tý) tại Thành Phố Westminster Tiểu Bang California - Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 82 tuổi

* * *

7- Đạo Hữu
Đặng Thị Kim Sa

Hiền Thê của Hiền Huynh Cựu CTS Qu. Đầu Tộc Đạo
Santa Clara Mai Ngọc Tuyết

Đã từ trần vào lúc 10 giờ sáng ngày 15 tháng 11 năm Canh Tý, nhằm ngày 28 -12- 2020 tại thành phố San Jose, California, Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 79 tuổi

* * *

8- Cựu Thông Sự
Phạm Thành Thuần

Đã qui vị lúc 6 giờ 30 phút sáng ngày 12 – 1 - 2021 nhằm ngày 30 tháng 11 năm Canh Tý, tại bệnh viện Gwinnett County Medical Center, tiểu bang Georgia, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 81 tuổi

* * *

9- Đạo Hữu Nguyễn Thị Thanh

Sinh ngày 13-6-1934 tại Tuy Hòa, Phú Yên - Việt Nam
Đã quy vị ngày 26 - 01 - 2021 nhằm ngày 14 tháng
12 năm Canh Tý tại bệnh viện DCH Regional Medical
Center, Tuscaloosa, Alabama. Hoa Kỳ.

Hưởng Thượng thọ 87 tuổi

* * *

10- Đạo hữu Lưu Thị Hạnh

Hội viên Hội Tương Tế Cao Đài và Thân Hữu

Đã quy vị ngày 24 tháng Chạp năm Canh Tý (05-02- 2021)
tại San Jose, CA

Hưởng Thọ 87 tuổi

* * *

11- Chánh Trị Sự Phan Văn Bớt

Thánh Thất Cao Đài Bắc California - Hoa Kỳ
Hội viên Hội Tương Tế Cao Đài và Thân Hữu

Đã quy vị ngày 12-02- 2021 tại San Jose, Tiểu bang CA

Hưởng Thọ 80 tuổi

* * *

12- Hiền Tài

Quách Văn Hòa

Hiền Tài Khóa 3 (Bút hiệu Thiên Vân)

Đã quy vị ngày 7-3- 2021

(nhằm ngày 24 -1 năm Tân Sửu) tại Tiền Giang - Việt Nam.

Hưởng Thọ 76 tuổi

13- Hiền Tài Lê Hữu Hượ

Hiền Tài Khóa 4 (năm 1972)

Đã quy vị ngày 12-3- 2021

(nhằm ngày 29 tháng Giêng năm Tân Sửu) tại tư gia
Khu Phố 1 - Thị Xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh - VN

Hưởng Thọ 81 tuổi

* * *

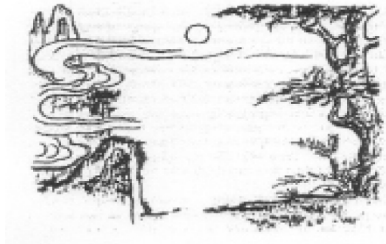
14*- Hiền Tài Phạm Khiết Dân

Hiền Tài Khóa 5 (1973)

Nguyên Giáo sư Trung Học Tỉnh Tây Ninh

Đã quy vị vào lúc 10 giờ 50 ngày 9 tháng 2 Tân Sửu
(DL: 21-3-2021) tại tư gia ở Khu phố Long Thành Bắc,
Thị Xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh - Việt Nam.

Hưởng thọ 82 tuổi.



CON NGƯỜI TỪ ĐÂU ĐẾN MỤC ĐÍCH VÀ THIÊN CHÚC ¹

(Biên soạn: HT Võ Ngọc Độ)



MỤC LỤC

*- Tiêu dẫn

*- Con người từ đâu đến cõi trần

*- Mục đích của con người đến cõi trần

*- Thiên chức của con người đến cõi trần

*- Kết Luận

Có lẽ từ ngàn xưa cho đến ngày nay, con người vẫn băn khoăn suy nghĩ và muốn tìm hiểu về nguồn gốc của mình. Sau khi cha mẹ sanh ra rồi từ từ lớn lên, học hành khôn ngoan, tấn hóa, lăn lộn trong cõi đời này, rồi đến trăm tuổi già, khi chết con người sẽ đi về đâu. Một đề tài nhơn sinh triết lý, khá rộng lớn và bao quát, tùy vào thời kỳ phát triển hay tùy vào mỗi tín ngưỡng tôn giáo và tùy vào trình độ con người mà nhận định và lý giải có phần khác nhau.

1-Bài này đã đăng trong TSTĐ số 83. Tuy nhiên vì có hình ảnh không nằm đúng vị trí nên nay xin đăng lại. Thành thật cáo lỗi

Trong phạm vi bài biên soạn này, nhằm chia sẻ đến những đạo hữu mới nhập môn vào Đạo hay những ai muốn tìm hiểu về Đạo Cao Đài, nên chỉ đề cập một cách tóm tắt và khái quát dựa theo Nhơn Sanh Quan và Giáo Lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

I - Con người từ đâu đến cõi trần.

Muốn biết con người từ đâu đến hay ai tạo dựng lên con người, tín đồ Đạo Cao Đài tin rằng Thượng Đế là Đấng đã tạo dựng nên con người có xác thân lẫn tâm linh theo khuôn mẫu của Ngài:

*“Đại Từ Phụ từ bi tạo hóa,
Tượng mảnh thân giống cả càn khôn.
Vẹn toàn đủ xác đủ hồn,
Xoay cơ chuyển thế bảo tồn vạn linh”.*

(Kinh Tắm thánh)

Theo Thánh Ngôn Đức Chí Tôn dạy sau đây, thì thuở ban đầu, chính Đức Ngài đã tạo dựng nên càn khôn thế giới và muôn loài vạn hữu chúng sanh:

“Thầy đã nói cho các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế giới thì khí Hư Vô sinh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là ngôi Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn Thế giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, cầm thú, gọi là chúng sanh” (ĐCT, TNHT 1-2, Tr 170).

Như vậy, Đức Chí Tôn là Đấng tự hữu và hằng hữu từ trong khí Hư Vô, ngôi của Ngài là Thái Cực. Và Đức Chí Tôn còn cho biết thêm:

“Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế giới nên gọi là Pháp. Pháp có mới sanh ra Càn Khôn vạn vật, rồi mới có người nên gọi là Tạng. Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tạng lập thành các Đạo, mà phục hồi các con hiệp cùng Thầy” (ĐCT, TNHT 1-2, Tr 43) .

Qua các câu Thánh Giáo của Đức Chí Tôn trên đây cho chúng ta hiểu rằng chính Đức Chí Tôn đã dùng quyền phép nhiệm mầu để phân ngôi Thái Cực ra lưỡng nghi đó là Âm và Dương, rồi Âm Dương giao hòa với nhau mà tác thành Càn Khôn Vũ Trụ và muôn loài Vạn Vật, gọi là chúng sanh. Nên trong hiện tại, tất cả sự vật đều mang hai phần âm và dương,

Từ những nguyên tử li ti nhỏ nhất mà mắt thường không thể thấy được đến các vật lớn như tinh cầu, phi thuyền không gian đều phải có hai hợp chất Âm Dương này:

*“ Cơ sanh hóa Càn Khôn đào tạo
Do Âm Dương hiệp đạo biến thiên
Con người nắm vững chủ quyền
Thay Trời tạo thế giữ gìn nhơn luân”
(Kinh Hôn Phối)*

Đức Chí Tôn đã cho biết một cách rõ ràng về phương thức và tuần tự của sự tạo dựng nên hình thể hữu hình của tất cả vạn vật lúc ban sơ khi mới tạo lập, kể cả con người và những bậc Thần Thánh Tiên Phật.

Sau thời kỳ ban sơ ấy mọi sự sanh sanh hóa hóa cho đến ngày nay đều do hai chất khí Âm Dương tác hợp như nam nữ, trống mái. .vv. . . sanh hóa vô cùng. Sự sanh hóa này được Đức Chí Tôn tru định trước và ban cho mỗi loài một mầm

sống nguyên thủy khác nhau, cái khác nhau đó mà ngày nay khoa học gọi là yếu tố di truyền chứa đựng trong mỗi tế bào của từng loại vật, từ sinh vật nhỏ nhất như con kiến đến con vật to lớn như con voi, con trâu, con bò... Nó khác nhau từng giống như loại bò sát, loại bay lượn trên không trung, loại leo trèo chạy nhảy, loại nào sanh ra loại nấy, không thể nào loại này sinh ra loại khác. Từ Thánh ngôn của Đức Chí Tôn cho biết về sự hình thành Nhơn loại, Ngài cho biết như sau:

“Thầy phân tánh Thầy ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng gọi là chúng sanh” (ĐCT, TNHT 1-2, Tr 43) cho đến thực tế ngày nay là thời kỳ khoa học kỹ thuật tân tiến, vẫn cho thấy Đức Chí Tôn đã tạo dựng nên con người một cách hoàn hảo. Trong khi đó có nhiều luận cứ của các nhà khảo cứu cho là thủy tổ của loài người là loài vượn đã thú có bốn chân. Luận cứ ấy có thể chưa chứng minh vững vàng, và chưa có tính cách thuyết phục, để chắc chắn là loài vượn tiến hóa qua nhiều kiếp trở thành con người...

Căn cứ Thánh ngôn của Đức Cao Đài dạy, con người có nguồn gốc từ Đức Chí Tôn, nên cùng mang những nét linh diệu, sáng suốt, trường tồn như Ngài. Còn những sinh vật nhỏ bé hạ đẳng hơn con người, thì tùy theo sự tấn hóa, mà có những bản năng sinh tồn khác nhau. Ta có thể nhận biết rằng từ Đức Chí Tôn đến con người là một mạch sống nối liền và hoàn thiện, nó cũng sẵn có trong vạn vật chúng sanh, nên chúng sanh luôn được trường tồn và sống trong Ngài.

Theo giáo lý Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn đã ban cho vạn vật tám loại linh hồn: Kim thạch hồn - Vật chất hồn - Cầm thú hồn - Nhơn loại hồn - Thần hồn - Thánh hồn - Tiên hồn - Phật hồn.

Tám loại chơn hồn này đều kiếp vào thể xác tương ứng để

tiên hóa, nên trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh có các câu:

*“Càn Khôn sản xuất hữu hình
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh”*

Theo quy luật này thì Kim thạch tiến hóa lên vật chất, vật chất tiến hóa lên cảm thú, cảm thú tiến hóa lên nhân loại, nhân loại tiến hóa lên Thần, Thánh, Tiên, Phật.... Tiến hóa theo lối này gọi hóa nhân.

Còn một loại nữa gọi nguyên nhân, loại nguyên nhân này theo chơn truyền của Đạo Cao Đài, thì sau khi lập Vũ Trụ thì Đức Chí Tôn cho một trăm ức Nguyên Nhân đầu kiếp xuống thế gian làm người, để phụng sự cho sự tiến hóa của vạn linh.

Như vậy, câu hỏi con người từ đâu đến, nghĩa là nguồn gốc của con người ở vào một trong ba trường hợp sau đây:

- Một là Hóa Nhân, do sự tấn hóa từ vật chất lên.
- Hai là loại Nguyên Nhân do Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu tạo dựng từ lúc ban đầu, sau khi khai thiên lập địa.
- Ba là Quỷ Nhân

Cả ba loại này đều do chơn linh phân tánh từ Đức Chí Tôn.

Bài Giới Tâm Kinh có các câu:

*“Đấng Tạo hóa hóa sanh muôn vật
Phủ cho người tính chất linh thông”*

Vì thế con người được Đức Chí Tôn yêu quý vô cùng, Thánh ngôn Thầy dạy: “..Trong trời đất nhân sanh là con quý của Thầy, nên Thầy hằng lo lường cho các con”. (TNHT 1, Tr 10)

Qua những chứng minh bằng Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn, và qua thực tế thân xác con người là một Tiểu Vũ Trụ, còn về linh hồn con người được phân tánh từ Thượng Đế, được

linh thông hơn vạn vật vì được Đức Chí Tôn ban cho một chất liệu huyền diệu lấy từ Ngài. Do đó con người so với thú vật dù loài vượn hơi giống con người, nhưng nhất định không phải là thủy tổ của loài người được.

Đức Hộ Pháp khi nói đến sự tấn hóa của con người cũng đã khẳng định: “ *Chúng ta thử xét đoán, nếu quả nhiên là loài khi tấn hóa lên cho tới sắc dân hắc chủng ấy có đầu đầu óc của họ có quá chừng quá đổi, tâm thần quán thế như thế đó . . . các giống người hết thấy trên thế gian này cao siêu như thế đó, thì chí mình Bàn Đạo không tin loài khi tiến hóa lên được, cái lý thuyết ấy vô lối, nếu không nói là quái dị, hoặc đặt cho nó cái tiếng là quái gỡ..*” (ĐHP, Lời thuyết Đạo đêm 8-4-năm Ất Mùi, 1955)

Theo đức tin của Đạo Cao Đài về sự hình thành và sự tiến hóa, thì nguồn gốc và thân phận của con người rất là quý giá và cao trọng, nên trong bài kinh Giới Tâm Kinh có các câu:

*“Để gì lộn kiếp đặng làm người,
May đặng làm người chớ để dưới”*

(Giới Tâm Kinh)

II- Mục đích của con người trên cõi trần.

Trước khi đề cập đến mục đích của con người trên cõi trần gian này, tưởng cũng nên sơ lược qua “Ba Thể Xác Thân” của con người.

Trong con người có ba thể, đó là: xác thân phàm trần, xác thân thiêng liêng và linh hồn.

Xác thân phàm trần: Gọi là Đệ Nhứt xác thân, là thân thể của chúng ta, do cha mẹ sinh ra và nuôi dưỡng cho nên hình tướng. Mỗi thể xác đều do những tế bào kết hợp lại,

những tế bào ấy là do nguyên chất của thảo mộc và vật chất tạo nên. Vì vậy nên khi thể xác đã chết thì trở thành đất.

Xác thân thiêng liêng: Gọi là Đệ Nhị xác thân là tinh thần trí não hay là Chơn thân, cũng còn gọi là khí phách của chúng ta do Đức Diêu Trì Kim Mẫu ban cho.

“Chơn khí là sự tiết khí của Chơn tinh, hoặc trong sạch, hoặc ô trược mà đổi nên hình sắc. Như Chơn khí toàn màu trắng, chí Thánh, thì nó là một hào quang sáng chói, còn chưa được Thánh chất thì nó là màu hồng, còn như ô trược thì nó màu tím. Những hào quang màu trắng, màu hồng hay màu tím, nó bao phủ lấy thể xác đặng tiếp điện của Chơn linh hay Chơn thần” (Đức Cao Thượng Phẩm, Tam thể xác thân)

“Khi nào ba thể của con người tinh luyện cho được hiệp một, thì con người ấy mới thấu hiểu cả Thiên cơ của Đức Chí Tôn. Mà một khi con người đã thấu hiểu được Thiên cơ thì người ấy đã đoạt Đạo.

Bởi vậy, cho nên người TU cần phải tập luyện thể nào cho Tam thể ấy được tương liên với nhau, thì con người mới trở nên sáng suốt hơn cả thường tình” (Đức Thượng Phẩm, Tam thể xác thân)

Linh hồn hay Chơn linh: Gọi là Đệ Tam xác thân do Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ban cho điểm linh tâm sáng suốt để làm chủ Vạn linh.

“Chơn linh là Linh hồn do nơi Thái Cực chiết ra. Vì đó, sự sáng suốt của Đệ Tam xác thân, tức là sự sáng suốt của Đức Chí Tôn. Nguyên hình của Đệ Tam xác thân là một luồng điện cấu tạo do tế bào mà điện tử chỉ một âm và một dương. Luồng điện ấy vẫn hằng ở nơi Tam Thập Lục Thiên, và đến hiệp với Chơn Thần đặng giúp

cho Đệ Nhị xác thân vì chủ lấy Đệ Nhất xác thân của nó” (Bát Nương Điều Trì Cung,, Tam thể xác thân).

Theo Thánh giáo của Đạo Cao Đài thì vạn hữu chúng sanh trong đó có con người, được Thượng Đế tạo dựng nên một hình thể, đồng thời còn ban cho một chơn linh, những chơn linh này từ cõi thiêng liêng được Đức Chí Tôn cho xuống cõi phàm trần này là vật chất, qua nhiều lần thay hình đổi dạng bởi sự tấn hóa từ trược đến thanh, từ vật chất đến kim thạch rồi chuyển đến cảm thú rồi chuyển kiếp làm nhơn loại. Sự xoay chuyển này gọi là luân hồi chuyển kiếp. Không phải biến chuyển đến thành con người, không phải không có mục đích và nhận lãnh một nhiệm vụ từ Đức Thượng Đế.

Vấn đề thấu hiểu về mục đích con người trên thế gian này để làm gì? Câu hỏi này khá phức tạp tùy theo suy tưởng của từng người hay từng tổ chức, từng tín ngưỡng....

Có số người cho là con người sinh ra bởi sự kết hợp cả cha mẹ, sinh ra, lớn lên, rồi khôn lớn, làm ăn, học hành trở thành ông nọ bà kia, đến lúc tuổi già rồi chết, chết rồi thì hết...

Phần lớn người ta nghĩ rằng, con người khi chết, thân xác phàm tục mất đi nhưng linh hồn vẫn còn theo quy luật luân hồi chuyển kiếp, nếu sống có tâm tu hành lập đức, sau khi chết linh hồn sẽ được thăng lên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, thành Thần Thánh Tiên Phật,... Còn khi sống ăn ở vô nhân thất đức, không tu thân dưỡng tánh, làm điều hung ác, sau khi chết linh hồn sẽ bị đọa xuống chốn Âm Ty địa ngục.

Thánh ngôn Đức Chí Tôn dạy:

“Các con nghe, một sự các con chưa hề biết đến, đặng hiểu Đạo quý trọng là chừng nào lo tu tâm dưỡng tánh”.

Các con đã sanh ra tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này. Thầy hỏi các con chết rồi các con ra thế nào ? Các con đi đâu ? Chẳng một đũa hiểu đặng cơ màu nhiệm ấy. Thầy dạy cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm, muôn muôn lần mới đến địa vị nhơn phẩm”. (ĐCT, TNHT 1-2, Tr 60)

Do đó, theo đức tin của người tín đồ Cao Đài, để được tiến hóa cao thăng phẩm vị, bắt buộc con người phải chuyển kiếp nhiều lần, đến cõi trần nung vào xác thân phàm tục, rồi xác thân phàm tục ấy phải biết tu thân dưỡng tánh, lập công bồi đức mới được thăng tiến đến cõi Thiêng Liêng Hằng Sống:

*“Vòng xoay chuyển linh hồn tấn hóa
Nung xác thân hiệp ngã càn khôn”*

(Kinh giải oan)

Dù là Hóa nhân, Nguyên nhân, hay Quỷ nhân.. khi đã đầu kiếp nơi thế gian, nung vào một xác thân tương ứng để học hỏi, tu luyện, qua mỗi kiếp sanh nhờ đó mà tiến hóa, khôn ngoan, lương thiện và lúc nào cũng tạo nên cuộc sống Thánh thiện hơn, rồi dần dà trở nên hoàn thiện, sẽ có dịp trở về sum họp cùng Đức Chí Tôn.

Từ quan niệm trên, thì con người sống trên trần gian này, có ba mục đích như sau:

1 - Đến cõi trần để cứu nhân độ thế.

Những Chơn linh cao trọng, có sứ mạng giáng trần để cứu vớt nhân loại đang sa đọa bởi mùi trần tục cảm dỗ, như

Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Chúa Jesus... và nhiều Chơn linh Thần Thánh Tiên Phật khác nữa. Những Đấng này đều là những bậc Nguyên Nhân được Đức Chí Tôn giao trách nhiệm từ khi tạo lập Vũ Trụ. Các Ngài đến thế gian để phụng sự cho cơ tiến hóa, lập nên các tôn giáo, các nhà hiền triết dạy dỗ con người trở nên tiến bộ hơn.

Mặc dù một Chơn linh cao trọng, nhưng đầu kiếp xuống thế gian, là phải biết tu hành và Chơn linh ấy tiếp tục bị ảnh hưởng bởi xác phàm cảm dỗ bởi lục dục thất tình.

Đức Chí Tôn nói:

“Dầu một vị Đại La Thiên Đế, xuống phàm mà không tu cũng khó trở lại địa vị đấng” (ĐCT, TNHT 1-2, Tr 42)

2 - Đến cõi trần để học tập.

Đức Đại Từ Phụ than rằng:

“Than ôi! Đường Thánh ít kẻ tìm, mà nẻo tà nhiều người đến, trò đời lãng xãng, cõi thế biết bao người chìm đắm vào biển khổ, mang nặng xác phàm, miếng đỉnh chung, mỗi danh lợi, giành giựt phân chia mà chẳng kể đạo lý luân thường”. (ĐCT, TNHT 1-2, Tr 132)

Đây là hầu hết số người bình thường, lớp người này đến thế gian để có dịp học hỏi, tu tập để được tiến bộ từ đạo đức đến tâm linh tại nơi trần gian, gặt hái được nhiều thành tựu, thành công trong cuộc sống, với những phẩm hạnh tốt bởi dày công tu hành, lập công bồi đức, luôn luôn hướng đến hành thiện, thực hiện đầy đủ tam lập như Lập đức, Lập Công và Lập ngôn. Dày công tu luyện để có một bản thân an lành, tạo lập một gia đình hạnh phúc, đóng góp cho một xã hội đạo đức, xây dựng một quốc gia thanh bình thịnh vượng. Đó là đã kết quả

viên mãn của một chơn linh đầu kiếp đến cõi trần, rồi từ con người phải chuyển kiếp nhiều lần nữa để tiến hóa lên hàng Thần Thánh Tiên Phật, không còn sanh tử, luân hồi chuyển kiếp nữa.

3- Đến cõi trần để trả quả

Trong trường hợp này các chơn linh đọa trần có thể là hóa nhân, có thể là nguyên nhân, trong kiếp sanh nào đó đã gây ra lỗi lầm, theo Thiên Điều không được hội nhập vào cảnh Niết Bàn, mà phải đầu thai xuống trần thế để trả quả, chịu cảnh đọa đày trong kiếp con người. Đến khi nào trả xong nghiệp quả, nếu chưa trả xong nghiệp quả thì vẫn còn tiếp tục trở lại trần gian để học hỏi, tu hành, sống đời lương thiện như trường hợp thứ hai trên đây.

Tất cả ba hạng Chơn linh đầu kiếp xuống trần gian, dù là xuống trần để học hỏi, để trả quả hay để cứu nhân độ thế cũng đều gọi là khách trần. Trong các trường hợp này, Đức Chí Tôn nói:

“Cõi trần là chi?

Khách trần là sao?

Sao gọi là khách?

Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh Tiên có lỗi lầm, ấy là cảnh sâu để trả xong quả hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất chơn linh mà luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là khách trần”.(ĐCT, TNHT 1-2, Tr 3)

Trên đây qua Thánh ngôn của Đức Chí Tôn, ta có thể nói con người từ đâu đến hay nói khác, nguồn gốc của con người theo đức tin của người Cao Đài giáo, Con người do Đức Chí Tôn tạo thành.



Hình ảnh trong đàn cúng

Và mục đích của họ có mặt trên quả địa cầu 68 này, tỷ như một người khách đến thế gian, có thể để cứu nhân độ thế, hay là đến thế gian để học tập, tu hành để trở thành một con người có bản thể Thánh thiện, đến buổi chung quy những người khách trần ấy được trở về cựu vị, hay thăng tiến trở thành Thần Thánh Tiên Phật.

III- Thiên chức của con người trên cõi trần này.

Con người đầu kiếp đến cõi trần có 2 Thiên chức chính yếu:

1- Tu thân hành Đạo.

Thánh ngôn Thầy dạy:

“Nếu cả thế gian này biết tu, thì cả thế gian có lẽ cải lý Thiên đình mà làm cho tiêu tai, tiêu nạn đặng, hưởng lựa mỗi cá nhân biết tu thì Thiên đình cảm bộ Nam Tào cũng chẳng ích chi. Tu là chi? Tu là trau dồi đức tính cho nên hiền, thuận theo ý Trời đã định trước. Nếu thế gian dữ thì thế nào đặng bảo toàn, còn mong mọi gì đặng bền vững. Cá nhân dữ thì thế nào bảo toàn tánh mạng. Đã bị tội cùng Thiên Đình thì bị hình phạt. Nơi kiếp sống này nếu không biết tu, buổi chung qui sẽ mắc tội với Thiên Đình (ĐCT, TNHT 1-2, Tr 120)

Con người đến thế gian này là khách trần để học hỏi để tu thân tích đức, để lần lượt bước trên con đường tiến hóa, đó là thiên chức mà Đức Chí Tôn ban cho mỗi con người, tùy theo cơ duyên, nghiệp quả của họ trong nhiều kiếp luân hồi cho đến nay.

Đức Chí Tôn khai Đạo Kỳ Ba, là thời kỳ Đại Ân Xá để cứu độ hết 92 ức nguyên nhân vẫn còn sa đọa nơi cõi trần thế này. Thầy vì Đức háo sanh mà lâm phạm cứu vớt chúng sanh, thì con người phải hiểu rằng việc tu hành để được tiến hóa, đó là một trách nhiệm đặc biệt của mỗi con người, nên phải hồi tâm hướng thiện, cố gắng làm tròn thiên chức đó để được cao thăng phương vị nơi cõi Thiêng Liêng.

Để nói rõ điều này Đức Chí Tôn dạy:

“Mỗi bậc phẩm đều đóng một vai tuồng của Đấng cầm quyền thế giới ban cho, dầu thanh cao, dầu hèn hạ, cũng gắng làm cho rồi trách nhiệm, hầu buổi chung cuộc, hồn lìa cõi trần đặng đến nơi khởi hành mà phục hồi công cán”. (ĐCT, TNHT 1, Tr 74)

Là tín đồ Đạo Cao Đài, qua giáo lý, qua những lời Thầy dạy lúc ban sơ khi mở Đạo năm Bính Dần 1926, ta hiểu rằng trong cõi sanh này, thân phận mỗi con người tốt hay xấu, sang hay

hèn, có địa vị cao trọng hay bần cùng cũng tùy thuộc vào tiến trình tiến hóa của họ trong tiền kiếp. Ở kiếp này, nếu biết lánh dữ làm lành, biết hối cải lỗi lầm, lập công bồi đức, thực hiện Tam lập tức là Lập Công, Lập Đức, Lập Ngôn thì đến khi chết, cái xác thân này thối rã (Đệ nhứt xác thân), nhưng tính tình, ý chí hay dục vọng vẫn còn nguyên, được Chơn Thần (Đệ Nhị xác thân) mang đi, đến khi đầu thai vào kiếp sống mới, thì những đức tính tốt hay xấu của kiếp trước, trở nên là cá tính cho kiếp sau. Luật như quả bắt mỗi Chơn linh phải mang khối tiền khiên nghiệp chướng của mình đã tạo ra trong bao nhiêu kiếp trước, như một bản án, mà thế gian thường gọi là định mệnh, luật công bình đó an bài cho mỗi Chơn linh một nơi đi đầu kiếp tương xứng với luật nhân quả.

Đức Hộ Pháp đã dạy rằng:

“Tội lỗi chúng ta do Chơn linh chúng ta ghi chép, và chính ta trị ta, chứ không có ai định tội cả, nơi Nam Tào Bắc Đẩu không có ai trị hết...không có một hình luật nào bắt buộc chúng ta cả. Mạng căn số kiếp của chúng ta đều do chúng ta định, chúng ta có quyền tự do, quyền sở hữu định mạng căn cho chúng ta vậy”
(ĐHP Thuyết Đạo đêm 26 tháng 1 năm Kỷ Sửu, 23/2/1949)

Thiên chức của con người gì?. Những lời giáo huấn của Đức Chí Tôn và Đức Hộ Pháp trên đây cho chúng ta một suy ngẫm, Thượng Đế tạo ra loài người làm nền tảng cho Chơn thần học hỏi để tiến hóa và tiếp tục tiến hóa. Thầy đã trao cho con người một trách nhiệm khá nặng nề là phải thực hiện sự nghiệp của Thầy, tức là phải tu hành, làm điều thiện tránh điều ác đức, phải biết thương yêu chúng sanh...

Đức Chí Tôn dạy:

“Thầy khuyên các con phải có đức tin và giữ vững lập trường, Thầy lập Đạo kỳ này Thầy mở một trường thi công quả. Các con phải gắn bó thành một khối thương yêu, cùng nhau xây dựng sự nghiệp của Thầy, để lại mai sau cho các Nguơn căn hậu tấn có phương tiện học tu. Đó là một phúc đức lớn lao vô cùng lớn, Thầy hứa sẽ trả cho các con một cái giá rất đắt, đắt phi thường” (ĐCT, TNHT 1-2)

2- Bồn phận làm người

Đức Chí Tôn dạy: “Ta vì lòng Đại từ Đại bi, lấy đức hào sanh dựng nên nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tôn chỉ là: Vớt kẻ hữu phần vào địa vị cao thượng để tránh số mạng luân hồi; Và nâng đỡ kẻ có tánh đức vào cõi an nhàn, cao hơn phẩm hèn khó ở cõi dương trần này”.(Trích trong quyển *Giáo lý, của Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng, tr 115*)

Căn cứ vào Thánh ngôn trên, con người khi đầu kiếp đến cõi trần này, theo Tân Luật của Đại Đạo, có hai bậc: Hạ Thừa và Thượng Thừa.

- Bậc Hạ Thừa:

Đó là bậc mới nhập môn vào Đạo, lo tu thân dưỡng tánh, còn ở thế, sống với gia đình và phục vụ xã hội. Mục đích chính yếu là hoàn thành bồn phận làm người. Ông bà chúng ta từ xa xưa đã thấm nhuần luân lý làm người của Đạo Nho, Đạo Khổng, Đạo Phật và các tôn giáo khác, về cách xử thế làm người như Tam Cang, Ngũ thường dành cho Nam giới và Tam tòng Tứ đức dành cho Nữ giới. Xin sơ lược một cách rất khái quát về những chọn lý làm người ở các bậc tu Hạ Thừa và Thượng Thừa từ giáo lý của Đạo Cao Đài để bổ sung cho bài soạn thêm phần rõ ràng hơn

- **Tam Cang, Ngũ Thường:** (Cho nam giới)

a- Tam Cang: Quân Thân Cang, Phụ Tử Cang, Phu Thê Cang.

-**Quân Thân Cang:** (Giềng mối Vua Tôi)

Bổn phận làm Vua, theo thời quân chủ, Vua thay trời trị dân, Vua có quyền trên hết. Còn thời nay, Vua, Tổng Thống hay Quốc Trưởng cũng là người lãnh đạo đất nước, nên có những đức tính tốt, làm gương cho người dân noi theo. Bổn phận làm quan, Quan là người thay Vua, thay chính phủ lãnh đạo một vùng. Thực thi pháp luật để đem lại trật tự an ninh, ấm no hạnh phúc cho người dân trong lãnh địa mình chịu trách nhiệm trước chính phủ. Người làm quan cần các đức tính như Thanh liêm, Chính trực, Cần mẫn....

Bổn phận làm dân, Dân là một phần tử trong nước, là người công dân phải làm tròn trách nhiệm và bổn phận của mình như yêu nước yêu nòi giống, thực hiện mọi trách nhiệm quân dịch, thuế má, giữ gìn an ninh trật tự, nếu có ngoại xâm phải tòng quân giết giặc.

- **Phụ Tử Cang** (Giềng mối cha con)

Cổ nhân có câu: “Vi nhơn phụ chỉ ư từ, Vi nhơn tử chỉ ư hiếu” Nghĩa là: Làm cha phải hiền từ, làm con phải hiếu thảo. Cha mẹ có bổn phận nuôi con từ sơ sinh đến khôn lớn, cho ăn học, dạy bảo, uốn nắn chúng từ từ, đến khi trí khôn chúng phát triển biết phân biệt lẽ phải quấy. Đó là bổn phận của cha mẹ. Khi con trở nên khôn lớn, lúc cha mẹ già yếu thì con phải có bổn phận hôm sớm, nuôi nấng cha mẹ, lúc nào con cũng thể hiện đức tính hiếu để với cha mẹ. Cổ nhân có câu: “Nhơn sanh bá hạnh, hiếu vi tiên”. Nghĩa là: Người đời có trăm nết, song nết hiếu đứng đầu.

Đối với gia đình con luôn luôn hiếu hạnh với cha mẹ ông bà. Khi ra ngoài xã hội với công việc lúc nào cũng phải giữ lòng chánh trực, cần, kiệm, liêm, chính. Ngoài cha mẹ ra, còn phải có bốn phận đối với anh, chị em với nhau trong không khí huynh đệ, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, khuyên nhủ nhau cùng sống sao để bảo vệ danh dự gia tộc.

- **Phu Thê Cang** (Giềng mối vợ chồng)

Trai lớn lên có vợ, gái lớn lên có chồng, đó là quy luật của tạo hóa đã an bài, từ xưa đến nay chưa hề thay đổi. Điều cốt lõi của tình nghĩa vợ chồng, muốn cho duyên thắm tình nồng mãi mãi là phải hòa thuận. Muốn được vậy, người chồng và người vợ phải biết bốn phận của mình. Cổ non có câu: “Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh tài” Nghĩa là: Dạy vợ khi mới về nhà chồng, dạy con lúc còn thơ ấu.

Vợ chồng là bạn trăm năm, người chồng có sức lực mạnh khỏe, làm chủ gia đình, làm việc nặng nhọc nuôi dưỡng con cái, xây dựng gia đình và phải làm gương đạo đức, mẫu mực cho vợ con noi theo. Người vợ phải có đức tính nhỏ nhẹ, yêu thương và phục tùng, hạnh phúc gia đình phần lớn do người vợ tạo nên. Đạo vợ chồng cần nhất là hòa thuận, tương kính, tương nể lẫn nhau. Chồng chẳng nên hiếp đáp vợ, vợ chẳng nên nói năng thiếu tế nhị với chồng. Tục ngữ có câu: Đồng vợ đồng chồng, tát biển Đông cũng cạn.

b- Ngũ thường: Là 5 đức tính: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.

Thử sơ lược các đức tính trên, trong phép làm người như sau:

- **Nhân:** Con người ai cũng có thọ bẩm của Đức Chí

Tôn một điem Linh Quang để làm tự tánh của mình. Cổ nhân cho tánh ấy là Mạng Trời hay là Thiên Lý. Mạng trời thì lặng lẽ, nhưng khi phát động trung tiết đó gọi là Nhân. Bởi vì Thiên lý phát động là Nhân, cho nên đức Nhân gồm tất cả tánh tốt, hạnh lành, thể hiện như trung, hiếu, tiết nghĩa, khiêm cung, khoan nhượng, mẫn huệ....

Người mà có Nhân lúc nào cũng an vui, tự tại, trung dung, bình tĩnh, đạo đức. Luôn luôn có trực giác, mẫn huệ. Đức Khổng Phu Tử lấy đạo Nhân làm căn bản cho đạo làm người, lúc nào cũng tùng theo Thiên lý mà ung dung hành động, chớ không có chấp điều gì.

- **Nghĩa:** Nghĩa là phương pháp giúp cho kẻ học thành đức Nghĩa. Là lẽ phải, giúp cho con người hoàn thành bổn phận làm người. Hoặc là Nghĩa thể hiện hóa lòng Nhân thành đạo đức. Muốn cho rõ nét của hai đức tính Nhân và Nghĩa, thì Nhân và Nghĩa phải đi đôi với nhau. Ví dụ, có lòng Nhân mà không Nghĩa, thì Đạo đức thiếu hẳn về hình thức, còn Nghĩa mà thiếu Nhân thì Đạo đức thiếu tinh thần.

Một giả tử: Chúng ta có lòng thương người lâm nạn, nhưng không ra công hay bỏ tiền bạc ra giúp, thì không thể hiện được lòng thương với nhau. Còn nếu chúng ta ra công bỏ tiền của ra để giúp, mà không thể hiện được lòng thương, thì sự giúp đó nó mang một ý khác chứ không thể hiện lòng Nhân.

- **Lễ:** Lễ là mực thước để đo lường tư tưởng khi ta tiếp cận hay giao tế với nhau trong cuộc sống hằng ngày. Đức Lão Tử nói rằng: “Nếu thất Đạo thì nên theo Đức, nếu thất Đức thì nên theo Nhân, nếu thất Nhân thì nên theo Nghĩa, nếu thất Nghĩa thì nên theo Lễ”.

Vậy chúng ta có thể nói rằng, kẻ học nên theo Lễ để trở về với Nghĩa, nên theo Nghĩa để trở về với Nhân, nên theo Nhân để trở về với Đức và nên theo Đức để trở về với Đạo.

- **Trí:** Trí là một năng lực để biết, ta nhờ Trí để phân biệt lẽ phải việc quấy, sự lành việc dữ. Người có đức tính Trí nếu có thêm đạo đức thì lần hồi hoán đổi từ việc dở thành hay, từ việc dữ trở nên lành, điều ác thành ra thiện. Mỗi ngày ta hoán đổi một chút, tích lũy lâu ngày trở nên tăng phẩm hạnh. Muốn trở thành người Trí thì ta phải học tập để mở mang trí thức và kiến thức. Khi Trí đã phát khởi, đã mở mang và thấu hiểu Chơn lý, phân biệt việc thiện việc ác, và biết giới hạn về tình dục rồi. Chúng ta sẽ ung dung cảm thông với Thiên lý mà sống trong hài hòa, yêu ái với mọi người, mọi vật theo lẽ Đạo tự nhiên.

- **Tín:** Tín là Tin, giữ Tín là một điều quý trọng của con người, nhất là người đã minh thệ nhập môn tu hành, nói một lời phải nhìn nhận, nếu nói sai nói quấy một lần, về sau mặc dầu nói thiệt lời, cũng chẳng ai tin.

Cổ nhân có nói: “Nhơn vô tín bất lập”, Nghĩa là, người không đặng tín nhiệm thì chẳng làm nên việc.

“Tóm lại, Ngũ thường là năm mối hằng tâm để cho người ta noi theo mà hành động, hầu trở nên người có Đạo hạnh. Ngũ thường để sửa hành động của người cũng như thước qui để làm hình tròn, thước củ để làm hình vuông. Muốn làm hình tròn, hình vuông mà không dùng thước quy thước củ, để làm rập thì không thể được, cũng như muốn làm người đức hạnh mà chẳng duyng Ngũ thường thì biết theo đâu mà làm. Ngũ thường tuy có năm Đức, nhưng Nhân đứng đầu và gồm cả Đạo làm người. Lễ là mục thước để làm Đạo Nhân, thực hiện trọn Đạo Nhân tức là thể hiện Thiên lý thành nhơn

luân và cũng là làm tròn bốn phận người” (Trích y quyền giáo lý của Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng, Tr 134)

- Tam tòng tứ đức (cho nữ giới)

a/Tam tòng: Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử.

- Tại gia Tòng phụ: Bốn phận làm con phải nghe lời dạy bảo của cha mẹ dù là trai hay gái. Ở đây chúng ta đang đề cập đến phận gái. Phận con gái khi chưa có chồng còn sống chung với cha mẹ, từ việc lớn đến việc nhỏ phải lắng nghe sự dạy bảo của cha mẹ, vì cha mẹ là những người đã có kinh nghiệm, còn mình còn nhỏ chưa đủ kinh nghiệm, chưa đủ trí khôn để phân tích lẽ hơn lẽ thiệt. Ở đây, ý muốn nói đến sự lựa chọn người bạn đời cho mình, trước đây, con gái đến tuổi có chồng, thì cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Còn ngày nay con có quyền lựa chọn người chồng tương lai, nhưng cũng phải tham khảo ý kiến của cha mẹ. Việc sống chung chồng vợ, cha mẹ đã trải nghiệm nhiều hơn, cha mẹ sẽ bổ túc những gì mà qua quyết định của mình chưa được chín chắn. Phận gái mười hai bên nước, trong đục phải cam lòng.

- Xuất giá Tòng Phu: Khi đã lựa chọn xong rồi, chính thức là vợ chồng, phần là người vợ, mình đã an bài cho một cuộc sống mới, như ở chung với gia đình bên chồng, mọi việc đều bõ ngỡ với mình. Thương chồng tất tât đều tòng theo lẽ đạo vợ chồng trăm năm hạnh phúc, rồi đây con cháu sẽ đầy đàn.

- Phu tử Tòng Tử: Chẳng may chồng chết sớm, con còn nhỏ dại, mẹ phải nuôi dưỡng con khôn lớn, đến lúc con nên người, con đã thành nhân, mẹ phải sống với con cho trọn bốn phận mẹ hiền.

b/ Tứ Đức: Công, Ngôn, Dung, Hạnh.

Từ thời xa xưa đến hiện nay, bốn đức tính mà người phụ nữ cần phải có là Công, Ngôn, Dung, Hạnh.

- **Công:** Ngoài những việc như năng khiếu về văn chương, thi phú ra, phận đàn bà, con gái còn có nữ công gia chánh, biết sắp xếp công việc nội trợ của mình, còn biết về thêu thùa, may vá... lo giúp chồng, dạy con.

- **Ngôn:** Ngôn là lời nói, người nữ cần có tiếng nói dịu dàng, dễ nghe, không nói hoa nguyệt, không nói xằng bậy...

- **Dung:** Dung là nhan sắc, diện mạo, đi đứng đoan trang, chừng chạc, lúc nào cũng giữ vẻ tự nhiên, đó là đức tính của phái nữ.

- **Hạnh:** Hạnh là nét na, người ta có câu: cái nét đánh chết cái đẹp. Cái nét chính là phản ảnh của tâm mà ra.

“Tóm lại, làm người mặc dầu phái Nam hay phái Nữ đều lấy Đạo tu thân làm căn bản Nhơn Đạo, nghĩa là trước nên trau dồi Tâm Thần của mình trở nên Chơn, Thiện, Mỹ, rồi sau mới biết nghĩa phương để sửa việc nhà, làm việc nước và góp công vào việc Hòa Bình Thiên hạ (Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình Thiên hạ). Cổ nhân rất trọng Đạo Tu thân (Trích y quyển giáo lý của Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràn, Tr137)

- Bậc Thượng Thừa.

Đức Chí Tôn có dạy rằng:

“Ta vì lòng Đại Từ Đại Bi, lấy Đức háo sanh dựng mới Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tôn chỉ là cứu vớt kẻ hữu phần vào địa vị cao thượng, tránh khỏi số mạng luân hồi”

Vậy, bậc tu Thượng thừa dành cho những người có công

tu vinh hạnh, thể hiện một cuộc sống siêu việt, vượt khỏi thế tục thường tình, có nếp sống tâm linh hơn hẳn, đáng làm gương cho người khác noi theo. Cứu cánh của bậc tu Thượng thừa là tìm gặp Bồn tánh Trời phú cho người để làm chủ cho hạnh động của mình. Vì Bồn tánh ấy là Mạng Trời, là Thiên Lý hay là Đạo mà con người phải thể hiện nơi thế gian này, gọi là Nhơn Đạo (Thiên mạng chi vị tánh, xuất tánh chi vị Đạo, Nghĩa là: Mạng Trời là Tánh, tuân theo Tánh ấy là Đạo).

IV- Kết luận.

Đến cõi trần này, dù là Nguyên nhân, Hóa nhân hay Quỷ nhân, cũng đều là chúng sanh trong đó có con người. Theo triết lý của Đạo Cao Đài thì con người đều do khí bẩm của Thượng Đế tạo ra và được ban cho một Điểm Linh Quang, nên trong mỗi con người đều có Thượng Đế, còn gọi là Thiên tánh. Cũng vì sự phát triển cái Thiên tánh ấy nên con người mới có mặt trên quả địa cầu này, sự phát triển để tiến hóa này nhanh hay chậm còn tùy vào căn cơ nghiệp chướng của mỗi người. Nên trên chặng đường tiến hóa có nhiều trình độ chênh lệch khác nhau, sự học hỏi để tiến hóa cũng không phải một kiếp sanh ngắn ngủi mà đạt được. Nhưng trong trường hợp đặc biệt nếu con người biết tu hành, biết hướng thiện, có lòng thương yêu, biết cải tà quy chánh, lánh dữ làm lành thì cũng có thể đắc quả trong một kiếp sanh. Con người do Đức Chí Tôn tạo dựng và hân hạnh được đến cõi trần gian này để hành thiện theo “Bồn phận và Thiên chức” như đã trình bày trên đây. Từ đó ta suy ra con người đã có một quá khứ đáng tự hào và cũng tùy theo mức độ thăng tiến hay sa đọa mà có một hiện tại vui vẻ phần khởi

hay bị đát gian nan, và có một tương lai vinh hiển hay đen tối. Cái đó nó tùy vào sự học tập, tu luyện của mỗi con người.

Như Đức Đại Từ Phụ đã dạy:

“Sinh ra phận làm người đã mang vào mình một trách nhiệm đặc biệt, phải gắng sức làm cho chu toàn, hầu chờ buổi chung qui, tương công chiếu tội, tiêu trừ tiền khiên mà nâng mình vào địa vị cao thượng hơn phẩm vô vị chốn sông mê này”.

(ĐCT, TNHT 1-2, Tr 135)

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

(Hiền Tài Võ Ngọc Độ)

Atlanta, Georgia

Tài liệu tham khảo:

- Lời Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp, Quyền VI-3. Át Mùi 1955
- Giải Nghĩa Kinh Thiên Đạo, Thế Đạo (HT Nguyễn Văn Hồng)
- Giáo lý, Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng.
- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 1-2

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO LÝ
ĐẠI HỌC CAO ĐÀI ONLINE
(ĐHCĐO)**

Trong Website:

www.banthedaohaingoi.org

Email: banthedao@googlegroups.com

CHÍNH TRỊ ĐẠO

(Soạn giả: Khai Pháp Trần Duy Nghĩa)

(Tiếp theo từ TSTD số 83)

HỘI THÁNH

Như cái tên của Hội, Nghị Viên của Hội này gồm các Chức Sắc thuộc hàng Thánh Thể của Đức Chí Tôn và phải đương quyền Hành chánh.

Hội Thánh dung hòa các ý nguyện quá bằng bột của Nhơn sanh, tánh cách giống như Viện Cộng Hòa (Conseil de la République) theo Chánh Trị Đồi trong Chế độ Đại Nghị Pháp.

PHẬN SỰ CỦA HỘI THÁNH

a- Thảo luận lại các vấn đề của Hội Nhơn Sanh dâng lên hoặc của Thượng Hội đưa xuống, đăng lập phương ban hành.

b- Lo về sự Phổ Độ Chúng sanh, việc châu cấp cho Chức Sắc hành Đạo tha phương, xem xét lại Tài chánh của Đạo, kiểm thảo lịch trình Chánh Trị của Đạo.

c- Bàn cãi, và công nhận số phỏng định Thâu xuất tài chánh năm tới.

d- Xin huỷ bỏ, thêm bớt, sửa cải những Luật lệ nào không phù hợp với sự tấn hóa về Dân trí của Nhơn sanh.

e- Quan sát các việc có ảnh hưởng về nền Đạo.

ĐIỀU KIỆN CHỌN NGHỊ VIÊN

a- Từ hàng Giáo Hữu đở lên đến Chánh Phối Sư được kể

là Nghị Viên của Hội Thánh vì đã nhập vào Thánh Thể của Đức Chí Tôn.

b- Phải dưới 60 tuổi.

c- Phải đương quyền Hành chánh.

HỘI THÁNH GỒM NHỮNG AI?

***CỬU TRÙNG ĐÀI.**

a- Chức Sắc dự Hội Thánh:

- Thái Chánh Phối Sư : Nghị Trưởng
- Nữ Chánh Phối Sư : Phó Nghị Trưởng
- Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu
Nam Nữ. : Nghị viên
- Một Nghị Viên Nam và
một Nghị Viên Nữ : Từ Hàn
- Hai Nghị Viên Nam và
hai Nghị Viên Nữ. : Phó Từ Hàn

b- Chức Sắc Nội Chánh:

- Thượng và Ngọc Chánh Phối Sư và Chư Đại Thiên Phong cầm quyền Cửu Viện Nội Chánh đến dự đăng minh triết các điều hạch hỏi của Nghị Viên. Chức Sắc Nội Chánh có cả Chức Sắc Nữ Phái cũng đồng quyền như Nam Phái, đều là Nghị Viên cả.

c- Dự Thính:

Chức Sắc Hàm Phong Nam Nữ đăng quyền dự thính, chỗ ngồi sắp đặt riêng.

Số Chức Sắc dự Hội Thánh, nếu kể ra cho đủ số phải có, bên Nam Phái:

- 36 vị Phối Sư

- 72 vị Giáo Sư

- 3.000 vị Giáo Hữu

Còn về phần Nữ Phái, thì gồm tất cả Chức Sắc Nữ Phái hiển hiện từ hàng Giáo Hữu đở lên.

***HIỆP THIÊN ĐÀI.**

Thập Nhị Thời Quân phải có mặt đặng Bảo thủ Luật pháp không cho Hội phạm đến cũng đồng quyền như Nghị Viên.

TRƯỚC KHI NHÓM ĐẠI HỘI

Mỗi năm vào ngày Rằm tháng sáu, Nghị Trưởng (Thái Chánh Phối Sư) lập xong Chương trình Đại Hội Hội Thánh và gởi cho Chư vị Thiên Phong mỗi người một bản. Rồi đến ngày nhóm, cả thầy tự tiện về Tòa Thánh dự nhóm chớ không có Thư mời.

Khi đến Tòa Thánh, phải đến Lại Viện Nội Chánh ghi Giấy Thông Hành, chùng trở về cũng phải trở lại Nội Chánh trình ghi như khi đến, nếu vô cơ đến trễ không được dự nhóm.

NGÀY GIỜ NHÓM ĐẠI HỘI

Mỗi năm, Đại Hội Hội Thánh nhóm Thường lệ một kỳ vào ngày Rằm tháng bảy. Chư Nghị Viên phải có mặt tại Tòa Thánh trước (03) ngày và lưu trú lại cho đến ngày Bế mạc.

NHÓM NGOẠI LỆ

Khi có việc chi thật trọng hệ, cần yếu thì được nhóm ngoại lệ, một năm một kỳ mà thôi, Thiệp mời phải gởi trước (15) ngày.

TRONG KHI NHÓM ĐẠI HỘI

Chư Nghị Viên phải tuân y theo thể lệ chung các Hội. Buổi

nhóm mà vô cơ không đến, bị đệ ra Tòa Tam Giáo. Tư cách Nghị Viên trong lúc nhóm hội phải nghiêm chỉnh, mặc Thiên Phục trang hoàng.

PHƯƠNG PHÁP BIỂU QUYẾT

Hội Thánh có đủ hai bên Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài dự nhóm, cho nên sự biểu quyết các vấn đề có khác hơn Hội Nhơn Sanh.

Nếu một vấn đề nào, sau khi bàn cãi rồi mà Cửu Trùng Đài bỏ thăm thuận, còn Hiệp Thiên Đài bỏ thăm nghịch, hoặc là Hiệp Thiên Đài bỏ thăm thuận, mà Cửu Trùng Đài bỏ thăm nghịch, thì vấn đề ấy phải bàn tính mà bỏ thăm lại.

Nếu hai bên bàn cãi mà vẫn còn phản khắc nhau, thì Nghị Trưởng tuyên bố liền rằng: Vấn đề ấy sẽ dâng lên Thượng Hội định đoạt.

QUYỀN CHẤT VẤN

Chư Nghị Viên, muốn xin canh cải, thêm bớt hay hủy bỏ điều chi, Luật lệ nào, phải gửi tờ xin phép trước ngày mồng 1 tháng 6 đặng Nghị Trưởng ghi vào Chương Trình.

Nếu có điều chi chất vấn, hạch hỏi ở giữa Hội, thì phải gửi tờ trước ngày 15 tháng 6 và nói rõ muốn chất vấn về khoản nào, đặng Hội Thánh đủ thì giờ minh triết.

Trong lúc đang nhóm Hội, Nghị Viên được quyền xin hạch hỏi, hoặc công kích Hội Thánh. Nội Chánh có quyền trả lời liền lúc đó. Thảng như gặp việc trọng hệ phải quan sát lại, thì Nghị Trưởng có quyền đình lại đến kỳ nhóm Hội Ngánh thường xuyên, Hội Thánh sẽ đem vấn đề ấy ra minh triết, hoặc gửi Châu Tri trả lời các câu hỏi đó.

NƠI NHÓM HỌP

Hội Thánh nhóm Đại Hội giữa Đền Thờ Đức Chí Tôn.

TRẬT TỰ

Cơ Bảo Thể, Tuần Phòng lãnh giữ trật tự trong lúc nhóm Đại Hội.

Một vị Giáo Hữu phái Ngọc chỉ huy công việc này, mặc Thiên Phục, mang dây Sắc lệnh ba màu Đạo của Hiệp Thiên Đài ban cho, sau khi mãn Hội, phải trả lại cho Hiệp Thiên Đài.

SAU KHI ĐẠI HỘI HỘI THÁNH BẾ MẠC

(20) Hai mươi ngày sau khi Bế mạc Đại Hội, Từ Hàn phải lập cho xong (05) bản Vi Bằng, lưu chiếu (01) bản, đệ lên Thượng Hội (03) bản, gởi cho Hiệp Thiên Đài (01) bản.

Khi Thượng Hội giao trả (03) bản trở lại, Hội Thánh lưu chiếu (01) bản, còn lại (02) bản gởi cho Ngọc Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư ban hành.

Vi Bằng này có Nghị Trưởng (Thái Chánh Phối Sư), Phó Nghị Trưởng (Nữ Chánh Phối Sư), Từ Hàn Nam, Nữ và một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài ký tên.

PHIÊN NHÓM RIÊNG NAM NỮ

Cũng như Hội Nhơn Sanh, trước khi nhóm Đại Hội Hội Thánh, Thái Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư có quyền mời nhóm riêng chư Nghị Viên, Nam theo Nam, Nữ theo Nữ.

Từ Hàn Nam, Nữ của Đại Hội cũng thi hành phận sự mình

ở Hội nhóm này, và cùng với vị Chủ tọa ký tên bản Vi Bằng. Xong rồi, Vi Bằng của Hội nhóm Nam phải gửi cho Hội nhóm Nữ Phái và trái lại, đăng hai bên hiểu rõ công việc của mỗi Phái đã bàn tính.

HỘI NGÁCH THƯỜNG XUYÊN CỦA HỘI THÁNH

Hội Ngách Thường Xuyên của Hội Thánh lập tại Tòa Thánh đăng thảo luận các việc bất thường xảy ra, trọng yếu nhất là kiểm soát hành vi của vị Chánh Phối Sư hay Chức Sắc nào được quyền giao thông với Chánh Phủ. Kế đó là phận sự kiểm soát Tài chánh của Đạo, cho nên trong Hội Ngách Thường Xuyên Hội Thánh có một Ban Kiểm Soát Tài Chánh, thi hành phận sự như Ban Kiểm Soát Tài Chánh của Hội Nhon Sanh vậy.

1- Ngày giờ làm việc:

Hội Ngách nhóm một năm 03 kỳ (04 tháng một kỳ).

- Kỳ thứ nhứt Ngày 13 tháng 2.
- Kỳ thứ nhì Ngày 13 tháng 6.
- Kỳ thứ ba Ngày 13 tháng 10.

Chư Nghị Viên phải có mặt trước một ngày.

Bốn vị Kiểm Soát Tài Chánh phải tới trước (03) ngày cho tiện việc xét Sổ Hộ Viện.

Trong (03) kỳ Hội này, Chư vị Thượng Thống có quyền vắng mặt và phái các vị Phụ Thống thay thế.

2- Sau khi Hội Ngách Thường Xuyên nhóm:

Chư vị Nghị Trưởng, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn, Phó Từ Hàn Nam, Nữ của Đại Hội Hội Thánh vẫn giữ y phận sự cũ ở Hội Ngách Thường Xuyên và (10) ngày sau mỗi kỳ nhóm,

ký tên vào Vi Bằng, có một vị Chức Sắc Hiệp Thiên Đài ký chứng.

3- Nhiệm kỳ của Nghị Viên Hội Ngánh Thường Xuyên Hội Thánh:

Các Tỉnh Nam Việt chia làm 9 Địa phận như sau đây:

- 1- Sài Gòn, Chợ Lớn, Tân An.
- 2- Gia Định, Tây Ninh.
- 3- Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một.
- 4- Mỹ Tho, Gò Công.
- 5- Bến Tre, Trà Vinh.
- 6- Sa Đéc, Vĩnh Long.
- 7- Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên.
- 8- Cần Thơ, Rạch Giá.
- 9- Bạc Liêu, Sóc Trăng.

Sau này có thay đổi ra làm (05) Trấn Đạo gồm có (20) Châu Đạo.

- Gia Định.
- Biên Hòa.
- Định Tường.
- Long Hồ.
- An Giang.

Mỗi Quận cử (02) Nghị Viên, một Chánh, một Phó, nhiệm kỳ (01) năm.

Các Nước lân bang được cử từ (01) đến (03) Nghị Viên, Nhiệm kỳ từ (01) năm đến (03) năm, Nam Nữ đồng số.

4- Ngụ sở:

Chư Nghị Viên cư ngụ tại Nhà khách.

THƯỢNG HỘI

Thượng Hội là Hội Tối Cao trong ba Hội lập quyền Vạn Linh, cho nên Hội Viên là Chư vị Đại Thiên Phong cầm quyền Đạo trong nhị Hữu Hình Đài.

Hội này gồm có:

- | | |
|--------------------------------|-----------------|
| 1- Giáo Tông: | Nghị Trưởng |
| 2- Hộ Pháp: | Phó Nghị Trưởng |
| 3- Thượng Phẩm : | Nghị Viên |
| 4- Thượng Sanh : | -nt- |
| 5- (03) Vị Chương Pháp: | -nt- |
| 6- (03) vị Đầu Sư Nam phái: | -nt- |
| 7- Đầu Sư Nữ phái: | -nt- |
| 8- Một vị Giáo Sư hay Phối Sư: | Từ Hàn. |

(Không có quyền bàn cãi và bỏ thăm).

Trừ ra mấy vị trên đây, không có một ai có quyền dự thánh Thượng Hội.

TỪ HÀN THƯỢNG HỘI

Vị Từ Hàn của Thượng Hội chọn trong hàng Chức Sắc Thiên Phong Cửu Trùng Đài từ Giáo Sư đỗi lên. Từ Hàn có nhiệm kỳ (04) năm. Khi mãn hạn có quyền tái cử, nếu đủ Đạo đức, đủ siêng năng và làm tròn trách nhiệm.

Phận sự của Từ Hàn là lo giữ gìn giấy tờ, sổ sách của Thượng Hội. Mỗi kỳ nhóm, Từ Hàn phải tòng Giáo Tông mà lập Chương trình và viết Thư mời chư Hội Viên. Khi nhóm họp, Từ Hàn chỉ có quyền dự thánh, biên chép các lời bàn cãi đặng lập Vi Bằng mà thôi, ngoài ra có quyền nói là khi cần nhắc khoản gì trong Chương trình có ghi trước mà chư Nghị Viên bỏ quên không thảo luận tới.

NGÀY, GIỜ LÀM VIỆC CỦA THƯỢNG HỘI

Mỗi năm sau ngày Lễ Noel thì Thượng Hội nhóm lệ thường niên trong hạn kỳ là (15) ngày.

Ngoài phiên nhóm lệ này, Thượng Hội còn nhóm (03) tháng một lần.

Còn khi có việc gấp rút, Nghị Trưởng (Tức Giáo Tông) gọi Tờ Mời nhóm liền, hay là viết thư hỏi ý kiến chư Nghị Viên cũng được.

PHẬN SỰ CỦA THƯỢNG HỘI

Thượng Hội xem xét và phê chuẩn:

- 1- Các điều của Hội Nhon Sanh và Hội Thánh bàn luận về việc Đạo.
- 2- Các điều ước nguyện của Hội Nhon Sanh và Hội Thánh, những điều nào hoặc của Hội Nhon Sanh mà Hội Thánh đánh đổ, hoặc của Hội Thánh mà Hội Nhon Sanh đánh đổ, thì không được phép đệ lên Thượng Hội, trừ khi nào có đơn của hai ông Nghị Trưởng kêu nài.
- 3- Thượng Hội bàn luận và định đoạt các việc cần gấp hoặc yếu trọng phải ban hành trong Đạo.

TRƯỚC KHI NHÓM THƯỢNG HỘI

Chư vị Đầu Sư Nam phái và Đầu Sư Nữ phái cầm quyền cai trị về phần Đạo và phần Đời của con cái Đức Chí Tôn, thì phải lập Tờ phúc về những điều bàn tính của Hội Nhon Sanh và Hội Thánh đệ lên Giáo Tông xem xét rồi đem ra Thượng Hội thảo luận. Tờ phúc phải nộp (15) ngày trước bữa Thượng Hội.

Cả giấy tờ đem ra Thượng Hội phải có đủ cả Nghị Viên xem xét trước (07) ngày.

KHAI HỘI VÀ BÃI HỘI

Bữa Lễ Khai mạc Thượng Hội thì (03) vị Chánh Phối Sư Nam phái đến rước Giáo Tông và Hộ Pháp, còn Chánh Phối Sư Nữ phái đến rước Nữ Đầu Sư.

Cả Chức Sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài Nam, Nữ hiện diện tại Tòa Thánh mà không có phận sự cần yếu, mặc Thiên Phục đến trước Đền Thờ hầu rước.

Khi Giáo Tông và Hộ Pháp đến thì Lễ Viện cho lệnh đánh (06) hồi trống và chuông, dứt hồi trống chuông thì chư Nghị Viên vào Đại Điện bái lễ Đức Chí Tôn. Nhạc trời bản “Tấu Huân Thiên” dứt bản nhạc cả thầy an vị và khai Hội.

Bốn (04) vị Chánh Phối Sư tạm xuất ngoại chờ có lệnh mời mới đến. Cả Chức Sắc khác vào Thiên Phong Đường chỉ chờ bãi Hội mới đến hầu lễ đưa.

Hội nhóm trong Đền Thờ, trên Điện thì mỗi hương đảng (06) vị Lễ Sanh thuộc (03) Phái đứng hầu tại Bát Quái Đài, (02) vị Nữ Lễ Sanh hầu bên hữu ban, (02) vị Lễ Sanh Phái Ngọc hầu tả ban, mỗi giờ phải thay đổi.

Lúc bãi Hội, Chư vị Đại Thiên Phong ra về, Lễ Viện cũng cho đánh (06) hồi chuông trống, (04) Chánh Phối Sư đưa Chư vị Đại Thiên Phong mỗi người về đến tư dinh của mình.

TRẬT TỰ

Một vị Giáo Sư Phái Ngọc mặc Thiên Phục mang Sắc Lệnh của Hiệp Thiên Đài, cai quản Cơ Bảo Thể giữ gìn trật tự bên

ngoài, khi Hội Bế mạc, phải đem dây Sắc Lệnh trả cho Hiệp Thiên Đài.

Khi nhóm Thượng Hội thường xuyên thì nhóm tại Giáo Tông Đường, (Cơ Bảo Thẻ cũng giữ trật tự) song mặc y phục thường, vị Giáo Sư cai quản cũng vậy, Lễ Viện khỏi cho đồ chuông trống và đánh nhạc.

PHƯƠNG PHÁP BÀN CẢI

Trong mỗi việc đem ra bàn luận, mỗi Hội Viên được xin nói (03) lần, mỗi lần (05) phút, hay là (01) lần (15) phút đồng hồ. Phải chờ Hội Viên khác dứt lời, mới được đứng lên nói, không được chận lời của một Hội Viên nào.

BIỂU QUYẾT

Khi đã bàn cãi xong rồi, Hộ Pháp và Giáo Tông có ý kiến chi thì mới tỏ bày sau rốt, rồi Nghị Trưởng (Giáo Tông) định cho bỏ thăm, vẫn lấy đa số thăm làm Quy tắc.

Quyền của Giáo Tông và của Hộ Pháp hiệp lại là quyền Chí Tôn tại thế, cho nên (02) vị Đại Thiên Phong này không có bỏ thăm.

Nếu cả (03) Hội phản khắc nhau, thì quyền Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp lại chỉ định thế nào thì Chánh Trị Đạo phải đi theo thế ấy.

Thảng Giáo Tông và Hộ Pháp phản khắc nhau thì cả thầy ý kiến chánh trị và nguyện ước của Chúng sanh đều hủy bỏ. Chừng ấy Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội phải nhóm lại để thảo luận lần thứ hai nữa.

Trước giờ Bế mạc Thượng Hội (15 phút), Giáo Tông và Hộ Pháp cùng vào Đại Điện mật nghị, rồi trở ra cho Thượng

Hội rõ biết Quyết nghị chung của mình.

Quyền Vạn Linh trong nền Chánh Trị Đạo là một quyền rất nên trọng hệ, và phải đủ (03) Hội làm cơ quan thì lập quyền Vạn Linh mới đúng qui tắc.

Nói đến Vạn Linh tức nhiên nói chung cả Bát Hôn, Thần, Thánh, Tiên, Phật thì đã có Hội Thánh và Thượng Hội tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn làm tượng trưng rồi; còn Chúng sanh tức là vật chất, thảo mộc, thú cầm, Nhân loại thì có Nhơn sanh là phẩm tối linh, là thượng đẳng Chúng sanh thay thế bằng hình tượng của Hội Nhơn Sanh. Vậy thì Nhơn sanh không, không đủ kể là Vạn Linh, mà toàn Thánh Thể của Đức Chí Tôn cũng chưa phải là Vạn Linh được.

Ấy vậy, ba Hội phải kế tiếp nhau và phải tổng hợp đủ ba Hội mới có tánh cách đại diện cho Vạn Linh.

Về sự phân quyền (Séparation des pouvoirs), xem từ đầu tới cuối cách tổ chức của ba Hội, ta nhận thấy trong nền Chánh Trị Đạo, sự phân quyền chỉ tương đối (Séparation relative) mà thôi, chứ không phải phân quyền tuyệt đối (Séparation absolue).

Chư Chức Sắc dự Hội, vừa là nhơn viên của Hội Thánh, vừa là Nghị Viên của các Hội, theo ta tưởng thế nào cũng có điều tư vị, song Hiệp Thiên Đài luôn luôn kề cận để quan sát hành tàng, thành thử lúc nào cũng giữ vững nét công bình, và có công bình thì quyền hành mới đủ điều kiện tồn tại và mới có năng lực mãnh liệt đặng điều khiển bộ máy Chánh Trị Đạo quá bao quát.

HIẾN PHÁP CỦA ĐẠO (PHÁP CHÁNH TRUYỀN)

Trước hãy định nghĩa Hiến Pháp là gì?

Theo nghĩa thông thường, Hiến Pháp là một bản Văn kiện ghi chép những Luật lệ căn bản qui định sự tổ chức quyền Chánh Trị trong một nước và bảo vệ các công quyền của toàn thể công dân.

Pháp Chánh Truyền của Đạo là một bản Văn kiện do huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn truyền dạy, qui định sự tổ chức của nền Đại Đạo, Sắc phục của chư Thiên Phong đẳng cấp, quyền hạn của chư Chức Sắc cầm quyền Chánh Trị, hầu giữ vững Chơn Truyền của nền Chánh giáo, không cho có sự xâm phạm, giữ gìn cho cơ Đạo khỏi qui phạm.

A- HIẾN PHÁP CÓ HAI LOẠI.

1- Bất thành văn Hiến Pháp: Ngày trước không có Hiến Pháp, chỉ có các Điều Lệ do phong tục, tập quán vì thời gian mà biến thành. Bởi nguyên căn của nguồn gốc do sự biến thiên của tập tục và không văn kiện làm bằng chứng cho nên thường bị xâm phạm. Vì thế về sau, muốn cho nó được tôn trọng, cần phải biên chép thành Hiến Chương gọi là Hiến Pháp.

2- Thành văn Hiến Pháp: Là thứ Hiến Pháp lấy từ chương làm căn bản, được thông dụng trong các nước, vì nó ấn định một cách minh bạch quyền hạn của Chánh Phủ, công nhận và bảo đảm các quyền tự do Chánh Trị cùng tự do Dân sự của nhân dân.

Hiến Pháp thành văn lập thành do nhiều cách:

- a- Do Vua ban.
- b- Do sự cam kết giữa Vua và dân.
- c- Do Quốc Hội Lập Hiến làm ra.

Pháp Chánh Truyền thuộc về loại Hiến Pháp thành văn, và lập thành theo cách thứ nhất, song có điều khác nhau với Đồi là Hiến Pháp do Vua ban hành, còn Pháp Chánh Truyền do Đấng Chí Tôn dụng quyền năng Thiêng Liêng của huyền diệu Cơ bút mà truyền thế.

B- SO SÁNH CÁC TÍNH CHẤT CỦA HIẾN PHÁP VÀ PHÁP CHÁNH TRUYỀN

1- Hiến Pháp khác với Pháp luật thường.

Thường trong một nước, sau khi lập Quốc, lập tức Chánh Phủ triệu tập một Quốc Hội Lập Hiến, để lập Hiến Pháp, do theo Dân nguyện. Xong rồi, Quốc Hội Lập Hiến giải-tán, để triệu tập Quốc Hội Lập Pháp, chỉ có quyền hạn lập thành các Pháp luật thường để thi hành Hiến Pháp mà thôi.

Trong nền Đạo, có ba Nghị Hội hiệp lại làm cơ quan cho quyền Vạn Linh. Ba Hội ấy, quyền hạn tương đồng như Nghị Hội Lập Pháp, chỉ lập Pháp Luật thường do nguyện ước của Nhơn sanh, đăng thi hành Chơn Truyền Chánh giáo là Pháp Chánh Truyền.

2- Cứng tánh Hiến Pháp và nhu tánh Hiến Pháp.

Khi Nghị Hội Lập Pháp không có quyền sửa đổi Hiến Pháp thì Hiến Pháp ấy gọi là cứng tánh Hiến Pháp (Constitution rigide). Trái lại, khi Nghị Hội Lập Pháp sửa đổi Hiến Pháp đăng, như các Pháp luật thường thì Hiến Pháp ấy gọi là nhu

tánh Hiến Pháp (Constitution souple).

Pháp Chánh Truyền thuộc về loại cương tánh Hiến Pháp, bởi nó bất di, bất dịch, bất khả xâm phạm và ba Hội lập Quyền Vạn Linh không có quyền sửa cái.

3- Hiến Pháp đại yếu và Hiến Pháp chi tiết.

Những bản Hiến Pháp nào nói tỉ mỉ về sự tổ chức các cơ quan, các ty, các sở, như Hành Chánh, Tư Pháp, v.v.. gọi là Hiến Pháp chi tiết. Thứ Hiến Pháp này rất bất tiện, vì phải sửa đổi luôn, mà sửa đổi Hiến Pháp là một điều phiền phức. Còn Hiến Pháp đại yếu, chỉ nói những điều thật bao quát. Các Điều lệ chi tiết để cho Nghị Hội Lập Pháp tùy nghi ấn định cho hợp thời.

Pháp Chánh Truyền thuộc loại Hiến Pháp đại yếu.

CHƯƠNG THỨ BA CỬU TRÙNG ĐÀI QUYỀN HÀNH CHÁNH

TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH CỦA ĐẠO

Sự tổ chức bắt đầu từ dưới lên trên. Nền móng tổ chức này là Hương Đạo, nhiều Hương Đạo lập thành Tộc Đạo, nhiều Tộc Đạo lập thành Châu Đạo, nhiều Châu Đạo lập thành Trấn Đạo. Các Trấn Đạo trực tiếp liên lạc với Cửu Viện, tức là (09) Viện, đối chiếu Lục Bộ Thượng Thơ của Triều Đình, hay Hội Đồng Tổng Trưởng theo Chế độ Dân chủ.

Từ Trấn Đạo trở xuống thuộc về Hành Chánh Địa Phương, còn từ Cửu Viện trở lên là Cơ quan trụ cột ở tại Tòa Thánh,

cầm quyền cai trị toàn Đạo.

BẢNG TỔ CHỨC QUYỀN HÀNH CHÁNH

GIÁO TÔNG

Thái Chương Pháp Thượng Chương Pháp Ngọc Chương Pháp

Thái Đầu Sư Thượng Đầu Sư Ngọc Đầu Sư

Th. Chánh Phối Sư Thg. Chánh Phối Sư Ng. Chánh Phối Sư

Thượng Thống Cửu Viện

Khâm Trấn Đạo

Khâm Châu Đạo

Đầu Tộc Đạo

Bàn Trị Sự

***ĐỂ Ý:** Trong lúc loạn Đạo, ba vị Đầu Sư cầm quyền thống nhất, đầu Giáo Tông hay Hộ Pháp cũng phải tuân mạng. Đầu Sư, Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp lại thường gọi là “Hội Thánh Anh”.

THÁI, THƯỢNG, NGỌC ĐẦU SƯ

GIÁO TÔNG HỘ PHÁP

Điều chưa từng thấy và rất nên đặc biệt chú ý trong Chánh Trị Đạo là “Hội Thánh Em” tổ chức tại Hương Đạo.

- Chánh Trị Sự : Đầu Sư Em

- Phó Trị Sự : Giáo Tông Em

- Thông Sự : Hộ Pháp Em.

Vậy Đạo Cao Đài có một Hội Thánh Anh mà hằng hà sa số Hội Thánh Em, vẫn tấn hóa mãi mãi lên, và nhờ như vậy, không một quyền lực nào có thể diệt tiêu Hội Thánh của

Đạo Cao Đài cho được.

HÀNG PHẨM ĐỐI QUYỀN

- Cửu Viện : Phối Sư cầm quyền Thượng Thống.
- Trấn Đạo : Giáo Sư cầm quyền Khâm Trấn Đạo.
- Châu Đạo : Giáo Hữu cầm quyền Khâm Châu Đạo.
- Tộc Đạo : Lễ Sanh cầm quyền Đầu Tộc Đạo.
- Hương Đạo : Chánh Trị Sự cầm quyền Đầu Hương Đạo.
- Ấp Đạo : Phó Trị Sự cầm quyền Hành Chánh.
Thông Sự cầm quyền Tư Pháp.

Trong việc Hành Chánh, Nam, Nữ đều phân quyền.

Mỗi vị Thượng Thống có một Phụ Thống và nhiều thừa quyền Phụ Thống giúp việc. Trong các Hương Đạo thì Bàn Trị Sự Nam, Nữ cũng hành sự riêng biệt.

Hội Thánh phái Nữ cũng tổ chức y như Hội Thánh Nam phái, duy có một điều là phẩm cùng tột của Nữ là ĐÀU SƯ.

THIÊN PHỤC của Chức Sắc Cửu Trùng Đài

(Xem Pháp Chánh Truyền Chú Giải)

QUYỀN HÀNH

(Xem rõ trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải)

GIÁO TÔNG

Giáo Tông là người thay mặt cho Đức Chí Tôn tại thế, giáo hóa diu dắt toàn thể con cái Chí Tôn cho đến tột bậc ngang hàng cùng Thầy, trọn quyền dung nạp tâm lý của toàn thể Nhơn loại đặng tạo thành một cơ quan Chánh Trị Thiên Triều, trọn cả đường Đạo và đường Đời cho trọn câu Thể Thiên Hành Hóa.

Ngôi Giáo Tông là tột bực của loài người, mà chỉ truyền Hiền chứ không truyền Tử. Như thế mới có thể lập đời Thánh Đức trường tồn được.

Tại sao Quyền Chí Tôn lại chia làm hai?

Trước kia Đạo Thánh, Chí Tôn vì quá thương Nhơn sanh, đã giao phần Hồn và phần Xác cho Đức Chúa Giê Giu (Jésus Christ) đủ quyền năng lập Đạo. Trái lại, Nhơn sanh lợi dụng lẽ thương yêu ấy, nhứt là những kẻ kế vị cho Chúa, vì mang phạm thân, nhục thể, thành ra quá lạm dụng quyền Tối cao ấy như ngọn gươm bén mà sát phạt con cái của Chí Tôn. Chính Chí Tôn đã nói: “Vì quá thương mà ban cho”.

Ngày nay Chí Tôn cũng không phải đến lấy lại, mà chỉ chia đôi quyền hành ấy ra cho Giáo Tông và Hộ Pháp. Giáo Tông chỉ có quyền dìu dẫn con cái của Chí Tôn về phương châm giáo hóa, chánh trị cho thuần phong mỹ tục, thay quyền cho Chí Tôn trong đường Đạo và đường Đời mà thôi.

Còn Hộ Pháp có đặc quyền gìn giữ Luật pháp, bảo thủ Chơn Truyền, gìn giữ ngôi vị cho con cái Chí Tôn, không cho loạn hàng thất thứ.

Phương pháp ấy, Chí Tôn rất công bằng và chia đôi cho Lưỡng quyền, không thể chuyên chế để áp dụng mà hà hiếp con cái của Người.

CHƯƠNG PHÁP **(Cardinal Censeur)**

Ba vị Chương Pháp là người có phận sự đặc biệt của Hiệp Thiên Đài mà phẩm vị lại ở bên Cửu Trùng Đài. Ấy là Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn Cửu Trùng Đài phải có Hiệp Thiên

Đài chăm nom gìn giữ làm thế nào cho nền Chơn Giáo của Đức Chí Tôn không qui phạm. Nhờ vậy mà Chánh Trị Đạo không tự tung, tự tác, tự do canh cải mà làm mất nét Đạo đức, để xứng đáng là một nền chánh trị của Trời tại thế có sự công bằng hi hữu vậy.

Tại sao Thượng Chương Pháp mặc áo trắng?

Thượng Chương Pháp có quyền thay thế cho Giáo Tông khi vắng mặt (Pour remplacer le Pape par interim). Áo của Giáo Tông màu trắng tức là màu nguồn gốc của Đạo. Đạo không màu sắc, hay tượng trưng một màu rất trong sạch là trắng, là màu vô tội, trắng có thể biến ra các màu vàng, xanh, đỏ, v.v.. Trở lại màu trắng, tức là qui hồi căn bản vậy.

ĐẦU SU' (Cardinal)

Đầu Su là Thầy của các Thầy khác. Người có nửa quyền Tư Pháp và nửa quyền Hành Chánh. Người đứng trung gian giữa Giáo Tông và Chánh Phối Sư, nghĩa là giữa người cầm quyền cai trị Tối cao và người đại diện của Nhơn sanh là kẻ bị trị.

Đã được trách vụ quan trọng như thế, nhưng không có quyền trực tiếp thân cận với Nhơn sanh, việc chi cũng phải đi ngang qua tay Chánh Phối Sư mới được. Nếu không trút quyền ấy thì Đầu Su có thể giục loạn, làm cho con cái của Chí Tôn phải chia phe phân Phái.

Bởi cố, nên khi nào có loạn Đạo, Đầu Su được cầm Quyền Thống Nhứt, dụng độc tài mà trị loạn, dầu cho vị Chức Sắc Thiên Phong nào nhỏ hay lớn, cho đến Giáo Tông và Hộ Pháp cũng phải tuân theo mạng lệnh của Người khi hành sự.

Nhưng khi nào hết loạn Đạo, thì không được dùng Quyền Thống Nhứt nữa.

Chí Tôn lập Đạo, phân phát quyền hành cho mỗi con cái của Người, nhưng vẫn hạn định đặng tránh sự bất công.

Tại sao truất quyền thân cận với Nhơn sanh?

Chỉ có phẩm Đầu Sư và Chưởng Pháp được quyền tranh cử nếu khuyết Ngôi Giáo Tông. Nếu không truất quyền thân cận với Nhơn sanh của Đầu Sư thì Chưởng Pháp không trông gì tranh cử đặng.

PHỐI SU'

(Archevêque)

Phối Sư là người cầm đầu giềng mối Chánh Trị của Đạo, có (36) vị, chia ra làm (03) Phái, mỗi Phái (12) vị, trong (12) vị phải có một vị Chánh.

1-Thái Chánh Phối Sư: Lo về mặt Tài Chánh, gìn giữ sản nghiệp của Đạo, làm Chủ Tọa Hội Thánh.

Dưới quyền Thái Chánh Phối Sư có (03) Viện:

- **Hộ Viện:** Lo việc thu xuất tài chánh, phân phát lương hưởng, phụ cấp cho Chức Sắc (Trésorerie).
- **Lương Viện:** Bảo đảm sự sanh nhai, tìm phương nuôi sống toàn Đạo về mặt vật thực. (Intendance).
- **Công Viện:** Lo việc tạo tác dinh thự, đường giao thông, gìn giữ sản nghiệp của Đạo. (Travaux publics).

2- Thượng Chánh Phối Sư: Lo về mặt ngoại giao với Chánh Phủ, giữ quyền giáo hóa, làm Chủ Tọa Hội Nhơn Sanh, dưới quyền có (03) Viện:

- **Học Viện:** (Instruction publique) Lo bảo toàn: Thê, Trí, Đức dục của toàn thể Chức Sắc, Đạo Hữu và Nhi đồng.
- **Y Viện:** (Santé publique) Chuyên môn khoa cứu tế, lo trị các chứng bệnh của toàn Đạo.
- **Nông Viện:** (Agriculture) Lo khai phá mở mang đồn điền, chuyên về trồng tía.

3- Ngọc Chánh Phối Sư: Nắm quyền tạp tụng, cầm quyền Chủ Trưởng Chức Sắc, lo việc văn từ, chương quản (03) Viện:

- **Hòa Viện:** (Affaires intérieures et extérieures) Lo về nội, ngoại giao, gìn giữ trật tự và bảo an toàn Đạo.
- **Lại Viện:** (Service du personnel) Lo về công văn, Bộ Đạo, Bộ Khai Sanh, Bộ Khai Tử, Bộ Hôn Thú, Bộ Chức Sắc Hành Chánh, tuyên bố Chức Sắc trần nhậm các nơi.
- **Lễ Viện:** (Service des Rites) Lo về nghi tiết, cúng kiến, quan, hôn, tang, tế.

Cả (09) Viện trên đây họp lại gọi là Cửu Viện Nội Chánh, tức là Nội Các của Đạo vậy.

GIÁO SU **(Evêque)**

Giáo Sư cầm quyền cai trị của Đạo trong một Trấn, hay một Nước.

Toàn thể Đạo có (72) vị Giáo Sư chia làm (03) Phái: Thái, Thượng, Ngọc, mỗi Phái (24) vị, chẳng đặng tăng thêm hay giảm bớt.

Giáo Sư được rộng quyền dạy dỗ Nhơn sanh trọn vẹn đường Đạo và đường Đời. Có quyền xin chế giảm Luật lệ cho hợp với trình độ trí thức, hay sanh hoạt của Nhơn sanh.

GIÁO HỮU

(Prêtre)

Giáo Hữu cầm quyền cai trị của Đạo trong một Châu hay rộng hơn, sau này trong một Nước nhỏ, được quyền thân cận với Nhơn sanh đặng phổ thông Chơn Đạo của Thầy, thay mặt Giáo Sư khai đàn cho chư Đạo Hữu. Cả thầy có 3.000 Giáo Hữu, không đặng tăng thêm hay giảm bớt, chia ra mỗi Phái là 1.000 người. Giáo Hữu cũng có quyền xin chế giảm Luật lệ như Giáo Sư, nhưng phải đi theo đẳng cấp.

LỄ SANH

(Élève Prêtre)

Thánh Giáo của Đức Chí Tôn nói rằng: Lễ Sanh là đứa có hạnh trong con cái của Thầy lựa chọn, để hiến lễ trọng cho Thầy.

Nhờ ơn Đức Lý Giáo Tông định cho, theo Đạo Nghị Định thứ ba, Điều thứ hai cho Lễ Sanh được cầm quyền Hành Chánh một Tộc Đạo.

Số Lễ Sanh không có giới định, bao nhiêu cũng được. Phải vào hàng Lễ Sanh mới mong nhập vào Thánh Thể của Đức Chí Tôn được.

(Khai Pháp Trần Duy Nghĩa)

Còn tiếp



CHÚ GIẢI
DI LẶC CHƠN KINH & KINH CỨU KHỔ
(Thiên Vân - Hiền Tài Quách Văn Hòa)

(Tiếp theo TSTD số 81- 82)

C/. DỊCH NGHĨA

Tàng Trời Hội Ngươn Thiên có:

- Trụ Thiện Phật.
- Đa Ái Sanh Phật.
- Giải thoát khổ Phật.
- Điều Chơn Hành Phật.
- Thắng Giải Ác Phật.

Tất cả các vị Phật, tùng theo lệnh của Đức Di Lạc Vương Phật, có thể chiếu ánh sáng huyền diệu để tiêu trừ các nghiệp chướng.

Nếu có chúng sanh nào nghe biết lời của Ta, thì nên tìm cách thoát khỏi nghiệp chướng, bằng cách niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tùng theo những điều khoản luật pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì ắt được giải thoát khỏi luân hồi, mà đạt được Đạo Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là chứng quả vị nơi cõi Cực Lạc Niết Bàn.

Nếu như người được sanh ra, nếu như người chưa được sanh ra, nếu như người có kiếp sống, nếu như người không kiếp sống, nếu như người có tội, nếu như người không tội, nếu như người có lòng tưởng niệm, nếu như người không có lòng tưởng niệm, nghe được lời Ta nói mà phát khởi tâm tưởng lành, sẽ đạt Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ắt được giải thoát.

Nếu có người nhận và gìn giữ Phật pháp mà kinh sợ những chướng ngại của Ma vương, một lòng tưởng niệm: Nam Mô Di Lặc Vương Bồ Tát có thể cứu giúp những tai ách khổ sở, có thể cứu giúp được tam tai, có thể cứu giúp được bệnh tật, có thể cứu độ và dẫn dắt chúng sanh thoát hết các nghiệp chướng, ắt được giải thoát.

4.-HU' VÔ CAO THIÊN:

A/. KINH:

HU' VÔ CAO THIÊN hữu:

- Tiếp Dẫn Phật
- Phổ Tế Phật
- Tây Qui Phật
- Tuyên Kinh Phật
- Tế Pháp Phật
- Chiếu Duyên Phật
- Phong Vị Phật
- Hội Chơn Phật

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật tòng linh NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT, dẫn độ Chơn Linh đắc Pháp, đắc Phật, đắc duyên, đắc vị, đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề chứng quả nhập Cực Lạc Quốc, hiệp chúng đẳng chư Phật tạo định Thiên Thi tận độ Chúng Sanh đắc qui Phật Vị.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu trì thánh ngã dục đắc Chơn Truyền niệm thử NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT thường du Ta Bà thế giới, giáo hóa Chơn Truyền phổ tế Chúng Sanh giải thoát lục dục thất tình thoát đọa luân hồi tất đắc giải thoát.

B/. CHÚ THÍCH:

HƯ VÔ CAO THIÊN HỮU 虛無高天有

Hư Vô Cao Thiên 虛無高天: Tầng Hư Vô Thiên ở trên cao. Tầng Hư Vô Thiên do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chứng quả. Theo bí pháp của Đạo Cao Đài, sau chín tuần Cửu, đến Tiểu tường thì Chơn linh sẽ được tiếp dẫn vào Hư Vô Thiên để nghe lời Phật dạy. Mở đầu bài Kinh Tiểu tường có câu:

Tịnh niệm phép Nhiên Đăng tường tín,
Hư Vô Thiên đến thính Phật điều.

Tiếp Dẫn Phật 接引佛

Tiếp Dẫn 接引: Tiếp rước, dẫn dắt những người tu đắc Đạo vào cõi Thiêng Liêng.

Tiếp Dẫn Phật còn được gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, là vị Phật cầm phướn Tiếp dẫn, để tiếp rước và dẫn dắt các Chơn linh đắc Đạo về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Trong Tây Du Ký có kể lại câu chuyện về Tiếp Dẫn Đạo Nhơn như sau: Bốn thầy trò Đường Tam Tạng, sau khi đi thỉnh kinh về, đến bến Lãng Vân, thì không thể qua bên kia bờ sông được, còn đang bối rối, thì may có Tiếp Dẫn Đạo Nhơn chèo chiếc thuyền không đáy tới rước để đưa qua sông. Tam Tạng sợ quá, không dám xuống thuyền, Tề Thiên Đại Thánh bèn xô Thầy té xuống nước. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đỡ Tam Tạng ngồi vào thuyền và chèo đưa qua bên kia sông. Khi đến giữa dòng sông, mọi người thấy có một xác người trôi lờ đờ, nhìn kỹ, đó là xác phàm của Tam Tạng. Thế là Tam Tạng đã bỏ xác phàm mà thành Phật.

Trong kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối có câu nói về Tiếp Dẫn Phật như sau:

Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phước linh khai mở nẻo đường Lô Âm.

Phổ Tế Phật 普濟佛

Phổ tế 普濟: Cứu vớt chúng sanh rộng khắp mọi nơi.

Phổ Tế là tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vì vậy nên trước đây Hội Thánh có lập cơ quan Phổ Tế. Như chúng ta đã thấy thời Hạ ngươn mặt pháp, chúng sanh chẳng những khổ đau về đời sống ở thế gian, mà còn hứng chịu những thảm họa do thiên tai như: Sóng thần, động đất, lũ lụt và bệnh chướng nguy hiểm cho loài người. Do vậy, Đạo Cao Đài mới xuất thế để cứu vớt chúng sanh về phương diện vật chất lẫn tinh thần nhằm tận độ chúng sanh cho kịp ngày tận thế. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy có nói: “Đạo phát triển một ngày là một ngày hại nhơn sanh”.

Phổ Tế Phật là vị Phật cứu vớt tất cả chúng sanh khắp mọi nơi thoát khỏi luân hồi khổ não để trở về với cõi Tây Phương Cực Lạc.

Tây Quy Phật 西歸佛

Tây quy 西歸: Về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Về cõi Tây Phương Cực Lạc là về cõi giới của Đức Phật A Di Đà, đó là Cực Lạc Quốc.

Tây Phương Cực Lạc 西方極樂: Hay Tây Phương Tịnh Độ là một cõi tịnh độ ở Tây Phương do Phật A Di Đà giáo hóa. Cõi này còn được gọi là An Lạc Quốc, vì nơi đây hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc.

Tây Quy Phật là một vị Phật có nhiệm vụ dẫn dắt các chơn linh đắc đạo về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Tuyển Kinh Phật 選經佛

Tuyển kinh 選經: Chọn lựa Kinh sách, Giáo pháp.

Kinh điển Phật giáo bên xứ Ấn Độ rất nhiều, các nước theo Phật không thể thỉnh được toàn bộ kinh, mà phải lựa chọn một ít kinh quan trọng, vì đường giao thông thời bấy giờ rất khó khăn. Tại Trung Quốc, tất cả kinh sách được thỉnh về coi như là cốt tủy của Đạo Phật. Khi thỉnh kinh về rồi, không phải được phiên dịch toàn bộ, mà phải chọn những bộ kinh cốt yếu nhất để dịch, vì công trình phiên dịch vào thời bấy giờ cũng rất khó khăn. Toàn bộ kinh điển Phật được phiên dịch sang Hán ngữ tại Trung Hoa, vào thời nhà Thanh, được gom lại thành Tam Tạng Kinh. Ngoài những tạng kinh bằng tiếng Hán, còn tạng kinh đồ sộ thứ nhì là tiếng Tây Tạng. Tóm lại, kinh điển của Phật giáo nếu gom trên toàn thế giới thì nhiều không thể đếm được.

Giáo pháp hay kinh điển nào cũng vậy, tuy nhiều vô số kể, nhưng chúng sanh phải lựa chọn tùy theo căn cơ của mình để nương vào đó mà tu tập thì mới phù hợp với sự tiến hóa của chơn linh mình.

Tế Pháp Phật 濟法佛

Tế pháp 濟法: Đem Chơn Pháp tế độ chúng sanh.

Tất cả các giáo pháp trong thời nhứt kỳ và nhị kỳ phổ độ không đủ để phổ độ các đấng Nguyên nhân và chúng sanh, nên Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng mới khai sáng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là ý muốn đem Chơn pháp đến tế độ chúng sanh trong thời Hạ ngươn mật pháp, hầu các bậc nguyên nhân và toàn thể chúng sanh được tận độ để trở về ngôi xưa vị cũ.

Chiếu Duyên Phật 照緣佛

Chiếu duyên 照緣: Soi xét nhân duyên của chúng sanh. Nhân và Duyên là hai yếu tố hòa hợp tạo thành tất cả sự vật. Nhân là chính, sinh ra sự vật, duyên là phụ, trợ giúp cho sự vật được hình thành. Nhờ biết được lý nhân duyên, chúng ta có được một nhận thức đúng, và tự làm chủ vận mệnh của mình, bởi vì cuộc đời của ta tốt hay xấu, đau khổ hay hạnh phúc, hoàn toàn do những nhân duyên ta tạo lấy.

Phong Vị Phật 封位佛

Phong vị 封位: Định Ngôi vị cho các người đạt Đạo.

Theo Vũ trụ quan của Tôn Giáo Cao Đài, mỗi chơn hồn đều tiến hóa theo bát phẩm chơn hồn, tức là từ kim thạch tu tiến lên Nhơn hồn. Rồi Nhơn hồn còn phải tu nhiều kiếp nữa để đạt được các ngôi vị thiêng liêng như Thần, Thánh, Tiên và Phật vị. Nói cách khác, tùy theo công quả của kiếp sanh mà Nhơn hồn được phong vị theo Thần, Thánh, Tiên hay Phật.

Hội Chơn Phật 會真佛

Hội chơn 會真: Gom các pháp lại thành một nền Chơn pháp hay Chơn Đạo.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Chí Tôn có dạy: “Thầy đến lập cho các con một nền Chơn Đạo, tức là mỗi sự chi dối trá là chẳng phải của Thầy, Thầy đến là chủ ý để dạy cả môn sanh đặng hòa bình, chớ chẳng phải đến đặng giục thêm nghịch lẫn nhau”. Thầy còn dặn thêm: “Từ đây phải tin tưởng một Thầy và nghe lời Thầy dặn giữ gìn Đạo đức cho bền, còn ngoại trừ sự chi nghịch với Chơn Đạo thì là mưu chước của tà quái...”

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật
如是等恆河沙數諸佛

Như thị 如 是: Như là, như thế.

Chữ “như thị” ngụ ý việc gì đúng đắn, đáng tin tưởng được. Việc gì đáng tin gọi là Như thị, việc chẳng đáng tin gọi là Bất như thị.

Hằng hà 恆 河: Sông Hằng (sông Gange), một trong bốn con sông lớn nhất bên xứ Ấn Độ. Phát nguyên từ A Nậu Đạt (Vô Nhiệt Nã) trong rặng Tuyết Sơn (Hymalaya), bề ngang rộng đến 40 dặm, cát nhỏ mịn như bột. Vì Đức Phật thường thuyết pháp những địa điểm gần bên sông Hằng nên Phật hay dùng hình ảnh này để người nghe dễ lãnh hội.

Sa số 沙 數: Số hạt cát.

Hằng Hà Sa Số Chư Phật 恆 河 沙 數 諸 佛: Chư Phật nhiều như số cát nơi sông Hằng. Ý chỉ nhiều không thể đếm được. Mỗi khi muốn nói đến con số rất nhiều, không cách nào hình dung nổi, Phật thường dùng lượng cát trong sông Hằng để làm tỷ dụ.

Theo thuyết bên Phật Giáo, có rất nhiều vị Phật ở đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai. Kinh bên phái Đại Thừa cho biết trong một trụ kiếp có hằng nghìn vị Phật giáng thế để thuyết pháp mà cứu độ chúng sanh.

Tùng lịnh Nhiên Đăng Cổ Phật 從 今 燃 燈 古 佛

Nhiên Đăng Cổ Phật 燃 燈 古 佛: Một vị Phật của đời quá khứ, nên được gọi là Cổ Phật. Đức Nhiên Đăng Cổ Phật còn được gọi là Định Quang Phật 定 光 佛, vị Phật đã sống vô lượng kiếp trước thời đại chúng ta. Đó là vị Phật đầu tiên

và quan trọng nhất trong các vị Phật có trước Đức Thích Ca Mâu Ni.

Nhiên Đăng Cổ Phật là vị Phật tượng trưng cho các vị Phật trong đời quá khứ. Bên Phật Giáo ở Trung Hoa, người ta thường thờ Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chung với Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Vương Phật để gọi là thờ Tam Thế Chư Phật (Đời quá khứ, hiện tại và vị lai).

Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn cho biết Nhiên Đăng Cổ Phật đã giảng trần mở Phật Đạo ở Ấn Độ vào thời mà bên Trung Hoa là đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế.

Khi cúng tứ thời, tín đồ Cao Đài phải tụng Ngọc Hoàng kinh và tam giáo kinh. Bài Phật Giáo tâm kinh là tán tụng công đức Nhiên Đăng Cổ Phật là một Đấng Thiên Tôn dạy cho sáng tỏ Đạo Vô Vi (Nhiên Đăng Cổ Phật Vô Vi xiển giáo Thiên Tôn) và sau mỗi lạy đều niệm Hồng danh của Đức Ngài là: “Nam Mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Dẫn độ chơn linh đắc pháp, đắc Phật, đắc duyên, đắc vị
引度眞靈得法得佛得緣得位

Dẫn độ chơn linh 引度眞靈: Dẫn dắt và cứu giúp các chơn linh.

Đắc pháp 得法: Đắc được pháp, nghĩa là đạt được thể pháp và bí pháp của Đạo.

Đắc Phật 得佛: Đắc quả vị Phật.

Đắc duyên 得緣: Có được nhưn duyên với Phật.

Nhân duyên 因緣: Là hai yếu tố hòa hợp tạo thành tất các vật.

Nhân là yếu tố chính sinh ra sự vật; duyên hay trợ duyên là một yếu tố phụ giúp cho sự vật được hình thành. Trồng cây, giống là nhân; đất, nước, ánh sáng, làm đất, cuốc...là duyên.

Vạn sự, vạn vật đều do nhân duyên sinh. Nhờ hiểu rõ lý nhân duyên, chúng ta mới biết số mạng do ta làm chủ, bởi vì tương lai cuộc đời chúng ta có tốt hay xấu, đau khổ hay hạnh phúc hoàn toàn bởi những nhân duyên mà chúng ta đã tạo lấy. Cũng thế, được duyên gặp Phật cũng là do ta bồi đắp từ kiếp trước.

Đắc vị 得位: Đạt được ngôi vị.

Đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề chứng quả nhập Cực Lạc Quốc 得阿耨多羅三藐三菩提證果入極樂國

Đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề 得阿耨多羅三藐三菩提: Đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chứng quả 證果: Theo đạo Phật, người tu hành giác ngộ chứng được đạo.

Nhập 入: Đi vào.

Cực Lạc Quốc 極樂國: Chi cõi Tây Phương Cực Lạc hay Cực Lạc Thế Giới, là cõi tịnh độ ở phương tây do Phật A Di Đà giáo hóa. Cõi này là nơi hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc, không có những điều khổ não nên được gọi là cõi Cực Lạc.

Hiệp chúng đẳng chư Phật tạo định Thiên Thi tận độ Chúng Sinh đắc qui Phật Vị 合眾等諸佛造定天書盡度眾生得歸佛位

Hiệp chúng đẳng chư Phật 合眾等諸佛: Là hợp với nhiều Đấng Phật hay cùng với các Đấng Phật.

Tạo định 造定: Sắp đặt.

Thi 書: Thơ hay thư là sách.

Thiên thi 天書: Hay thiên thư là quyển sách của Trời. Trong đó ghi chép về luật pháp, nguyên lý vận hành vũ trụ do Thiêng Liêng định sẵn.

Việc khai nền Đại Đạo ở cõi nước Việt Nam ta cũng do Thiên thư tiên định. Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “Đại Đạo Tam Kỳ hoằng khai tại cõi Nam, đã chiếu theo Thiên thư, Hội Tam Giáo, mà vớt chúng sanh thoát vòng ly khổ, thiệt thiệt, hư hư, một mảy chi, cũng chẳng qua là máy thiên cơ mà thôi”. Trong Thánh Thi Hiệp Tuyển có bài viết:

Ký thành một cuốn gọi Thiên Thư,
Khai Đạo muôn năm trước định giờ.
May bước phải gìn cho mạnh trí,
Nắm đuôi phước phụng đến dương bờ.

Tận độ chúng sanh 盡度眾生: Cứu giúp hết tất cả chúng sanh, không chừa một ai.

Đắc qui Phật vị 得歸佛位: Được đắc quả ngôi vị Phật.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân 若有善男子善女人

Thiện Nam tử 善男子: Người Nam làm việc lành, làm việc thiện. Đây chỉ người tín đồ nam của đạo Cao Đài.

Thiện Nữ nhân 善女人: Người Nữ làm việc lành, làm việc thiện. Đây chỉ nữ tín đồ.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân 善男子善女人: Có hàm ý chỉ hết thầy kẻ nam, người nữ có lòng tin thâm thiết. Nói cả

nam lẫn nữ là có ý cho biết: Ai cũng có thể tu đắc đạo được. Theo giáo lý của nhà Phật, muốn được gọi là “Thiện nam tử, thiện nữ nhân”, người tu hành cần phải tu tập đủ ba loại tịnh nghiệp (Tịnh nghiệp tam phước).

1/ Phước trời người: Có bốn điều

- Hiếu dưỡng cha mẹ.
- Kính trọng bậc sư trưởng.
- Tâm từ bi, không sát hại mọi loài chúng sinh.
- Tu tập mười thiện nghiệp.

2/ Phước Nhị thừa: Có ba điều:

- Quy y tam bảo.
- Nghiêm trì các tịnh giới.
- Không phạm các oai nghi.

3/ Phước Đại thừa: Gồm có bốn điều:

- Phát tâm Bồ Đề
- Tin sâu nhân quả
- Thọ trì kinh Đại thừa.
- Khuyến khích mọi người tu tập giác ngộ.

Nhờ hành trì 11 điều trong ba loại Tịnh nghiệp, từ hiếu dưỡng cha mẹ đến khuyến khích mọi người tu tập giác ngộ, thì kẻ hành giả đã trở thành “Thiện nam tử, thiện nữ nhân” rồi.

Tu trì thính ngã dục đắc Chơn Truyền 修持聽我欲得真傳

Tu trì 修持: Tu có nghĩa là sửa đổi, tức là sửa đổi những điều xấu xa thành những điều tốt đẹp, tánh hung ác trở nên thiện lành. Tu trì là giữ gìn trong việc tu hành. Ví dụ như Trì giới tức là giữ gìn giới luật trong việc tu tập.

Dục đắc 欲 得: Mong muốn được, muốn được.

Chơn Truyền 真 傳: Hay Chân Truyền, những Giáo pháp chân thật được truyền lại cho người đời sau tu tập.

Theo Thánh giáo Đức Chí Tôn, Giáo Pháp của các Đấng trong nhất và nhị kỳ Phổ Độ lúc đầu là đúng chân truyền, nhưng dần dần bị cải sửa, nên xa lìa chánh giáo, do đó mới bị thất kỳ truyền. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, chính mình Đức Chí Tôn đem nền Chơn giáo truyền lại cho toàn cả chúng sanh trong thời Hạ ngươn mật pháp này bằng huyền diệu cơ bút, nên được gọi là mối Chơn truyền, do đó có thể truyền lại đến thất ức niên.

Niệm thử Nhiên Đăng Cổ Phật 念 此 燃 燈 古 佛

Niệm thử 念 此: Niệm như vậy, niệm như thế.

Nhiên Đăng Cổ Phật 燃 燈 古 佛: Xem chú thích trên.

Thường du Ta Bà Thế giới giáo hóa Chơn truyền 常 遊 娑 婆 世 界 教 化 真 傳

Thường du 常 遊: Thường thường dạo khắp.

Giáo hóa 教 化: Dạy dỗ.

Phổ tế chúng sanh giải thoát lục dục thất tình 普 濟 眾 生 解 脫 六 欲 七 情

Phổ tế 普 濟: Cứu giúp hay tế độ chúng sanh trong khắp mọi nơi.

Phổ tế là phổ hóa chúng sanh. Cơ quan phổ tế là lo phần Đạo của Đạo, hay nói một cách khác, là cơ quan đem Đạo vào Đời, dẫn dắt chúng sanh nương về với Đạo, hầu được tiến hóa đến trọn lành.

Vì thế, trước đây Tòa Nội Chánh của Đạo Cao Đài có cơ

quan Phổ tế là một trong bốn cơ quan: Phổ tế, Hành chánh, Phước thiện và Tòa đạo (Minh tra).

Lục dục 六 欲: Sáu điều ham muốn của con người hằng quấy nhiễu những người tu tập:

- Sắc dục 色 欲: Lòng ham muốn sắc đẹp
- Thính dục 聲 欲: Lòng mê âm thanh dịu êm.
- Hương dục 香 欲: Lòng thích mùi thơm.
- Vị dục 味 欲: Lòng ham ăn món ngon.
- Xúc dục 觸 欲: Thân ham muốn sung sướng.
- Ý dục 意 欲: Ý ham được thỏa mãn.

Thất tình 七 情: Bảy thứ tình cảm thường hay khuấy rối tâm con người. Đó là: Hỷ 喜 (mừng), Nộ 怒 (giận), Ái 愛 (yêu), Ố 惡 (ghét), Ai 哀 (buồn), Lạc 樂 (vui) và Dục 欲 (muốn).

Thoát đọa luân hồi tất đắc giải thoát 脫 墮 輪 迴 必 得 解 脫

Đọa 墮: Rơi xuống, rớt xuống.

Thoát đọa luân hồi 脫 墮 輪 迴: Thoát khỏi sự đọa đày của vòng luân hồi sanh tử, tức là đắc Đạo.

Tất đắc 必 得: Ất được.

C/. DỊCH NGHĨA:

Trên Tầng cao Hư Vô Thiên có :

- Tiếp dẫn Phật.
- Phổ Tế Phật
- Tây Qui Phật
- Tuyển Kinh Phật
- Tế Pháp Phật
- Chiếu Duyên Phật

- Phong Vị Phật
- Hội Chơn Phật

Như vô số các vị Phật, từng theo lệnh của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, diu dắt và phổ độ các Chơn linh để đạt được Pháp, đạt quả Phật, tạo được duyên, tạo được ngôi vị, đạt được Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứng được quả vị để nhập vào Cực Lạc Quốc, hiệp với chư vị Phật định ra Thiên thơ cứu giúp toàn sanh chúng được trở về ngôi vị Phật.

Nếu như có người Thiện Nam, người Thiện Nữ, gìn giữ sự tu tập, nghe lời Ta muốn được chơn truyền thì hãy niệm Nhiên Đăng cổ Phật, thường đạo khắp Ta Bà Thế Giới, giáo hóa Chơn truyền, tế độ chúng sanh khắp nơi, giải thoát khỏi Lục Dục, Thất Tình để ra khỏi vòng sanh tử luân hồi, ắt được giải thoát.

5.-TẠO HÓA THIÊN:

A/. KINH:

TẠO HÓA HUYỀN THIÊN hữu:

- Quảng Sanh Phật
- Dưỡng Dục Phật
- Chương Hậu Phật
- Thủ Luân Phật
- Cứu Vị Nữ Phật

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, từng lệnh KIM BÀN PHẬT MÃU năng tạo, năng hóa Vạn Linh, năng du Ta Bà Thế giới dưỡng dục quần sanh qui nguyên Phật vị.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân thính ngã dục tu phát nguyện Nam Mô KIM BÀN PHẬT MÃU dưỡng dục

quần linh, nhược hữu sanh, nhược vị sanh, nhược hữu kiếp, nhược vô kiếp, nhược hữu tội, nhược vô tội, nhược hữu niệm, nhược vô niệm, hườn hư thi hình đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề Xá Lợi Tử qui nguyên Phật vị tất đắc giải thoát.

B/. CHÚ THÍCH:

Tạo Hóa Huyền Thiên hữu 造化玄天有

Tạo Hóa Huyền Thiên 造化玄天: Tầng Trời Tạo Hóa Thiên huyền diệu, đây là Tầng Trời do Đức Diêu Trì Kim Mẫu chưởng quản. Trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh có câu:

Tạo Hóa Thiên huyền vi Thiên Hậu 造化天玄微天后,

Chưởng Kim Bàn Phật Mẫu Diêu 掌金盤佛母遙池.

Tạo Hóa Thiên là chỗ ngự của Đức Phật Mẫu và là nơi cầu tạo, hóa sanh muôn loài vạn vật. Căn cứ theo bài kinh Đệ Cửu Cửu thì Tầng Tạo Hóa Thiên rất huyền diệu, luôn luôn lúc nào cũng biến hóa không bao giờ ngừng nghỉ, từ tạo thiên lập địa đến nay và mãi mãi không cùng về sau:

Vùng thoát khí bát hồn vận chuyển,
Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng.

Quảng Sanh Phật 廣生佛

Quảng sanh 廣生: Sự sống rộng lớn của toàn thể chúng sanh.

Trong tất cả các nghiệp ác, giết hại chúng sinh có hậu quả nghiêm trọng nhất. Vì sao vậy? Vì mọi chúng sanh đều có bản tánh tham tiếc mạng sống của mình, ai cũng tham sống sợ chết. Thánh giáo Chí Tôn dạy về sự bảo sanh như sau: “Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh

hay hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước. Nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai, biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy. Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ. Các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy”.

Lại nữa, Chí Tôn và chư Phật, Tiên, Thánh là Đấng háo sanh, tức là rất yêu thương mạng sống của mọi loài sanh linh:

Lòng Trời Đất thương đều muôn vật,
Đức háo sinh Tiên Phật một màu.

(Kinh Sám Hối)

Vì thế, người tu hành phải trường trai giới sát để thể hiện lòng Từ bi của Trời Phật và mở lòng quảng đại yêu thương mạng sống hết thảy các sinh linh.

Quảng Sanh Phật là vị Phật đại từ bi thương yêu cả chúng sanh đồng với Chí Tôn, Phật Mẫu.

Dưỡng Dục Phật 養育佛

Dưỡng dục 養育: Nuôi dưỡng và dạy dỗ.

Phật Mẫu chẳng những là Đấng tạo hóa ra vạn linh, sanh chúng, mà lại còn là Đấng có công dưỡng dục và giáo hóa quần linh. Trong bài kinh Tán tụng công đức Diêu Trì kim Mẫu có câu:

Âm dương biến tạo Chơn thân,
Lo cho nhơn vật về phần hữu vi,
Mớm com, vú sữa cũng tay,
Dưỡng sanh đùm bọc với tài Chí Công.

Dưỡng Dục Phật cũng là một vị Phật chăm sóc và dưỡng nuôi vạn linh sanh chúng như Đức Phật Mẫu là Đấng mẹ

hiền của vạn linh vậy.

Chưởng Hậu Phật 掌厚 佛

Hậu 厚: Dày, sâu dày, ân hậu, trái với bạc.

Chưởng hậu 掌 厚: Năm giữ, coi sóc và thi hành ân hậu đối với chúng sanh.

Thủ Luân Phật 守 倫 佛

Thủ luân 守 倫: Giữ gìn luân thường đạo lý.

Luân Thường là những phép tắc, đạo đức trong cư xử ở đời được qui định không thay đổi mà mọi người có bổn phận phải gìn giữ và tuân theo.

Luân Thường gồm: Ngũ luân và ngũ thường.

Ngũ luân 五 倫: Là năm phép cư xử theo đạo lý là vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn (Quân thần 君 臣, Phụ tử 父 子, Phu thê 夫 妻, Huynh đệ 兄 弟, Bằng hữu 朋 友).

Ngũ thường 五 常: Là năm đức tính căn bản phải gìn giữ luôn luôn, đó là: Nhân 仁, Nghĩa 義, Lễ 禮, Trí 智, Tín 信.

Dữ 與: Với, cùng với.

Cửu Vị Nữ Phật 九 位 女 佛

Cửu Vị Nữ Phật 九 位 女 佛: Tức là Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung, có công dìu dắt các vị Thiên Sứ mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và có công tiếp độ các Chơn linh trong thời Hạ Ngươn về các cõi Cửu Thiên Khai Hóa, nên được phong làm Phật vị.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, ngoài nhiệm vụ giáo hóa chúng sanh, Cửu Vị Nữ Phật còn có nhiệm vụ siêu độ các Chơn

linh vượt qua Cửu Trùng Thiên để vào Hỗn Nguơn Thiên, qua bí pháp tụng Cửu, Tiểu, Đại Tường. Ngoài ra vì muốn độ tận các Nữ hồn, nên Thất Nương tình nguyện xuống cõi Âm Quang để cứu giúp, giáo hóa các nữ hồn ở nơi ấy được siêu thăng thoát hóa.

Tùng lệnh Kim Bàn Phật Mẫu 從 令 金 盤 佛 母

Kim Bàn Phật Mẫu 金 盤 佛 母: Tức là Diêu Trì Kim Mẫu, chưởng quản Kim Bàn nơi Diêu Trì Cung, là nơi chứa các nguyên chất để tạo ra Chơn Thần cho các bậc Nguyên Nhân, nên còn được gọi là Kim Bàn Phật Mẫu.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu nguồn gốc là do hóa thân đầu tiên của Đức Chí Tôn để làm chủ khí Âm Quang.

Đối với vũ trụ quan của Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế có giải thích như sau: "Khí Hư Vô sanh có một mình Thầy". Khí Hư Vô còn gọi là Tiên Thiên Chánh Khí hay Hạo Nhiên Chi Khí, là khí có trước khi có Trời Đất, tức là khi Trời Đất chưa có phân định, còn trong thời kỳ Hồng Mông, mờ mờ mịt mịt, lặng lẽ vô vi. Khí Hư Vô này vô cùng nhẹ nhàng, tinh khiết bằng bạc khắp vũ trụ càn khôn, kết tụ muôn đời nhiều kiếp, đến thời kỳ có một tiếng nổ lớn liền biến sanh ra một ngôi gọi là Thái Cực, một khối Đại Linh Quang toàn tri toàn năng, vô cùng vô tận, sáng lòa rực rỡ, chiếu tỏa khắp Càn Khôn Vũ Trụ. Đó là Thái Cực là ngôi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đức Chí Tôn mới phân định Thái cực ra Lưỡng nghi là khí Dương quang và Âm quang. Đức Chí Tôn nắm quyền chưởng quản khí Dương quang, còn khí Âm quang thuộc quyền chưởng quản của Diêu Trì Kim Mẫu hay Kim Bàn

Phật Mẫu.

Khí Dương Quang của ngôi Thái Cực mới phối hợp với khí Âm Quang để tạo hóa ra vạn vật và Càn Khôn Vũ Trụ. Vạn Loại Chúng sinh do Đức Mẹ hóa sanh gồm bát hồn: Kim Thạch hồn, Thảo Mộc hồn, Thú Cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Càn Khôn sản xuất hữu hình,
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh.
(Phật Mẫu Chơn Kinh)

Năng tạo năng hóa vạn linh năng du Ta Bà Thế giới
能造能化萬靈能遊娑婆世界

Năng tạo năng hóa vạn linh 能造能化萬靈: Có thể biến tạo và sinh hóa ra vạn linh.

Theo Thánh giáo, Đức Chí Tôn ngự ngôi Thái cực rồi phân Lưỡng nghi là Dương quang và Âm quang. Dương quang do Chí Tôn cai quản, còn Đức Phật Mẫu nắm phần Âm quang để phối hợp với Dương quang ấy mà tạo hóa ra vạn chơn linh trong Càn khôn Vũ trụ.

Dưỡng dục quần sanh quy nguyên Phật vị 養育群生歸源佛位

Dưỡng dục 養育: Nuôi dưỡng và dạy dỗ.

Quần Sanh 群生: Đồng nghĩa với chúng sanh, là chỉ tất cả các loài sanh vật như thảo mộc, thú cầm, nhơn loại.

Qui nguyên 歸元: Trở về nguồn cội.

Chúng sanh là một tiểu linh Quang của Ngọc Hoàng Thượng Đế. Theo luật tiến hoá, các chơn hồn phải đầu kiếp xuống phàm trần là vật chất, rồi từ tinh hoa của vật chất, mới tiến

lên đến kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại, cho đến Thần, Thánh, Tiên, Phật. Sau đó, nếu vẫn tiếp tục tu hành, chơn linh sẽ qui nguyên về với nguồn cội là khối Đại Linh Quang của Đức Chí Tôn.

Thính ngã dục tu phát nguyện 聽我欲修發願

Thính ngã 聽我: Nghe lời Ta dạy. Lời của Đức Phật.

Dục tu 欲修: Muốn tu hành.

Phát nguyện 發願: Phát tâm lập nguyện.

Huòn hư thi hình đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề
還虛屍形得阿耨多羅三藐三菩提

Huòn 還: Hay hoàn là trở lại, trở về.

Hư 虛: Hư không, hư vô.

Thi hình 屍形: Thi hài hình thể.

Huòn hư thi hình 還虛屍形: Thi hài hình thể, khi chết trở về nơi hư không, bởi vì do tứ đại giả hiệp.

Theo triết lý Phật giáo, hữu hình hữu hoại, lại nữa thi thể hình hài là một khối vật chất hữu hình do tứ đại hiệp lại mà thành, nên rồi sẽ trở về hư không. Hai câu liền trên thuyên Bát Nhã viết:

Vạn sự viêt vô: Nhục thể thổ sanh hoàn tại thổ,

萬事曰無: 肉體土生還在土

Thiên niên tự hữu: Linh hồn thiên tứ phản hồi thiên.

千年自有: 靈魂天賜反回天

Nghĩa là:

Muôn việc đều không, xác thịt do đất tạo ra thì hoàn lại đất, Ngàn năm tự có, linh hồn do Trời ban cho, quay trở về trời.

Xá lợi tử qui nguyên Phật vị tất đắc giải thoát 舍利子歸

源佛位必得解脫

Xá lợi舍利: (Sarira) hình hài, thân xác của các bậc Thánh Đắc Đạo hay Đức Phật Thích Ca, sau khi hỏa táng, xương cốt còn lại là những tinh thể rắn chắc và tròn hạt như những viên bi sáng, lóng lánh như ngọc, nên người ta gọi những tinh thể đó là Xá Lợi. Xá Lợi được thờ nơi Bửu Tháp.

Hạt Xá Lợi được gọi là Xá Lợi Tử舍利子.

Xá lợi tử còn là một từ ngữ đặc biệt dùng để chỉ cái chơn thần huyền diệu của những người luyện Đạo khi Tinh Khí Thần đã hiệp nhất đắc đạo thành Tiên, Phật. Chơn thần này bên tu Tiên gọi là Thánh thai hay Kim đơn, bên Phật thì gọi là Mu ni Bửu châu, Xá lợi tử.

Qui nguyên Phật vị 歸元佛位: Trở về với ngôi vị Phật.

C/. DỊCH NGHĨA:

Tạo Hóa Thiên là một Tầng Trời huyền diệu, có:

- Quảng Sanh Phật.
- Dưỡng Dục Phật.
- Chương Hậu Phật.
- Thủ Luân Phật.
- Cùng với Cửu Vị Nữ Phật

Như vô số các vị Phật, từng theo mệnh lệnh của Kim Bàn Phật Mẫu, có thể tạo hóa ra vạn linh, có thể dạo khắp Ta Bà Thế Giới, để nuôi dưỡng chúng sanh, trở về với ngôi vị Phật xưa.

Nếu như có người Thiện Nam, người Thiện Nữ, nghe lời Ta nói, muốn tu hành thì hãy phát ra lời cầu nguyện: Nam Mô Kim Bàn Phật Mẫu, nuôi dưỡng và dạy dỗ quần linh, nếu

như được sanh ra, nếu như chưa sanh ra, nếu như có kiếp sống, nếu như chẳng có kiếp sống, nếu như có tội, nếu như không có tội, nếu như có lòng tương niệm, nếu như không có lòng tương niệm, thì thể hình hài sẽ trở về cõi hư vô, đạt được Phẩm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và chơn thần sẽ trở về với ngôi vị Phật xưa, ắt được giải thoát.

6.-PHI TƯỚNG DIỆU THIÊN:

A/. KINH:

PHI TƯỚNG DIỆU THIÊN hữu:

- Đa Pháp Phật
- Tịnh Thiện Giáo Phật
- Kiến Thăng Vị Phật
- Hiền Hóa Sanh Phật
- Trục Tà Tinh Phật
- Luyện Đắc Pháp Phật
- Hộ Trì niệm Phật
- Khai Huyền Cơ Phật
- Hoán Trục Tánh Phật
- Đa Phúc Đức Phật

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, tòng linh TỪ HÀNG BỒ TÁT, năng du Tà Bà Thế giới thi pháp hộ trì Vạn Linh Sanh Chúng.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tín ngã ưng dương phát nguyện Nam Mô TỪ HÀNG BỒ TÁT, năng cứu tật bệnh, năng cứu tam tai, năng độ tận Chúng Sanh thoát ư tứ khổ, năng trừ tà ma, năng trừ nghiệt chướng, tất đắc giải thoát.

(Còn tiếp)

HT Quách Văn Hòa

DLT

COMPLETE AUTO BODY & REPAIR

60 Stockton, San Jose, CA 95126

Tel: (408)288-8856 FaX# (408)288-8855



ĐẶC BIỆT

Có giá thương lượng
cho thân chủ
không có bảo hiểm

*- Có nhận làm Đền bị
vàng và scratch làm ra
như mới.

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Bảy:
9.00 AM - 6.00 PM

**TẤT CẢ CÁC CÔNG VIỆC
ĐƯỢC CHỦ BẢO ĐẢM**

- *- Chuyên làm đồng, kéo sườn & sơn tất cả các loại xe.
- *- Có phòng sơn hấp đặc biệt & Giàn kéo sườn tối tân.
- *- Sơn đúng màu, đẹp, láng như mới.
- *- Chủ và thợ đều có bằng tại Mỹ, có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề.
- *- Free estimate, deductible, towing.
- *- Nhận tất cả các loại bảo hiểm và có nhân viên lo mọi thủ tục trực tiếp với hãng bảo hiểm.

NHẬN SỬA CÁC LOẠI XE MỸ & NGOẠI QUỐC GIẢI QUYẾT MỌI TRỞ NGẠI VỀ MÁY & HỘP SỐ

- *- Engine tune-up.
- *- Thay nhớt máy, hộp số. Thay thắng tiện đĩa.
- *- Thay timing belt.
- *- Complete clutch job.
- *- Thay Máy, Hộp Số.
- *- Thay Axle, Saft.
- *- Thay Catalytic.
- *- Sửa tất cả điện xe.
- *- Computer Diagnostic.
- *- Scanner set up Check engine light.

**REBUILT MÁY, HỘP SỐ, BẢO ĐẢM 6 THÁNG HAY 1 NĂM
CHO MỌI VIỆC LÀM NHANH CHÓNG & THÀNH THẬT**

FINANCIAL SERVICES

6947 Linda Vista Road, Suite C, San Diego, CA 92111

(Trong khu chợ Thuận Phát, sau lưng Mc Donald)

Telephone: (858)467-0833 (858)277-3999

GIỮ SỔ SÁCH VÀ KHAI THUẾ (BOOKKEEPING & TAX SERVICES)

*- Giữ Sổ Sách Kế Toán
(Bookkeeping Services)

*- Làm Lương Bổng
(Payroll Services)

*- Khai Thuế
(Tax Services for
individual, Partnership,
LLC, Corporation, etc).



*- Giúp thành lập Công Ty và các Dịch Vụ Thương Mại
(Form Partnership, Corporation & Businesses).

*- Giúp sang Tiệm Nail, Tóc, Shop sửa xe, Nhà Hàng và các
Cơ Sở Thương Mại.

*- Làm các Hợp Đồng Mua Bán Tiệm, Mướn Mặt Bằng,
Thương lượng với chủ đất, Trung Tâm Thương Mại để
hoàn tất thủ tục sang nhượng hoặc mướn tiệm.

*- Thị Thực chữ ký (Notary Public) và phiên dịch các
loại đơn từ.

VĂN PHÒNG THUẾ CHUYÊN NGHIỆP HOẠT ĐỘNG QUANH NĂM

Thành Thật - Tận Tâm - Uy Tín - Lệ Phí phải chăng

Để biết thêm xin Liên Lạc:

NHỰ TƯỜNG & THÙY TRANG



LISA'S FLORIST

2424 Quimby Rd
San Jose, CA 95148

ĐT: (408)528-7675 Cell: (408)828-5833

Đảm trách mọi dịch vụ về:

- *- Hoa Tươi,
- *- Hoa Đám cưới,
- *- Đám hỏi,
- *- Đám hỏi,
- *- Sinh Nhật,
- *- Thăm viếng,
- *- Ra Trường
- *- Đeo Cổ
- *- Đeo Tay
- *- Chúc Thọ
- *- Tân Gia
- v. . v. .
- *- Free Delivery



- *- Hoa Đám
- *- Hoa phũ
trên Quan tài
- *- Hoa Phúng
Điếu
- *- Trang hoàng
Thánh Đường
- *- Bàn Thờ
Gia Tiên
- *- Đặc biệt
Có nhận may
tang phục
miễn phí.

ĐẶC BIỆT

- *- Vòng hoa Phúng Điếu \$89.00
Nhận ORDER 24/24
- *- Bớt 15% cho các gia đình H.O
& các Hội Đoàn

KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
P O. Box 21577
San Jose, CA 95151
Điện thoại: (408) 238-6547